LỜI GIỚI THIỆU

Trong kho tàng văn hóa của nhân loại chúng ta phải kể đến kinh dịch một bộ sách cổ nhất của Tầu do nhiều người viết, qua nhiều thời đại khác nhau và có căn bản thực nghiệm của tất cả tư tưởng triết học Trung Hoa và Á Đông ngày nay. Tử vi bói toán được thoát thai từ đó và bành trướng trong dân gian. Tiên khởi có tính cách huyền bí, định mệnh con người được cho rằng đã an bài ngay từ lúc chào đời, nên đã lấy thời điểm này để tiên đoán vị lai theo một số nguyên tắc đặt định, theo sự tốt xấu của các vì tinh tú hội chiếu … Dần dần về sau tử vi được san định và bớt tính cách mê hoặc tuy rằng những nguyên tắc và định lý vẫn xây dựng trên những dữ kiện trừu tượng, khó có thể kiểm chứng để cho mọi người tha hồ muốn hiểu sao cũng được, các thày tử vi bói toán muốn tiên đoán cách nào cũng được và tranh luận liên tu bất tận.

Trong chiều hướng phá bỏ tính cách huyền bí mê hoặc của khoa tử vi, đưa khoa này về chỗ thực dụng, về tính nhân bản của con người, về đạo sống ở đời, Thiên Lương tiên sinh đã quan niệm tử vi như là một đạo lý của thánh nhân xưa, một môn giáo dục đạo đức của kẻ sĩ, tự biết mình, biết người để chung hòa dễ dàng và thích hợp với đời sống cá nhân và cộng đồng xã hội. Cụ đã hệ thống hóa khoa tử vi bằng kinh nghiệm và lý giải. Qua tờ Nguyệt San Khoa Học Huyền Bí, những khám phá mới của cụ đã lần lượt được phổ biến và gây sôi nổi trong giới tử vi của những năm 1972, 1973 và đến mùa xuân 1974 quyển sách Tử Vi Nghiệm Lý của cụ ra đời. Cụ đã phát kiến vòng Thái Tuế với các yếu tố thiên thời, nhân hòa và địa lợi để nghiên cứu tính tình con người. Cụ đã đưa khoa này thành một khoa tâm lý học. Cụ dự định sẽ cho phát hành cuốn sách thứ hai tựa là: "Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư" vào mùa xuân năm 1975 với nhiều khám phá mới lạ khác, nhưng vì thời cuộc thay đổi nên hoài bão của cụ đã không thành. Nay, mười năm sau đó, và cũng vào dịp giỗ đầu cụ, quyển sách Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư được ra đời do thứ nam của cụ là ông Lê Hồng Đức ở San Jose và ông Cam Vũ chủ nhiệm nghiên cứu thuộc Hội Nghiên Cứu Tử Vi Lý Số ở Westminster nỗ lực nối tiếp thực hiện.

Phải công tâm mà nói rằng quyển Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư ra đời là kết quả của một quá trình nghiên cứu lâu dài của cụ trải

qua nhiều triều đại chính trị, nhiều thăng trầm của cuộc đời của quốc gia xã hội.

Với quyển Tử Vi nghiệm Lý người hâm mộ Tử Vi đã say sưa với vòng Thái Tuế, với cơ cấu của 3 tính lý thành văn: Thiên thời, Nhân hòa và Địa lợi; với vòng Lộc Tồn, cái mồi phú quý vinh hoa của cuộc đời.

Với quyển sách Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư này chắc chắn rằng quí vị cũng sẽ say sưa với những lý giải thâm sâu, với lối hành văn tuy cô đọng nhưng bóng bẩy, ví von, với những tiết mục nói về nhân quả luân hồi, về hai chữ tài thọ, về Đào Hồng, tam hóa liên châu, về oan trái nghiệp quả của hình riêu Không Kiếp và vòng Tràng sinh mà đã có một thời các nhà hâm mộ tử vi hải ngoại tranh luận kịch liệt qua hội thảo và trên mặt báo chí Trắng Đen, Hồn Việt, Tập San Nghiên Cứu Tử Vi … chắc quí vị sẽ thích thú khi tìm thấy những phát kiến mới khác nơi những bài của cụ, về những cơ cấu chặt chẽ liên hệ của tinh đẩu hình hại, tinh đẩu đối cung và tinh đẩu nhị hợp, chúng ta sẽ thấy rõ hơn về cái bản thể của mỗi người, thấy rõ khoa tử vi không phải là một khoa huyền bí mà là một khoa có bố cục tinh vi, linh hoạt, không tà thuật, mê hoặc.

Trong tinh thần tiếp nối truyền thống nghiên cứu chúng tôi thay mặt Hội Nghiên Cứu Tử Vi và Lý Số xin trân trọng giới thiệu đến quí vị quyển sách Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư.

Fullerton, California ngày 15–8–1985
NGUYỄN XUÂN QUANG
Tổng thư ký
Hội Nghiên Cứu Tử Vi và Lý Số

Tiểu sử Cụ Thiên Lương

Cụ Thiên Lương có tên là Lê Quang Khải, sinh ngày 12-07 - 1910 nhằm ngày 06 tháng 06, giờ mão trong một gia đình nho giáo tại làng Phượng Lâu, tỉnh Hưng Yên Bắc Việt. Thân phụ cụ lúc đó là một nhà địa lý có tiếng tại tỉnh nhà, anh ruột cụ cũng nổi danh về môn dịch lý vào thời kỳ 1950 -1963 tại Sài Gòn dưới danh hiệu Đẩu Sơn.

Năm 18 tuổi cụ hoạt động chống thực dân Pháp trong lực lượng Việt Nam Quốc Dân Đảng do cố liệt sĩ Nguyễn Thái Học lãnh đạo, nhưng chẳng bao lâu tông tích bị bại lộ, cụ bị mật thám Pháp truy lùng nên phải trốn vào Nam. Cụ đã lập gia đình và lập nghiệp tại xã Chánh Lưu tỉnh Thủ Dầu Một (nay là xã Chánh Hiệp tỉnh Sông Bé). Thời gian ở đây cụ có tất cả 6 người con nhưng bị bỏ mất 03. Năm 1945 cửa hàng buôn bán của cụ đang hồi cực thịnh nhưng chỉ sau 05 phút tất cả chỉ còn lại một đống tro tàn lẫn trong một đống gạch vụn; đây là hậu quả của cuộc oanh kích của phi cơ Đồng Minh vào quân đội Nhật Bản trú đóng cách đó không quá ½ cây số. Buồn vì gia sản tiêu tan nên cụ bà sau khi sinh người con út (9/1945) đã bỏ cụ ở lại với 03 đứa con dại hưởng dương 34 tuổi. Qua năm sau cụ dẫn dắt đám con thơ trở về quê nội lập lại sự nghiệp. Qua năm sau cụ lập gia đình lần thứ hai và từ đó có thêm được 4 người con nhưng lại bỏ mất 1.

Ngày 16/8/1954 cụ và cả gia đình một lần nữa lại rời quê cha di cư vào Sài Gòn lánh nạn Cộng Sản và làm việc tại Tổng Nha Ngân Sách và Ngoại Viện cho tới năm 1971 thì về hưu sống với con cháu cho tới ngày 17/09/1985 (nhằm ngày 22 –08 Giáp Tý) lúc khoảng 3 giờ chiều thì quy tiên vì bệnh gan: vừa đúng tròn 40 năm sau ngày cụ chánh thất qua đời: hưởng thọ 76 tuổi tại xã Chánh Hiệp tỉnh Sông Bé.

Như vậy trải qua biết bao nhiêu chuyển biến của cuộc sống, phải chăng hương hồn cụ hẳn đã hài lòng nhắm mắt tại địa danh nơi mà trước kia cụ đã chọn nó làm nơi lập nghiệp?

Cụ Thiên Lương bắt đầu nghiên cứu Tử Vi từ năm 18 tuổi, nhưng bao phen cụ chán nản bỏ cuộc và không tin môn học cổ này, nhưng rốt cuộc cụ quay trở về với nó và thành công rực rỡ.

Trước năm 1970 cụ chỉ nghiên cứu và chỉ dạy cho con cái cùng ít bạn bè thân thuộc nên ít ai biết đến. Từ năm 1970 về sau vì theo sự yêu cầu của con cái và nhất là của cố ký giả lão thành Trần Việt Sơn nên cụ đã đồng ý cho phổ biến trên tờ Khoa Học Huyền Bí những tài liệu do cụ đã nghiên cứu và khám phá và bút

hiệu Thiên Lương được khai sanh từ đó. Đến mùa xuân 1974 cụ cho xuất bản quyển sách tử vi đầu tay mang tựa: "Tử Vi Nghiệm Lý" với 2000 số và đã bán hết sạch trong vòng 03 tháng. Cụ hy vọng vài năm sau sẽ cho ra tiếp quyển "Tử Vi Nghiệm Lý Toàn Thư" nhưng hoài vọng của cụ đã không thành vì CS xâm chiếm miền nam VN. Tất cả bài vở cùng tài liệu của cụ đã được gởi ra hải ngoại cho con trai thứ trước ngày cụ biết sắp sửa quy tiên.

Cụ Thiên Lương chủ trương môn tử vi nghiệm lý có nghĩa là những khám phá mới của cụ muốn cho các độc giả nghiên cứu, chiêm nghiệm với thời gian để ứng xem đúng sai, chứ cụ không chủ trương đả phá, phê bình hay bút chiến với bất cứ ai và cụ luôn luôn giữ thái độ im lặng mỗi khi có ai phê bình hay hoặc dở về các khám phá mới của cụ đã được phổ biến (1) ngoài ra cụ cũng căn dặn con cháu và các môn sinh đừng bao giờ dùng tử vi để kiếm tiền hoặc làm "cần câu cơm" và chỉ được "tạm" hành nghề khi ngoài tuổi 60 không ai nương tựa nhưng chỉ đủ sống độ nhật mà thôi.

(1) Năm 1974 cuốn Tử Vi Tổng Hợp của tác giả Nguyễn Phát Lộc có một vài đoạn phê bình và chỉ trích những kinh nghiệm của cụ trong bài nói về tam hợp tuổi và Lộc tồn.

NGUYÊN LÝ CỦA 60 HOA GIÁP

Mọi sinh vật sống trong vũ trụ đã được nhận định theo luật âm dương. Cây cỏ cũng có hoa đực hoa cái, con trùng con kiến cũng có con cái con đực, cho đến vật dụng hàng ngày hầu như cũng dị biệt giữa đực và cái. Luật âm dương chi phối vũ trụ mọi sự sinh hoạt. Không gian đã có thiên là phải có địa. Thời gian càng chịu ảnh hưởng nhiều hơn.

Đã có mùa đông giá lạnh, phải có mùa hạ nóng hầm, mùa xuân ấm tươi, phải có mùa thu dịu tàn.

Âm dương là tinh thần, phần vật chất là ngũ hành, Thiên can là dương, Địa chi là âm. Thiên can có ngũ hành của Can, Địa chi có ngũ hành của Chi. Ngũ hành của Can có cái dương và cái âm. Địa chi cũng vậy. Âm dương ngũ hành của Can có 10 chữ rất rành mạch. Nhưng địa chi sao lại 12, thấy trội dư 2 cái Thổ (1 dương và 1 âm) .

Thấy rằng thời gian của 4 thời tiết từ cái xanh tươi (xuân) đến nắng gắt (hạ) lần theo mát dịu (thu) kế tiếp lạnh lẽo (đông) rồi lại nối đến xanh tươi (xuân)... thời gian cứ quanh quẩn như thế phải mất trên 365 khoảng sáng mặt trời đồng thời gian đêm tối.

Căn cứ theo đó đặt tên là 1 năm có 365 ngày trung bình. Khoảng thời gian này cứ cách 2 lần lại phải điều chỉnh thêm chút ít cho đúng như thời tiết luân lưu. Đó là năm nhuận dầu rằng âm lịch hay dương lịch cũng vậy (1). Một đằng tính 29 hay 30 ngày làm một tháng (âm lịch) một đằng lấy 30 hay 31 ngày là một tháng (trừ tháng 2 có 28 ngày) thì đến năm nhuận, một đằng lấy thêm một tháng, một đằng lấy thêm một ngày cho vào tháng 2 là 29 ngày.

Khoảng 365 ngày căn cứ theo 4 mùa, nếu cũng lấy 10 địa chi như bên can thì chia nó lệch lạc, phải lấy thêm 2 cái thổ để ấn định thêm 2 tháng, mỗi tháng khoảng chừng 30 ngày, tức mỗi mùa 3 tháng tròn , cứ như thế luân lưu lấy 4 mùa làm một khoảng thời gian chủ đích làm 1 năm.

Đáng lý 10 hoa giáp vào với 12 chi sẽ thành 120, nhưng xếp dương vào với dương, âm đứng với âm (can và chi) nên chỉ còn con số 60 gọi là 60 hoa giáp.

Nhìn vào 60 hoa giáp từ Giáp Tí đến Quí Hợi, 2 chữ Can Chi đứng chung với nhau không khác gì một tiểu gia đình. Can đứng trên làm gốc (chồng), chi tiếp theo là phụ (vợ). Biết rằng mỗi Can hay Chi đều có một tính chất riêng biệt là ngũ hành. Gia đình nào phu thê đầm ấm, sự nghiệp dầu lớn hay nhỏ hẳn là bước đường đời phải cứ sự tươi đẹp tương đối hơn ai, trái ngược vợ chồng xung khắc, ngày tháng trôi nổi trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, tưởng sự bất hạnh phải lâu nhiều hơn người.

Năm tuổi căn cứ vào Can và Chi, từ Giáp đến Quí (Can) vào với Tí đến Hợi (Chi) hẳn có sự luân phiên thay đổi, nhưng thay đổi tốt hay xấu phải phân tích cho ra nguyên lý và cũng là nguyên "ý" của Phục Hy âm thầm chỉ dẫn kín đáo.

Theo luật ngũ hành cái gì tương sinh là tốt, tương khắc là xấu. Vậy có thể hoạch phác một nguyên tắc như:

a/ Tốt nhất: Can sinh Chi (ví dụ tuổi Giáp Ngọ. Can Giáp (Mộc) sinh Chi Ngọ (Hoả).

b/ Tốt thứ nhì: Can và Chi đồng hành (Ví dụ tuổi Giáp Dần. Cả 2 đều là Mộc).

c/ Tốt thứ ba: Chi sinh Can (ví dụ tuổi Giáp Tí. Chi Tí (Thuỷ) sinh Can Giáp (Mộc).

d/ Xấu tương đối: Can khắc Chi (ví dụ tuổi Giáp Thìn. Can Giáp Mộc khắc Chi Thìn (Thổ).

đ/ Nghịch cảnh: Chi khắc Can (ví dụ tuổi Giáp Thân: Chi Thân (Kim) khắc Can Giáp (Mộc).

Năm trường hợp này chỉ là một tấm thu hình rất nhỏ của kiếp nhân sinh. Sự hên xui đã ấn định như thế đó, còn tuỳ định mệnh phác hoạ hạnh phúc (vòng Lộc Tồn) tuỳ vị trí an Mệnh Thân (vòng Thái Tuế bổ khuyết tư thế), nhất là Thân (chính đương số với vòng Tràng Sinh) đã khuôn xử làm được những gì để mua chuộc.

Như tuổi Ất Mùi, Mệnh ở Mùi (Thái Tuế), Thân ở Di (Tuế Phá) biết chữ Ất (Mộc) khắc chữ Mùi (Thổ) là đời tất nhiên gặp nhiều bước khó khăn. Nhưng Hợi Mão Mùi là 3 tuổi được hưởng hạnh phúc (Lộc tồn của tuổi Ất) Thân ở Di (nghịch cảnh) là cung Sửu có lập được chữ THỌ cho phụ mẫu, thì định mệnh mới ngăn cản được phần nào, nhiều hay ít là do chữ Tài được mệnh điều động đến ách cung.

Tóm lại vận hạn của từng cá nhân, nguyên lý là do thời tiết. Đã có cái nóng phải có cái lạnh, đã có xanh tươi phải có vàng héo Từng năm xuống đến tháng ngày giờ sinh thì đắc cách, khắc thì tai ương, phần chánh yếu là ở cái gốc (hàng can). Gốc được tưới bón hợp thời, cây được xanh tốt, gốc mà bị chặt cắt, dầu cây đương có nhiều hoa nụ tươi thắm, cũng phải úa vàng héo gục.

(1) Âm lịch thì cách 2 năm có 1 năm nhuận. Dương lịch thì 3 năm

Ý NGHĨA MỖI NĂM

TRONG 60 HOA GIÁP

60 hoa giáp là 60 năm của 6 con giáp (Giáp Tí, Tuất, Thân, Ngọ, Thìn, Dần) nối tiếp nhau diễn chuyển bắt đầu từ Giáp Tí đến Quí Hợi. Mỗi năm mang một tên có 2 chữ. Chữ trên thuộc hàng Can, chữ dưới thuộc hàng Chi. Hai chữ hợp lại gọi là nạp âm có một hành chung khác hẳn, mặc dầu Can và Chi mỗi chữ có một hành riêng biệt.

Can có 10 chữ phân chia rành rẽ âm dương và đầy đủ ngũ hành đều nhau:

Sơ khai Mộc:	Giáp (Dương)	Ất (Âm)	
Sơ khai Hỏa:	Bính	Đinh	Mộc sinh hỏa

Sơ khai Thổ:	Mậu	Kỷ	Hỏa sinh Thổ
Sơ khai Kim:	Canh	Tân	Thổ sinh Kim
Sơ khai Thủy:	Nhâm	Qúy	Kim sinh Thủy

Trái lại hàng Chi có 12 chữ cũng đầy đủ âm dương ngũ hành:

Thủy:	Tý (Dương)	Hợi (Âm)
Mộc:	Dần (Dương)	Mão (Âm)
Hỏa:	Ngọ (Dương)	Tỵ (Âm)
Kim:	Thân (Dương)	Dậu (Âm)
Thổ:	Thìn Tuất (Dương)	Sửu Mùi (Âm)

Cái lý dư 2 hành thổ có ý tứ trong vũ trụ bất cứ hành gì dầu là Kim hay Mộc, Thuỷ hay Hoả đều là ở trong đất mà ra. Bốn hành này luôn luôn sinh khắc để trường tồn, bởi thế mới có liên minh tam hợp cục là thế đứng của tứ chính (Tí Ngọ Mão Dậu) để bồi đắp cho nhau củng cố ưu thế.

Vậy 12 Chi có 4 Chính 4 Sinh 4 Mộ lập thành 4 tam hợp cục là 4 khối có tôn chỉ riêng:

Sinh:	Chính	Mộ	Hành
Thân	Tý	Thìn	Thủy
Dần	Ngọ	Tuất	Hỏa
Tỵ	Dậu	Sửu	Kim
Hợi	Mão	Mùi	Mộc

Một vòng của 10 can tuần tự ghép vào 12 Chi, mỗi năm thay đổi đáng lý là 10x12=120, nhưng vì luật âm dương nên chỉ có phân nửa nghĩa là dương Can chỉ đứng với dương Chi, âm Can phải ghép với âm Chi mới đúng cách.

Đã viết cái nguyên do của 10 Can và 12 Chi, mỗi năm mang một cái tên có 2 chữ kể từ Giáp Tí đến Ất Sửu lần hồi cuối cùng là Quí Hợi. Mỗi tên có một tôn chỉ riêng là hành chung, nhưng cái hành riêng của mỗi chữ Can hay Chi vẫn phải nhìn nhận là quan trọng.

Hai chữ Can và Chi đứng với nhau không khác gì tình cảnh của một gia đình có hoà hợp mới nên sự nghiệp, còn xung khắc nhau làm sao có hưng vượng.

Như 2 tuổi Canh Thân và Canh Dần cùng là Mộc mệnh, thật ra cảnh đề huề của mỗi tuổi một khác. Canh là Kim, Thân là Kim, cũng như cây có gốc (Can) ngọn (Chi) đều nhau hẳn là có 1 căn bản vững chắc, dầu không hơn người cũng không hề kém ai. Còn Canh Dần thì Can Canh (Kim) khắc Chi Dần (Mộc). Cây mà gốc không tải bồi cho ngọn làm sao mà sinh nở tốt đẹp cho nổi, khác gì gia đình trống đánh xuôi kèn thổi ngược.

Hai tuổi Giáp Tí và Giáp Ngọ thấy cả 2 tuổi cùng tương sinh gốc ngọn, nhưng Giáp Ngọ khác biệt bỏ xa Giáp Tí rất nhiều. Giáp Ngọ có Can Giáp (Mộc) sinh cho Chi Ngọ (Hoả) nghĩa là gốc nuôi

ngọn là thuận cảnh. Trái lại Giáp Tí thì Can Giáp (Mộc) được Chi Tí (Thuỷ) sinh lại tức là ngọn nuôi gốc tuy cũng là cảnh tượng sinh nhưng ngược chiều cho biết ngay Giáp Tí không có khả năng vững chắc mà sự đề huề chỉ là may mà có. Huống chi Giáp Ngọ còn tiềm tàng căn bản phồn thịnh là tam hợp Lộc Tồn của tuổi Giáp (Lộc tồn ở Dần) Thiên Lộc dành riêng cho người Dần Ngọ Tuất. Còn Giáp Tí đứng ngõ ngoài, muốn hưởng Lộc Tồn phải là Canh Tí (Canh Kim sinh Tí Thuỷ và Thân Tí Thìn là tam hợp hưởng Lộc Tồn tuổi Canh ở Thân).

Hai tuổi Giáp Thìn và Giáp Tuất là 2 tuổi đều hàng Can Giáp (Mộc) khắc Chi Thìn Tuất (Thổ). Hai tuổi này cũng cách biệt nhau cả một dặm đường : Giáp Tuất tuy Can khắc Chi, cuộc đời thấy nhiều trở lực, nhưng còn được dự phần tham dự chia sẻ Thiên Lộc tuổi Giáp. Giáp Thìn kể như là khách đi đường không liên quan gì đến, lại còn bị cảnh nghèo túng là Lộc Tồn thường trực có Tuần đóng kín, chỉ còn trông cậy vào bộ sao Sát Phá Tham nếu được thủ mệnh sống theo Hoá Lộc, tay làm hàm nhai.

Trường hợp tuổi Giáp Thìn, mệnh đóng ở vị trí tam hợp Hợi Mão Mùi dầu được bộ Sát Phá Tham là nòng cốt cũng chỉ là kiếp nhân sinh được tạo hoá nặn ra để trả nợ đời, không mong gì sự nâng đỡ vì vị trí của Sát Phá Tham ở Hợi Mão Mùi, trường hợp nào cũng là đen tối, cố công xây đắp mấy cũng chỉ là hữu công vô lao (vị trí Thiếu âm Long đức Trực phù của tuổi Giáp Thìn).

Tóm lại tuổi của mỗi cá nhân có thể sắp xếp theo thứ tự tốt xấu có 5 bậc thang như sau:

1/ CAN sinh CHI: Phúc đức quá lớn tiềm tàng một căn bản hơn người.

2/ CAN CHI đều nhau: có năng lực khá đầy đủ vững chắc.

3/ CHI sinh CAN: đời gặp may nhiều hơn thực lực.

4/ CAN khắc CHI: đời gặp nhiều trở lực.

5/ CHI khắc CAN: nghịch cảnh đầy rẫy chua cay.

Trương Lương, Hàn Tín là 2 người bạn đồng Triều phò trợ Hán Cao Tổ Lưu Bang lên nghiệp đế. Cả 2 người cùng tuổi Giáp:

Trương Lương tuổi Giáp Ngọ sinh ngày 6 tháng 5 giờ Thìn.

Hàn Tín tuổi Giáp Tuất sinh ngày 5 tháng 11 giờ Ngọ

Cả 2 người mệnh cùng đóng tại vị trí tam hợp Thái Tuế là người hành động nêu cao chính nghĩa, cùng được bộ Tử Phủ Sát Phá Tham làm nòng cốt (đắc Khoa Quyền Lộc) cùng được hưởng Thiên Lộc là 3 tuổi Dần Ngọ Tuất. Nếu đem so tài thao lược Hàn Tín còn ở trên Trương Lương môt hạng nên được Hán Cao Tổ phải lập đàn phong tướng tự tay nâng ấn kiếm nguyên nhung trao cho Hàn Tín trước muôn thủ hạ cho có danh chánh ngôn thuận. Vậy mà cuộc đời Hàn Tín phải hứng chịu biết bao nhiêu thua thiệt kém Trương Lương.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Dien Trach>                 |<Quan Loc>                   |<No Boc>                     |<Thien Di>                   |
|      (H)Cu Mon              |       (V)Thien Tuong        |       (D)Thien Luong        |      (M)That Sat            |
|                             |       (V)Liem Trinh         |                             |                             |
| +Lam Quan      -Hoa Tinh    | +Van Xuong     -Linh Tinh   | +Thien Viet    -Dia Khong   | +Van Khuc      -Benh        |
| +Luu Nien      -Truc Phu    | +Huu Bat       -Dau Quan    | +Thien Quan    -Thien Khong | +Ta Phu        -Co Than     |
| +Thien Y       -Pha Toai    | +De Vuong      -Thai Tue    | +Thieu Duong   -ThienThuong | +Phi Liem      -Tang Mon    |
| +Thien Tru     -Thien Rieu  | +Hoa Loc                    | +Tau Thu       -Suy         | +Thien Ma                   |
|                -Tieu Hao    | +Phong Cao                  | +Duong Phu                  | +Thien Tai                  |
|                             | +Tuong Quan                 |                             |                             |
| 36                          | 46                          | 56                          | 66                          |
+---------[Tuan]--------------+-----------------------------+-----------------------------+---------[Triet]-------------+
|<Phuc Duc>                   |Mui |                    Than|Dau                     |Tuat|<Tat ach>                    |
|      (V)Tham Lang           |----+------------------------+------------------------+----|      (H)Thien Dong          |
|                             |    |                                                 |    |                             |
| +Giai Than     -Qua Tu      |    |        Ho ten: Truong Luong                     |    | +Hong Loan     -Luu Ha      |
| +Phuong Cac    -Dieu Khach  |    |        Sanh  : 6 Thang 5                        |    | +Hy Than       -Tu          |
| +Quan Doi      -Thien La    |    |        Nam   : Giap Ngo                         |    | +Thien Phuc    -Thien Su    |
| +Thanh Long                 |    |        Gio   : Thin                             |    | +Thieu am                   |
| +Thien Quy                  |    |                                                 |    |                             |
| +Thien Tho                  |    |        Tuoi  : Duong Nam                        |    |                             |
|                             |    |        Menh  : Sa Trung Kim                     |    |                             |
|                             |    |        Cuc   : Hoa Luc Cuc                      |    |                             |
| 26                          |Ngo |                                                 |Hoi | 76                          |
+-----------------------------+----|                am duong thuan ly                |----+-----------------------------+
|<Phu Mau>                    |Ty  |                Cuc Khac Menh                    |Ti  |<Tai Bach>             <Than>|
|      (H)Thai am             |    |  Sao chu menh  : Pha Quan                       |    |      (M)Vu Khuc             |
|                             |    |  Sao chu than  : -Hoa Tinh                      |    |                             |
| +Dao Hoa       -Kinh Duong  |    |                                                 |    | +An Quang      -Benh Phu    |
| +Luc Si        -Dia Kiep    |    |                                                 |    | +Hoa Cai       -Quan Phu    |
| +Moc Duc                    |    |                                                 |    | +Hoa Khoa      -Dia Vong    |
| +Phuc Duc                   |    |                                                 |    | +Long Tri                   |
| +Thien Duc                  |    |                                                 |    | +Mo                         |
| +Thien Hi                   |    |                                                 |    | +Quoc an                    |
|                             |    |                                                 |    | +Thai Phu                   |
|                             |----+------------------------+------------------------+----|                             |
| 16                          |Thin|                    Mao |Dan                     |Suu | 86                          |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Menh>                       |<Huynh De>                   |<Phu The>                    |<Tu Tuc>                     |
|      (M)Tu Vi               |       (D)Thien Co           |       (M)Pha Quan           |      (H)Thai Duong          |
|      (M)Thien Phu           |                             |                             |                             |
| +Loc Ton       -Bach Ho     | +Thien Khoi    -Da La       | +Hoa Quyen     -Phuc Binh   | +Dia Giai      -Dai Hao     |
| +Bac Si                     | +Bat Toa       -Quan Phu    | +Thai          -Thien Hu    | +Nguyet Duc    -Hoa Ky      |
| +Trang Sinh                 | +Duong         -Thien Hinh  | +Thien Giai    -Thien Khoc  |                -Kiep Sat    |
|                             | +Long Duc                   |                -Tue Pha     |                -Tu Phu      |
|                             | +Tam Thai                   |                             |                -Tuyet       |
|  6                          | 116                         | 106                         | 96                          |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Từ một kẻ thứ dân nương nhờ cơm Siếu Mẫu, có lần nhẫn nhục luồn trôn thất phu ở kẻ chợ, đành rằng đời vĩ nhân phải trải qua nhiều cơn bĩ cực chờ Thiên Thời mới rõ vàng thau.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Huynh De>                   |<Menh>                 <Than>|<Phu Mau>                    |<Phuc Duc>                   |
|      (H)Cu Mon              |       (V)Thien Tuong        |       (D)Thien Luong        |      (M)That Sat            |
|                             |       (V)Liem Trinh         |                             |                             |
| +Hong Loan     -Dia Kiep    | +Hoa Loc       -Bach Ho     | +Thien Viet                 | +Bat Toa       -Thien Khoc  |
| +Dia Giai      -Dia Khong   | +Tam Thai      -Dau Quan    | +An Quang      -Hoa Tinh    | +Phi Liem      -Dieu Khach  |
| +Long Duc      -Tieu Hao    | +Thai                       | +Duong         -Qua Tu      | +Phong Cao                  |
| +Luu Nien      -Tuyet       | +Thien Giai                 | +Phuc Duc      -Thien Hinh  | +Thien Ma                   |
| +Thien Tru                  | +Tuong Quan                 | +Thien Duc                  | +Trang Sinh                 |
|                             |                             | +Thien Quan                 |                             |
|                             |                             | +Thien Quy                  |                             |
|                             |                             | +Tau Thu                    |                             |
|                             |                             | +Duong Phu                  |                             |
| 115                         |   5                         | 15                          | 25                          |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+------[Tuan]-[Triet]---------+
|<Phu The>                    |Hoi |                  Ti    |Suu                     |Dan |<Dien Trach>                 |
|      (V)Tham Lang           |----+------------------------+------------------------+----|      (H)Thien Dong          |
|                             |    |                                                 |    |                             |
| +Van Xuong     -Thien Hu    |    |        Ho ten: Han Tin                          |    | +Hy Than       -Linh Tinh   |
| +Mo            -Tue Pha     |    |        Sanh  : 5 Thang 11                       |    | +Moc Duc       -Truc Phu    |
| +Thanh Long    -Thien La    |    |        Nam   : Giap Tuat                        |    | +Thien Phuc    -Luu Ha      |
| +Thien Tho                  |    |        Gio   : Ngo                              |    |                             |
| +Thien Tai                  |    |                                                 |    |                             |
|                             |    |        Tuoi  : Duong Nam                        |    |                             |
|                             |    |        Menh  : Son Dau Hoa                      |    |                             |
|                             |    |        Cuc   : Tho Ngu Cuc                      |    |                             |
|                             |    |                                                 |    |                             |
| 105                         |Tuat|                                                 |Mao | 35                          |
+-----------------------------+----|                am duong thuan ly                |----+-----------------------------+
|<Tu Tuc>                     |Dau |                Menh Sinh Cuc                    |Thin|<Quan Loc>                   |
|      (H)Thai am             |    |  Sao chu menh  : +Loc Ton                       |    |      (M)Vu Khuc             |
|                             |    |  Sao chu than  : +Van Xuong                     |    |                             |
| +Dao Hoa       -Kinh Duong  |    |                                                 |    | +Van Khuc      -Benh Phu    |
| +Luc Si        -Tu          |    |                                                 |    | +Hoa Cai       -Thai Tue    |
| +Nguyet Duc    -Tu Phu      |    |                                                 |    | +Hoa Khoa      -Dia Vong    |
|                             |    |                                                 |    | +Quan Doi                   |
|                             |    |                                                 |    | +Quoc an                    |
|                             |----+------------------------+------------------------+----|                             |
| 95                          |Than|                    Mui |Ngo                     |Ty  | 45                          |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Tai Bach>                   |<Tat ach>                    |<Thien Di>                   |<No Boc>                     |
|      (M)Tu Vi               |       (D)Thien Co           |       (M)Pha Quan           |      (H)Thai Duong          |
|      (M)Thien Phu           |                             |                             |                             |
| +Ta Phu        -Benh        | +Thien Khoi    -Da La       | +Huu Bat       -Phuc Binh   | +Lam Quan      -Co Than     |
| +Loc Ton       -Quan Phu    | +Thieu am      -Pha Toai    | +De Vuong      -Tang Mon    | +Thien Hi      -Dai Hao     |
| +Bac Si                     |                -Quan Phu    | +Giai Than                  | +Thien Y       -Hoa Ky      |
| +Long Tri                   |                -Thien Su    | +Hoa Quyen                  | +Thieu Duong   -Kiep Sat    |
|                             |                -Suy         | +Phuong Cac                 |                -Thien Rieu  |
|                             |                             | +Thai Phu                   |                -Thien Khong |
|                             |                             |                             |                -ThienThuong |
| 85                          | 75                          | 65                          | 55                          |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Trương Lương thuộc dòng Khanh Sĩ gặp buổi vong quốc cũng phải lang thang nay đây mai đó tìm mặt gửi vàng, đến đâu cũng được trọng đãi.

Phân tách những nét chính của hai lá số, trước nhất Trương Lương hơn Hàn Tín ở cái gốc tuổi Giáp Ngọ được Can sinh Chi, Hàn Tín bị Can khắc Chi (Giáp Tuất). Trương Lương mệnh ở vị trí Quan Phù có ý tứ tính toán kỹ càng dẫn dắt đời sống.

Hàn Tín ở vị trí Bạch Hổ mỗi khi làm việc thì bất cứ giá nào làm cho kỳ đắc ý (còn tham vọng). Phúc đức của Trương Lương có Tham lang ở Thìn ngộ Tuần hoà hợp đủ nghĩa với vị trí Mệnh, Quan Phù có thể từ bỏ mọi tham vọng để nhàn du sơn thuỷ. Hàn Tín Phúc Thất Sát triều đẩu bị cả Tuần lẫn Triệt. Phải chăng vì thế cuộc đời đi đến chỗ bi thương.

Ba tuổi Giáp được hưởng Lộc tồn thì Giáp Ngọ đứng đầu vì Giáp sinh Ngọ, thứ đến Giáp Dần (Giáp và Dần đồng hành) đứng sau chót mới đến Giáp Tuất vì Giáp khắc Tuất. Trương Lương tuổi Giáp Ngọ đương nhiên được hưởng nhiều hành phúc hơn Hàn Tín tuổi Giáp Tuất.

Vậy tuổi mỗi cá nhân không phải là đương nhiên Can Chi tuần tự sắp xếp không có nghĩa lý, thật ra tiềm tàng một ý tứ sâu sắc như diễn tả hình bóng cả một cuộc đời.

Can là gốc là Phúc đức, Chi là ngọn là Thân thế. Hạn hành hên xui hàng năm xuống đến hàng tháng hàng ngày do Can của năm tháng ngày chế hoá với Can của Mệnh chiếm phần ưu tiên quan trọng điều khiển.

ĐÂU LÀ NGUYÊN LÝ
NGŨ HÀNH NẠP ÂM
CỦA 60 HOA GIÁP

Nạp âm là phối hiệp để thành một tiếng.

Ngũ hành nạp âm là Can và Chi ghép lại hoá nên một hành khác.

Nạp âm ngũ hành của 60 hoa giáp là sự thành lập ngũ hành của 10 thiên can phối hợp với 12 địa chi theo nhạc điệu: Cung (Thổ) Thương (Kim) Giốc (Mộc) Chuỷ (Hoa) Vũ (Thuỷ). Nhưng vẫn thấy không cho phép tin tưởng đâu là chính lý hoàn hảo (1)

Hàng Can đã trình bày ngũ hành được rành mạch đều đặn bằng 5 cặp phân tách âm dương chính xác. Đến hàng Chi để cho đúng thời tiết phải thêm 2 hành Thổ làm cái mức nối tiếp cho 4 mùa Xuân Hạ Thu Đông để cho mỗi mùa tương đối xê xích 3 tháng trên dưới 90 ngày, cứ Dần Mão là Xuân, Tỵ Ngọ là Hạ, Thân Dậu là Thu, Hợi Tí là Đông.

Lấy tinh tâm mà ngắm nhìn kỹ bản địa bàn tử vi thấy cả 1 thế thái cực vững vàng cân phân đủ thời tiết đến phương hướng hoàn hảo trúng cách. Thế thái cực thành lập gồm đủ lưỡng nghi tương phân từ Mão đến Thân thuộc Thái dương và từ Dậu đến Dần thuộc Thái âm như hai đĩa cân ngang bằng sánh đôi. Về hình thức thật là bằng nhau nhưng tính cách lại khác biệt. Một đằng thuộc Thái Dương sáng lạng bao nhiêu, trái lại bên âm âm tối bấy nhiêu như trắng với đen. Một bên gồm Hoả (Ngọ) với Kim (Thân), bên kia của Thuỷ (Tí) với Mộc (Dần). Hai điểm Thìn Tuất là 2 thế giao điểm pháp nguồn (Thiếu dương và Thiếu âm). Bên này có Thuỷ khắc Hoả thì bên kia có Kim khắc Mộc.

Như vậy có 3 cặp tương xứng đối diện nhau nên được đặt làm 3 mốc chính để bắt đầu xếp nạp âm định lý ngũ hành cho một hoa giáp.

Nhưng tại sao Giáp Tí được coi là Kim hành, Giáp Tuất là Hoả và Giáp Dần là Thuỷ ? Biết rằng Giáp là Mộc, Tí là Thuỷ, 2 chữ đứng chụm với nhau lại là Kim, thấy như không có mạch lạc gì giữ nạp âm với Can Chi, như 2 chữ Tân Dậu cả 2 Can Chi đều có Kim mà hành chung lại là Mộc, thật là một cảnh lạc lõng khác thường.

Đây là một định lý, có thể nói là rất cao siêu của lý học. Hành Hoả là tư thế sự vật bùng cháy bốc lên tượng trưng cho THIÊN. Thuỷ là sự xâm nhập lắng xuống biểu hiện cho ĐịA. Còn Kim là tư thế của sự vật quyết liệt để trường tồn là NHÂN . Ba hành này đại diện cho tam tài THIÊN ĐỊA NHÂN, có ý nghĩa là 60 hoa giáp do 3 cấp Trời Đất và người hiệp định xây dựng quyết định và chỉ có 3 hành này được bắt đầu hướng đi như:

Giáp Dần (Địa)

	Thủy	Hán (tự nghĩa)
	Thổ	Địa (tự nghĩa)
Sinh	Hỏa	Thiên (tự nghĩa)
	Mộc	Sài (tự nghĩa)
	Thủy	Thấp (tự nghĩa)

Giáp Tý (Nhân)

	Kim	Ngân (tự nghĩa)
	Hỏa	Đăng (tự nghĩa)
Sinh	Mộc	Giá (tự nghĩa)
	Thổ	Bích (tự nghĩa)

Sinh	Kim	Câu (tự nghĩa)
	Giáp Tuất (Thiên)	
	Hỏa	Yên (tự nghĩa)
Khắc	Thủy	Mãn (tự nghĩa)
	Thổ	Tự (tự nghia)
Khắc	Kim	Chung (tự nghĩa)
	Mộc	Lâu (tự nghia)

Trong 12 chi có 6 Chi dương ghép với 5 Can dương và 6 Chi âm hợp với 5 Can âm, làm sao mỗi Chi đứng với 1 Can có một hành riêng tức là 5 Can có đủ ngũ hành như :

Giáp Tí:	Kim	Ất Dậu:	Thuỷ
Bính Tí:	Thuỷ	Đinh Dậu:	Hoả
Mậu Tí:	Hoả	Kỷ Dậu:	Thổ
Canh Tí:	Thổ	Tân Dậu:	Mộc
Nhâm Tí:	Mộc	Quí Dậu:	Kim

Bên Thái âm (Giáp Tí, Giáp Tuất, Giáp Dần) cũng như bên Thái dương (Giáp Thân, Giáp Ngọ, Giáp Thìn) đều có ý nghĩa của sự sắp xếp như:

1/ Giáp Tuất và Giáp Thìn thuộc Hoả là Thiên Mệnh có ý định răn trừng tiềm tàng ở trong khối toả ra 2 đầu: Kim khắc Mộc và Thổ khắc Thuỷ.

2/ Giáp Dần và Giáp Thân thuộc Thuỷ là Địa Mẫu, có ý nuôi dưỡng dịu hiền nên Thuỷ sinh Mộc, Mộc sinh Hoả, Hoả sinh Thổ tuần tự phát huy.

3/ Giáp Tí và Giáp Ngọ thuộc Kim là ý định của nhân sinh tiềm tàng trong nội tâm lòng ham muốn sanh tồn nên ở giữa vươn ra Thổ sinh Kim và Mộc sinh Hoả.

Người tuổi Canh Tuất Mệnh Thân đồng cung Thìn thấy ngay người sống trong nội tâm bất đắc dĩ được hành nạp âm của mệnh là Kim, bồi thêm Kim cục thuận đường đi nước bước. Vũ khúc và Thiên mã là nghị lực (Kim) chính xác của dương nhân, mặc dầu sự ganh đua không được phần chánh nghĩa (Thái tuế ở Di) mà vẫn thành công dễ dàng vì vị trí Thân Tí Thìn khắc được Dần Ngọ Tuất phù hợp với 2 chữ Canh Tuất (Tuất sinh Canh-đường đời dễ gặp may) dầu sao cũng là hoàn cảnh không cho phép đắc ý (Tuế Phá) với khả năng có thừa.

Âm dương ngũ hành là then chốt của lý học. Mọi sự huyền diệu không ngoài sự giao dịch động hay tĩnh của ngũ hành và luật lệ âm dương, cũng là khả năng vô địch của tam tài Thiên Địa Nhân.

(1) Theo nhạc điệu quy định, mỗi hành có cách 8 cung có 1 lần sanh hay chuyển (cứ 2 lần sanh thì có 1 lần chuyển) bắt

đầu từ Kim (Giáp Tý và Giáp Ngọ, 1 bên âm và 1 bên dương) chuyển đến Hỏa (Mậu Tý và Mậu Ngọ) đến Mộc (Nhâm Tý và Nhâm Ngọ) đến Thủy (Bính Tý và Bính Ngọ) cuối cùng đến Thổ (Canh Tý và Canh Ngọ).

NHỮNG CÂU PHÚ NÊN THẬN TRỌNG ÁP DỤNG

Những câu phú là những câu văn vần do cổ nhân ghi chép lại, sau một thời gian khá kinh nghiệm về kết quả cũng như sự phối hiệp giữa các hành tinh mà nên ảnh hưởng. Sở dĩ phải làm thành văn vần như có ý định: trước nhất là dễ nhớ, sau để người đi sau lấy đó mà tìm kiếm thêm nếu còn những khía cạnh nào chưa được hoàn hảo hay sơ sót trên phương diện nào.

Đọc những câu phú, ngày nay thấy như những câu sấm ký truyền lại của những cá nhân, nó mênh mông trên cương vị tổng quát không quyết định hẳn cho một trường hợp nào. Như câu: "Trai bất nhân Phá quân Thìn Tuất, Gái bạc tình Tham Sát Dần Thân", có phải bất cứ mệnh nào nằm ở Thìn Tuất mà có Phá quân là trai bất nhân và Tham Lang Thất Sát ở Dần Thân là gái bạc tình?

Số có 60 tuổi, mỗi tuổi có một hành, tuy nói là ngũ hành, nhưng khác nhau rất nhiều như 2 người cùng tuổi Kim: Giáp Tí và Giáp Ngọ, một đằng Tí sinh Giáp khác với Giáp sinh Ngọ. Căn bản của Giáp Ngọ là nó dầy chắc, trái với Giáp Tí chỉ là nông cạn. Huống chi còn 12 vị trí, mỗi vị trí đối với tuổi của dương nhân nó chỉ một tư thế khá đặc biệt.

Biết rằng mỗi tam hợp có 3 vị trí dùng thế chân vạc làm gốc riêng của 4 cách: Thái Tuế, Tuế Phá, Thiếu Dương và Thiếu âm. Thái Tuế chia ra Thái Tuế chính xác, Quan Phù và Bạch Hổ. Tuế Phá bao gồm Tuế Phá Tang môn và Điếu khách. Thiếu Dương có Tử Phù và Phúc đức. Thiếu âm có chi nhánh Long đức và Trực Phù. Thiết tưởng mỗi tư cách của mỗi sao ghép vào 60 tuổi đã cho ra một hình thái khá rành rẽ khác nhau, lại được lọc thêm qua 12 vị trí thì kết quả phải là tinh vi đến thế nào.

Dưới phép luận số 60x12 thấy có 720 mầu sắc dị biệt thì Phá Quân và Tham Lang, Thất sát kia hẳn phải có những cuộc lột xác nhiều thay đổi.

Riêng đối với phái nữ Sát Phá Tham nói chung không hợp điệu của phe liễu yếu đào tơ, là người tháo vát đảm đang gan góc cũng phải tuỳ các khía cạnh mới dám quyết dịnh đâu là đoan chính, đâu là lăng loàn. Muốn hợp cách chỉ có Đồng Lương, Tử Phủ bồi đắp thêm Hoá khoa càng thêm khả ái.

Cổ nhân đã chịu mất công ghi chép lại bằng những câu phú, phải là những bậc trí tuệ có thừa, biết rằng công cuộc về tinh thần không phải một thế hệ mà được hoàn hảo. Cần phải bao thế hệ xây đắp may ra mới xây đắp được một quãng đường dài thám hiểm. Lại còn e dè những ai chẳng may lầm đường lạc lối dồn vào ngõ bí vì tam sao thất bản.

Dịch học từ đời Phục Hy (2900 trước dương lịch) mãi đến đời Khổng Khâu (600 trước dương lich) mới gọi là san định được một phần khởi sắc. Đem so 2 khoảng thời gian từ 2900 trước dương lich đến 600 trước dương lịch có 2300 năm và từ 600 trước dương lịch đến nay 1984 sau dương lịch có 2584 năm tạm cho là ngang bằng nhau. Thời gian hiện nay nhờ khoa học tiến bộ, mỗi nghành từ vật chất đến tinh thần không thể khai thác trong u minh, đều phải phân tách cho hợp luân lý, tránh sao không còn tồn tại lời mỉa mai: dị đoan huyền bí.

Thử lấy 4 tuổi: Giáp Dần, Đinh Tỵ, Ất Mùi và Bính Tí, cung Mệnh cùng đóng ở cung Tuất có Phá Quân toạ thủ, xem đâu là chính công Phá Quân như phú đã nêu ra, đâu là nỗi tình uẩn khúc của người bị ngờ vực oan.

a) Giáp Dần là tuổi có 1 căn bản vững vàng (Giáp và Dần đều là Mộc). Mệnh đóng ở Tuất trong tam hợp Thái Tuế, vị trí Bạch Hổ là kiếp nhân sinh đã có một trách vụ gì với xã hội, thực hiện với bất cứ giá nào, mặc dầu mệnh Thuỷ chính xác Phá quân. Người này làm việc có tính cách mạnh bạo bị lầm tưởng mà thôi. Bất nhân không thể là người Thái Tuế.

b/ Tuổi Đinh Tỵ cũng như Giáp Dần, thiên phú có một căn bản vững chắc. Mệnh ở Tuất là tư thế Tử Phủ trong tam hợp Thiếu Dương. Người khôn ngoan Thổ Mệnh khác hẳn Phá Quân là Thuỷ, có những hành động khéo giỏi không thể nói là bất nghĩa.

c/ ất Mùi Kim mệnh đóng ở Tuất là vị trí Thiếu âm. Người này vì quá tin tưởng lại vụng tính nên có những hành động Phá Quân (Kim Mệnh sinh thuỷ Phá quân). Sự lỗi lầm này kể cũng đáng thương hại.

d/ Bính Tí, đời đầy rẫy nghịch cảnh (Tí khắc Bính) ở vị trí Điếu khách trong tam hợp Tuế Phá, luân phiên bất đắc ý, gặp Phá Quân đồng hành Thuỷ với mệnh làm gì mà không tung hoành cho thoả chí thay đổi (Điếu khách). Nhãn hiệu Phá quân quả là chính hiệu.

Những trường hợp ở trên cũng nên khai thác thêm hiệu lực của Hoá Khoa, có thể coi như một căn phòng bào chế để hoán cải từ các vị độc dược trở thành các vị thuốc rất hiệu lực bồi bổ sức khoẻ. Bộ Sát Phá Tham nói chung, hãm địa nói riêng, gặp Hoá Khoa như phe Triệt giáo (súc vật tu thành tiên) được đắc đạo. Hoá khoa có khả năng lột xác phàm phu hoán cải tư cách tức là trường hợp hung tinh ngộ chế. Từ Phá Quân đến Tham Lang, Thất sát trở thành những hiền nhân hiệp khách treo cao phẩm giá.

Đối với Nhật Nguyệt Đồng Lương đắc Hoá Khoa nêu danh thành tích đặc hạng của một chuyên khoa, chỉ rõ một thượng thặng siêu ngành riêng biệt.

Sát Phá Tham gặp Tuần Triệt cũng mất tính cách hung hãn nhưng không còn gì (Triệt) hay giảm hẳn tốc lực (Tuần) của bộ máy tinh vi thực hành đắc dụng.

NHỮNG SAO LỘC, NHẤT LÀ LỘC TỒN BAN PHÁT RA NÊN RẤT CHẶT CHẼ

Người đời sống trên thế cuộc, không ai là không cần đến Lộc, từ bậc trượng phu đến người dân thứ đều nhờ Lộc mà sống, tuy rằng cách sống khác nhau. Với danh xưng hiệp khách trọng nghĩa khinh tài cũng vẫn là cách sống trong khuôn khổ sử dụng Lộc. Vậy có phải Lộc là vấn đề quan hệ tối cần nên đẩu số mới phân tách thành nhiều phẩm chất như: Lộc tồn, Hoá Lộc, Thiên trù và Lưu niên văn tinh. Bốn thứ Lộc này đều do hàng can xếp đặt.

Hoá lộc được hàng can ghi rõ tư cách riêng của hạng người mới có thể thực thi được khả năng thấu lộc như tuổi Giáp phải là người miệng nói tay làm (Sát Phá Tham), tuổi Ất cho người điềm đạm suy tính kỹ lưỡng (Cơ Lương).

Thiên trù cũng là một thứ Lộc do công tích luỹ tiền nhân đã tiêu hao lần hồi đến đời đương số chỉ còn hơn ai bằng miếng cơm manh áo chỉ định cho người thọ hưởng. Còn Lưu niên văn tinh là anh em kết nghĩa với Lộc tồn.

Ngắm nhìn vào bảng vị trí của đôi huynh đệ nhà Lộc này thấy 8 chỗ y nhau. Nhưng sự ứng dụng lại rất khác nhau, không ngoài trọng ý bù trừ sơ sót cho nhau.

Tuổi Giáp Lộc tồn ở Dần, Ất ở Mão, Bính Mậu ở Tị, Đinh Kỷ ở Ngọ, Canh ở Thân, Tân ở Dậu, Nhâm ở Hợi và Quí ở Tí là những vị

trí rất chính xác hợp thành. Qua luật âm dương chỉ còn có 4 là Giáp ất Canh Tân được lọt vào hàng chung kết. Còn phải lược thêm một lần nữa nghĩa là những tuổi nào đứng ở tam hợp Lộc tồn mới hẳn lãnh phần trọn vẹn.

Lưu niên văn tinh cũng ngồi ở 8 vị trí đó, nhưng trình bày có hơi khác là Giáp ở Tỵ, Ất ở Ngọ, Bính Mậu ở Thân, Đinh Kỷ ở Dậu, Canh ở Hợi, Tân ở Tí, Nhâm ở Dần và Quí ở Mão, tức là 6 tuổi bị loại ở vòng Lộc tồn vì luật âm dương lại được phục hồi đền bù trúng cách ở bên Lưu niên văn tinh, còn 4 tuổi được dự trung kết ở bên kia đều bị loại ngay ở vòng đầu bên này.

Tư thế cách biệt giữa Lộc tồn và Lưu niên văn tinh là Lộc tồn đứng ở thế chính xác hợp thành của tuổi với vị trí. Trái lại Lưu niên văn tinh ở tư thế khó nhọc là tuổi sinh xuất cho cũng như có nghĩa là thân phận người nghĩa đệ phải chịu đựng nhọc công cho xứng với cơm ăn áo mặc thọ lãnh. Giáp ất sinh xuất cho Tị Ngọ, Bính Mậu Đinh Kỷ sinh xuất cho Thân Dậu, Canh Tân sinh xuất cho Hợi Tí và Nhâm Quí sinh xuất cho Dần Mão.

Lộc tồn một thứ Lộc cao quí nhất trong các Lộc được bọc gói kỹ trong cái bao Bác sỹ, Lực sỹ, Thanh Long… Quan Phủ có giây cột Kình Đà, dương nhân tuỳ theo hoàn cảnh tự suy tính phận mình trước khi tháo giây mở gói, theo bản đồ 12 sao kẻ đường chỉ lối mà khai thác. Ngoài những khó khăn về luật âm dương và vị trí. Lộc tồn còn được bảo vệ đến mức tối đa bằng hai đao phủ Lưu Hà Kiếp Sát đối phó với những thành phần vô kỷ luật không phải là chính chủ nhân có đầy đủ văn kiện chứng minh hợp lệ. Hà Sát trình Thiên Sứ lấy pháp lệnh sau khi Thiên không phúc trình trường hợp vi phạm rõ rệt như: Tuổi Mậu Thìn mệnh ở Sửu, vị trí Phúc đức trong tam hợp Thiếu Dương Đào hoa là người thông minh có thừa, chứa chất đầy tham vọng. Tưởng rằng Phúc đức ở Mệnh có dư, Lộc tồn cung Quan hẳn là nắm chắc trong tay. Biết đâu Lộc phùng Không ở trong còn có Hà Sát sẵn sàng thi hành sứ mạng. Phải chăng là trường hợp cuối cùng bảo vệ Lộc tồn bằng đường lối ác liệt để ban phát đúng đắn chặt chẽ.

PHÂN TÁCH: Tuổi Giáp Dần, mệnh ở Dần tóm thâu cả 3 vòng Lộc Tôn, Thái Tuế, Tràng sinh, một đời nắm chắc hạnh phúc. Một khi nhích lên một bước (Mệnh ở Mão) vẫn là người có văn kiện thọ lãnh Lộc Tồn, thành ra người lãnh ngân phiếu bảo vệ số tiền mang về phân phối cho người khác. Bước thêm bước nữa (ở Thìn) vị trí Thanh Long của bộ 3 Phi Liêm Phục Binh. Sự may mắn nằm chung với Tang môn (Thái Tuế) chỉ đeo thêm buồn lo thất vọng với danh hão hào phú. Ngồi vào ghế Tiểu hao cũng là Thiếu âm (Thái Tuế) bề ngoài vẫn vui tươi, sự thật tiếng có mà không vì quá tin lầm lẫn.

Nếu là người Giáp Tí mệnh đóng ở Tí đắc cách 2 vòng Thái Tuế và Tràng sinh. Vị trí Phục binh Thanh Long Phi Liêm tam hợp, người Thái Tuế xây dựng sự nghiệp trong một dịp may (Tí sinh Giáp gặp Thanh Long). Lộc tồn ban phát cho dòng họ (Phúc đức) chính bản thân không là bao. Trường hợp Sát Phá Tham thủ mệnh được Hoá Lộc bồi đắp rất nhiều. Cung Nô được Thiên trù tha hồ chén chú chén anh, ngày đêm réo rắt những câu cẩm tú văn thơ Thái Bạch (Lưu niên văn tinh và Thiên Trù cùng ở Tị cung).

Điển hình tuổi Nhâm Ngọ sinh ngày 19 tháng 6 giờ Dần, Mệnh Trực Phù, Thân Thiếu âm được Thái âm đắc thủ cho mệnh Mộc, nhưng không đắc cách cho dương mệnh. Thái dương, Thiên Lương thủ Thân đắc cách lại không đắc vị, tuy rằng Hồng Loan vẫn tô điểm cho bộ Nhật Nguyệt rực rỡ. Tả Hữu, Hoá khoa cho thấy một thành công chuyên ngành cao đẹp, Không Kiếp khiến đời bạc bẽo với vị trí Thiếu âm đáng tiếc. Hoá Lộc ở Quan cũng là Thân thế, đồng tiền thâu xuất như thuỷ triều (Không Kiếp). Lộc tồn ở Di cũng bị mệnh này đạt được (Tỵ Dậu Sửu khắc Hợi Mão Mùi), tiếc rằng vị trí Phi Liêm với Phục Binh, mặc dầu Thanh Long vẫn là dịp hên đưa đến.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Menh>                       |<Phu Mau>                    |<Phuc Duc>                   |<Dien Trach>                 |
|       (H)Thai am            |       (H)Tham Lang          |       (H)Thien Dong         |       (M)Thien Tuong        |
|                             |                             |       (H)Cu Mon             |       (V)Vu Khuc            |
| +Thien Viet    -Truc Phu    | +Van Khuc      -Thai Tue    | +Quoc an       -Benh Phu    | +Van Xuong     -Benh        |
| +Huu Bat       -Pha Toai    | +De Vuong      -Thien Rieu  | +Thieu Duong   -Thien Khong | +Thai Phu      -Co Than     |
| +Lam Quan                   | +Hy Than                    |                -Suy         | +Thien Ma      -Dai Hao     |
| +Phi Liem                   | +Thien Phuc                 |                             |                -Hoa Ky      |
|                             | +Thien Y                    |                             |                -Tang Mon    |
|   6                         |  16                         |  26                         |  36                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+----------[Tuan]-------------+
|<Huynh De>                   |Mui |                    Than|Dau                     |Tuat|<Quan Loc>             <Than>|
|       (V)Thien Phu          |----+------------------------+------------------------+----|       (H)Thai Duong         |
|       (M)Liem Trinh         |    |                                                 |    |       (H)Thien Luong        |
| +Giai Than     -Qua Tu      |    |            Ho ten: Vi du                        |    | +Ta Phu        -Dia Khong   |
| +Phong Cao     -Dieu Khach  |    |            Sanh  : 19 Thang 6                   |    | +Hong Loan     -Phuc Binh   |
| +Phuong Cac    -Thien La    |    |            Nam   : Nham Ngo                     |    | +Hoa Khoa      -Tu          |
| +Quan Doi                   |    |            Gio   : Dan                          |    | +Hoa Loc                    |
| +Tau Thu                    |    |                                                 |    | +Luu Nien                   |
| +Duong Phu                  |    |            Tuoi  : Duong Nam                    |    | +Thieu am                   |
|                             |    |            Menh  : Duong Lieu Moc               |    | +Thien Tru                  |
|                             |    |            Cuc   : Hoa Luc Cuc                  |    |                             |
| 116                         |Ngo |                                                 |Hoi |  46                         |
+-----------------------------+----|                    am duong nghich ly           |----+-----------------------------+
|<Phu The>                    |Ty  |                    Menh Sinh Cuc                |Ti  |<No Boc>                     |
|                             |    |    Sao chu menh  : Pha Quan                     |    |       (H)That Sat           |
|                             |    |    Sao chu than  : -Hoa Tinh                    |    |                             |
| +Thien Khoi                 |    |                                                 |    | +Hoa Cai       -Da La       |
| +Dao Hoa       -Hoa Tinh    |    |                                                 |    | +Long Tri      -Quan Phu    |
| +Moc Duc       -Dau Quan    |    |                                                 |    | +Mo            -Quan Phu    |
| +Phuc Duc                   |    |                                                 |    | +Thien Quan    -ThienThuong |
| +Tam Thai                   |    |                                                 |    |                -Dia Vong    |
| +Thien Duc                  |    |                                                 |    |                             |
| +Thien Hi                   |    |                                                 |    |                             |
| +Thien Tho                  |    |                                                 |    |                             |
| +Tuong Quan                 |----+------------------------+------------------------+----|                             |
| 106                         |Thin|                     Mao|Dan                     |Suu |  56                         |
+----------[Triet]------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Tu Tuc>                     |<Tai Bach>                   |<Tat ach>                    |<Thien Di>                   |
|       (H)Pha Quan           |                             |       (B)Tu Vi              |       (H)Thien Co           |
|                             |                             |                             |                             |
| +Trang Sinh    -Bach Ho     | +An Quang      -Linh Tinh   | +Dia Giai      -Kinh Duong  | +Loc Ton       -Kiep Sat    |
|                -Thien Hinh  | +Duong         -Dia Kiep    | +Hoa Quyen     -Thien Hu    | +Bac Si        -Luu Ha      |
|                -Tieu Hao    | +Long Duc                   | +Luc Si        -Thien Khoc  | +Bat Toa       -Tu Phu      |
|                             | +Thanh Long                 | +Thai          -Tue Pha     | +Nguyet Duc    -Tuyet       |
|                             | +Thien Giai                 |                -Thien Su    | +Thien Tai                  |
|                             | +Thien Quy                  |                             |                             |
|  96                         |  86                         |  76                         |  66                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Hoá Lộc là diện có kinh tài thường đứng cặp với Hoá Quyền (chỉ trừ 2 tuổi Mậu và Nhâm không bao giờ có. Tuổi Canh Lộc Quyền Khoa liên châu cao quí trên mọi khía cạnh, tuổi Quí cũng một liên châu mà căm hờn với Khoa Kỵ Quyền). Mỗi khi thiên thời

đắc vận như gấm thêu hoa, nhưng khi vận rã, chính Hoá Quyền lại là ống máng cho Lộc chạy mau xuống dốc.

DANH DỰ CỦA LONG PHƯỢNG
TẢ HỮU XƯƠNG KHÚC

Mười bốn chính tinh dàn trên mặt địa bàn giao nhau bằng 4 khuôn mặt, phân tách kỹ lưỡng chỉ là thế cờ lưỡng nghi đối chọi ghìm nhau (nhân hoà) đường đi nước bước biến chuyển từ không gian (địa lợi) đến thời gian (thiên thời).

Tử Phủ Vũ Tướng nghiêm chỉnh phương phi có lúc phải đổi thành hắc diện Sát Phá Liêm Tham oai hùng lẫm liệt. Mặt trắng thơ sinh Cơ Nguyệt Đồng Lương ôn nhu mềm dẻo nhiều khi cũng hoá trang ra Cự Nhật nói năng cứng rắn. Chiến lược luân phiên tuỳ cơ ứng phó. Cuộc đời xen kẽ từng đoạn cát hung. Chính tinh chỉ là hội chủ liên minh chiến tuyến. Sự kết thúc oan hay ưng, chánh danh hay phản nghịch phải nhờ ở những tay chân kiệt sĩ nêu cao nghĩa cả là các bộ trung tinh.

Một Lưu Bang không thể trở thành Cao tổ nhà Hán nếu như không có Trương Lương, Hàn Tín, Tiêu Hà. Một Lê Lợi khó thành Thái tổ triều đại nhà Lê trường hợp vắng bóng Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo. Long Phượng một bộ trung tinh đem lại chánh danh thuận lý lá cờ của Thái Tuế ngôi vị may nhiều hơn rủi.

Tả Hữu chính danh là khả năng đặc sắc hơn người, tốt hay xấu tuỳ liên kết hợp tác như: Long Phượng Tả Hữu là chính nhân vạn năng, nhưng Long Phượng Tả Hữu Không Kiếp lại là chính nhân hữu tài mà không đắc dụng. Tuế Phá Tả Hữu là người thất chí, tài ba hơn người khác hẳn Tuế Phá Tả Hữu Không Kiếp kẻ bất lương nhiều thủ đoạn.

Xương Khúc chủ văn chương mỹ thuật là bộ văn chương cốt cách thư sinh hiếu học, đụng nhằm Sát Phá Tham là tối kỵ không chứng nọ cũng lại tật kia, bồi thêm sát tinh kể như tuổi thọ triết giảm một khi đắc ý hãnh diện với đời. Cao đẹp khi xây dựng với Tử Phủ Vũ Tướng rạng danh văn võ toàn tài, phối hiệp với Cơ Nguyệt Đồng Lương là minh chủ tương đắc đồng tâm nhất trí.

Bốn yếu tố của số là năm tháng ngày giờ, 3 bộ Long Phượng Tả Hữu Xương Khúc đặt ảnh hưởng ngay ở 3 yếu tố quan trọng là

năm tháng và giờ chỉ chừa một yếu tố ngày khiêm nhượng dành cho chính tinh.

Năm ấn định đâu là vị trí lý tưởng của số. Long Phượng hiên ngang đại diện cho Thái tuế. Tháng và Giờ chỉ chỗ ngồi cho Mệnh và Thân. Chỉ còn ngày là đầu dây mối nhợ an vị cho chính tinh bắt đầu từ Tử Vi, vai trò lãnh tụ theo qui luật âm dương nhất định tuần tự đến Phá Quân đủ 14 chỗ ngồi. Muốn nâng cao yếu tố ngày lên thêm giá trị phải khai sinh ra 2 bộ phụ tinh Thai Toạ Quang Quí theo lý lịch 2 bộ này là thuộc hạ của Tả Hữu và Xương Khúc cũng như Đẩu quân là phụ tá của Thái Tuế.

Để lên cân đo lường sức nặng giữa 14 chính và 3 bộ trung tinh thấy đòn cân có phần lệch nghiêng về phía Long Phượng Tả Hữu như số của Đại đế Quang Trung tuổi Nhâm Thân sinh ngày 5 tháng 5 Giờ Tuất.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Tu Tuc>                     |<Phu The>                    |<Huynh De>                   |<Menh>                       |
|       (H)Cu Mon             |       (V)Thien Tuong        |       (D)Thien Luong        |       (M)That Sat           |
|                             |       (V)Liem Trinh         |                             |                             |
| +Thien Viet     -Linh Tinh  | +Huu Bat        -Dieu Khach | +Duong          -Benh Phu   | +Ta Phu         -Dai Hao    |
| +Phi Liem       -Kiep Sat   | +Hy Than                    | +Hong Loan      -Truc Phu   | +Hoa Khoa       -Thai Tue   |
| +Phuc Duc       -Thien Rieu | +Thai                       | +Hoa Loc        -Qua Tu     | +Trang Sinh                 |
| +Thien Duc      -Tuyet      | +Thien Phuc                 | +Quoc an                    |                             |
| +Thien Y                    |                             |                             |                             |
|  95                         | 105                         | 115                         |   5                         |
+-----------------------------+-----------------------------------------------------------+-----------------------------+
|<Tai Bach>             <Than>|Mao |                    Thin|Ty                      |Ngo |<Phu Mau>                    |
|       (V)Tham Lang          |----+------------------------+------------------------+----|       (H)Thien Dong         |
|                             |    |                                                 |    |                             |
| +Hoa Cai        -Bach Ho    |    |            Ho ten: Quang Trung                  |    | +Dao Hoa        -Dia Kiep   |
| +Mo             -Thien La   |    |            Sanh  : 5 Thang 5                    |    | +Luu Nien       -Pha Toai   |
| +Thai Phu                   |    |            Nam   : Nham Than                    |    | +Moc Duc        -Phuc Binh  |
| +Tau Thu                    |    |            Gio   : Tuat                         |    | +Thieu Duong    -Thien Khong|
| +Thien Tai                  |    |                                                 |    | +Thien Tru                  |
| +Duong Phu                  |    |            Tuoi  : Duong Nam                    |    |                             |
|                             |    |            Menh  : Kiem Phong Kim               |    |                             |
|                             |    |            Cuc   : Tho Ngu Cuc                  |    |                             |
|  85                         |Dan |                                                 |Mui |  15                         |
+-----------------------------+----|                    am duong thuan ly            |----+-----------------------------+
|<Tat ach>                    |Suu |                    Cuc Sinh Menh                |Than|<Phuc Duc>                   |
|       (H)Thai am            |    |    Sao chu menh  : Liem Trinh                   |    |       (M)Vu Khuc            |
|                             |    |    Sao chu than  : Thien Luong                  |    |                             |
| +Thien Khoi     -Tu         |    |                                                 |    | +Quan Doi       -Da La      |
| +An Quang       -Thien Su   |    |                                                 |    | +Thien Quan     -Hoa Ky     |
| +Long Duc                   |    |                                                 |    |                 -Quan Phu   |
| +Tuong Quan                 |    |                                                 |    |                 -Tang Mon   |
|                             |    |                                                 |    |                 -Thien Khoc |
|                             |    |                                                 |    |                 -Dia Vong   |
|                             |----+------------------------+------------------------+----|                             |
|  75                         |Ti  |                    Hoi |Tuat                    |Dau |  25                         |
+----------[Triet]------------+-----------------------------+-----------------------------+---------[Tuan]--------------+
|<Thien Di>                   |<No Boc>                     |<Quan Loc>                   |<Dien Trach>                 |
|       (M)Tu Vi              |       (D)Thien Co           |       (M)Pha Quan           |       (H)Thai Duong         |
|       (M)Thien Phu          |                             |                             |                             |
| +Van Khuc       -Benh       | +Nguyet Duc     -Dia Khong  | +Van Xuong      -Hoa Tinh   | +Loc Ton        -Co Than    |
| +Bat Toa        -Dau Quan   | +Thanh Long     -Thien Hinh | +De Vuong       -Kinh Duong | +Bac Si         -Luu Ha     |
| +Giai Than      -Thien Hu   | +Thien Hi       -Tu Phu     | +Long Tri       -Quan Phu   | +Dia Giai                   |
| +Hoa Quyen      -Tieu Hao   |                 -ThienThuong| +Luc Si                     | +Lam Quan                   |
| +Phuong Cac     -Tue Pha    |                 -Suy        | +Phong Cao                  | +Thien Quy                  |
| +Thien Ma                   |                             | +Tam Thai                   | +Thieu am                   |
|                             |                             | +Thien Giai                 |                             |
|                             |                             | +Thien Tho                  |                             |
|  65                         |  55                         |  45                         |  35                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Tuổi Thân Mệnh hiên ngang ngồi ở Thân cung Thất sát triều đầu vắng bóng hẳn Lộc Tồn Khoa Quyền Lộc. Thái Tuế in ngay trên trán Tả Phù Long Trì Bạch Hổ,Hoa Cái Văn Xương qui tụ cả một thế nghênh ngang một cõi sơn hà. Nhìn sang đối cung cũng một đoàn Tử Phủ Hoá Quyền Phượng Các Hữu Bật đủ mũ cao bào tía quyền uy nghiêm chỉnh chỉ một Triệt làm gẫy đổ nát tan tành trước một Thất Sát triều đẩu. Còn đâu là uy thế của một Thiên triều đối diện với một tiểu quốc. Dầu không có Triệt một Thân Tí Thìn cũng dễ dàng đàn áp Dần Ngọ Tuất, đủ tư thế một vị tướng

bách chiến không biết cái thua là gì. Định mệnh đã xắp xếp sau những chiến công quá sức rực rỡ, Đại đế đành bỏ ngang những dự tính, chịu phần yểu vong không quá 40 tuổi (Sát Phá Tham hội Văn Xương, Kình , Hình, Địa không).

Thái tổ võ Hoàng Đế Quang Trung chỉ là một thứ nhân xuất thân, một khi được đặt ngồi vào vị trí cao quí Long Phượng có khả năng (Tả Hữu) hơn người cũng danh chính ngôn thuận hơn Tử Phủ đắc Tả Hữu ở những ngôi vị khác, mặc dầu chính thân chỉ là phận Thất Sát triều đẩu.

Thân thế vạn thắng uy danh lừng lẫy uy sơn vạn thuỷ cũng san cho bằng dưới vó ngựa, ấy thế mà Quang Trung đại đế đành chịu khuất phục trước giai nhân Ngọc Hân công chúa chân yếu tay mềm (Thê cung Thiên tướng Hữu bật).

Ngẫm xem muôn việc ở đời như đã được soạn thảo, trăm mưu ngàn kế cũng khó trệch đường lối hoạch định mà cứ phải thi hành làm theo. Thật là tránh không khỏi số.

BÙA MÊ THUỐC LÚ

KHOA QUYỀN LỘC

Người đời có nhiều mơ ước. Lúc còn nhỏ ước mong học giỏi đậu cao, lớn lên mộng tưởng quyền cao chức lớn, lắm bạc nhiều tiền là ba chữ Khoa Quyền Lộc với cuộc thế nhân sinh.

Lúc đầu học số có thể nói đa số sợ Thái tuế và ham mê Khoa, Quyền, Lộc. Cho tam hoá là bùa hộ mạng đem lại tất cả những gì hãnh diện cho đời. Thật thế ngay 3 cái tên đọc lên cũng đã đủ nghĩa lắm rồi.

Hoá là thay đổi sinh sản như đã có câu “Hoá công sao khéo phũ phàng” có ý trách khéo thợ Trời diễn biến ác nghiệt làm chi. Hoá khoa, Quyền, Lộc là lớp lang đưa đến cho người đời cảnh mão áo quyền uy giàu có. Nhưng tam Hoá đâu có phải là khả năng tư cách nghị lực của cá nhân nâng cao phẩm giá, chỉ là cái áo rực rỡ lần lượt khoác vào để đóng vai trò nào thôi. Hẳn đó không phải là thầy tu chính xác.

Bộ 3 này riêng Hoá khoa có một giá trị lớn hơn cả là màn đầu đưa đến Quyền, Lộc. Khoa chủ nhân hậu uyên bác đặc biệt là từ thiện giải trừ tai hoạ. Nữ mệnh đắc Khoa là tối quý, dầu gặp ác sát cũng vẫn dự phần phẩm cách.

Xã hội nhân sinh có bốn hạng người: Người Thái tuế, Quan phù Bạch hổ là người nghĩ đến phận sự của mình như có trách nhiệm phải làm. Một khi đã nhúng tay là phải làm sao cho xứng đáng tư cách nhân phẩm, đâu có cần phải Khoa, Quyền, Lộc, nếu có chỉ là gấm thêu hoa. Một chiếc cẩm bào tứ linh, Long, Phượng, Hổ, Cái cũng quá đẹp rực rỡ hơn đời. Riêng người Bạch hổ mang danh nghĩa khí, không còn để ý đến quyền lộc riêng tư, một khi gánh vác những điều làm chánh nghĩa thì ham mê với bất cứ giá nào (Lê Thái Tổ và Sở Vương, Hàn Tín).

Người Thiếu âm, Long đức,Trực phù là người có thiện chí làm việc tiếc rằng phận hẩm duyên hiu, luôn luôn bị đời bạc đãi, dẫu có Khoa, Quyền, Lộc chỉ càng thêm đau đớn. Hai hạng này là người trước đáng trọng, người sau đáng mến.

Hạng Tuế phá là người bị hoàn cảnh làm cho vụng suy thất ý. Nếu không giữ được chính tâm và thêm Khoa, Quyền, Lộc quyến rũ rất dễ làm những việc bạo nghịch để vinh thân rồi ra ngàn năm lưu xú ô danh. Khá thương cho người Điếu khách ra công thuyết phục phân trần lẽ phải cách mấy cũng không đem lại gì khác hơn tình cảnh hiện tại.

Người Tang môn thường thường có khóc mướn thương vay bao nhiêu cũng vẫn là nước chảy ra sông. Trường hợp được Khoa thêm Tả Hữu thành danh đáng kính vì tính tình nhân hậu, đặc biệt khả năng uyên bác, dầu được Mã đồng tình phò trợ cũng vẫn hữu công vô lao, họa chăng được chút danh thơm hậu thế (Khổng Tử).

Người Thiếu Dương, Tử phù, Phúc đức được tư chất thiên phú thông minh nhạy cảm hơn đời, đừng tự hào mê ham tục lụy, Hoàn cảnh này chữ "Đức" đáng trọng bằng ba chữ Tài. Ngẫm ra cuộc đời chỉ là con số "KHÔNG" trống rỗng quá lớn!

Khoa Quyền, Lộc ở với 2 hạng này có khác gì bùa mê thuốc lú làm cho người say đắm bả vinh hoa, lầm lạc mùi phú quý. Vung tay quá trớn, một khi hối cải thì việc đã rồi.

Nói đến Khoa, Quyền, Lộc không lẽ không phác qua đến một đặc phái em út trong giòng họ Hoá là Hoá kỵ. Người đời mến chuộng Khoa Quyền Lộc bao nhiêu, trái lại Hoá kỵ làm cho ai ai tất thảy đều muốn xa lánh, nhất là những người tuổi có hàng can Bính, Đinh hay Hoả mệnh. Hoá kỵ núp sau hình tượng của Liêm trinh và Cự môn mà gây hoạ.

Được liệt kê vào hàng ngũ sát tinh cùng bè lũ Không,Kiếp, Kình Đà Linh Hoả cũng như Thiên Hình ám hại cho mộc mệnh và giòng họ Giáp Ất, ngoài ra Hoá kỵ chỉ có tính cách suy giảm những gì tốt đẹp, vì chữ Kỵ chỉ có nghĩa ghen tuông, hờn giận phá hại. Đặc biệt nữ mệnh đắc Khoa tốt đẹp bao nhiêu, một khi vướng phải Kỵ khác gì gấm vóc bị vấy bùn đen nên cổ nhân đã gọi hoá Kỵ là sao Kế Đô của phái yếu.

Dầu sao cũng là dòng họ Hoá, ba nghành trên đã bồi dưỡng sự nghiệp công ích khá lớn với đời, không lẽ nghành út lại quá tồi tệ không được điểm nào mua chuộc lỗi lầm bấy lâu hư thân mất nết. Trường hợp không thể tưởng tượng nổi Hoá Kỵ đứng chụm cùng ngành trưởng Hoá khoa nơi đắc địa Tí cung đắc Thiên Lương hội chiếu được chúng nhân trọng vọng quân dân ái mộ. Hội với Liêm Tham ở Tỵ hợp cách phải là người Hoả mệnh, hoặc Liêm Tham ở Hợi phải là người Kim mệnh, Hoá kỵ cân phân được hung hãn phi thường. Trái lại người Kim mệnh ở Tỵ hoặc người Hoả mệnh ở Hợi, Liêm Tham hội Hoá Kỵ, lao ngục đã mở rộng sẵn sàng rước thân chủ.

Đây chỉ là một cách chế hoá của ngũ hành, cân phân được thì tốt, lệch lạc sẽ thành hung.

Cụ Phan Bội Châu tuổi Đinh Mão sinh ngày 11 tháng 5 giờ Sửu, Cự môn Hoá Kỵ thủ mệnh ở Tỵ là cả một kiếp nhân sinh được tạo hoá cân phân cho mạng sống để mà nặng lo (Tang môn) việc đời. Cái THÂN đáng trọng ở vị trí Quan Phù ngôi vị của người trước sau tính toán kỹ càng mới ra tay lãnh nhiệm vụ. Một Thiên Lương gồm đủ Khôi, Việt, Xương Khúc Khoa Quyền Lộc mà nhất quyết rũ áo từ bỏ cái mộng khanh tướng lao đầu vào công việc quá khó khăn kêu dân cứu nước. Cự môn, Thiên hình, Hoá kỵ là tất cả những gì gần đất xa trời tù đày hình phạt. Khôi Việt phục lực Thiên Lương san bằng mọi sự xung sát với thế cân phân của mệnh Hoả ở Tỵ cung đụng nhầm Cự môn Hoá Kỵ.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Menh>                       |<Phu Mau>                    |<Phuc Duc>             <Than>|<Dien Trach>                 |
|      (H)Cu Mon              |        (V)Thien Tuong       |      (D)Thien Luong         |      (M)That Sat            |
|                             |        (V)Liem Trinh        |                             |                             |
| +Van Khuc       -Kinh Duong | +Huu Bat                    | +Giai Than      -Da La      | +Ta Phu         -Hoa Tinh   |
| +Luc Si         -Co Than    | +Loc Ton                    | +Hoa Cai        -Quan Phu   | +Bat Toa        -Benh       |
| +Thien Ma       -Hoa Ky     | +An Quang                   | +Long Tri       -Quan Phu   | +Nguyet Duc     -Kiep Sat   |
| +Thien Y        -Pha Toai   | +Bac Si                     | +Phuong Cac     -Tu         | +Thien Quy      -Phuc Binh  |
| +Thien Tru      -Tang Mon   | +Mo                         | +Thai Phu                   | +Thien Tai      -Luu Ha     |
|                 -Thien Rieu | +Tam Thai                   |                             |                 -Tu Phu     |
|                 -Tuyet      | +Thien Hi                   |                             |                             |
|                             | +Thieu am                   |                             |                             |
|   6                         | 116                         | 106                         |  96                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Huynh De>                   |Mui |                    Than|Dau                     |Tuat|<Quan Loc>                   |
|      (V)Tham Lang           |----+------------------------+------------------------+----|      (H)Thien Dong          |
|                             |    |                                                 |    |                             |
| +Thai           -Thien Khong|    |          Ho ten: Phan Boi Chau                  |    | +Thien Viet     -Dai Hao    |
| +Thanh Long     -Thien La   |    |          Sanh  : 11 Thang 5                     |    | +Van Xuong      -Thien Hu   |
| +Thieu Duong                |    |          Nam   : Dinh Mao                       |    | +Hoa Quyen      -Tue Pha    |
|                             |    |          Gio   : Suu                            |    | +Luu Nien       -Suy        |
|                             |    |                                                 |    |                             |
|                             |    |          Tuoi  : Am Nam                         |    |                             |
|                             |    |          Menh  : Lo Trung Hoa                   |    |                             |
|                             |    |          Cuc   : Hoa Luc Cuc                    |    |                             |
|  16                         |Ngo |                                                 |Hoi |  86                         |
+-----------------------------+----|                  am duong thuan ly              |----+-----------------------------+
|<Phu The>                    |Ty  |                  Menh Cuc Binh Hoa              |Ti  |<No Boc>                     |
|      (H)Thai am             |    |  Sao chu menh  : +Van Khuc                      |    |      (M)Vu Khuc             |
|                             |    |  Sao chu than  : Thien Dong                     |    |                             |
| +Duong          -Thai Tue   |    |                                                 |    | +De Vuong       -Benh Phu   |
| +Hoa Loc        -Thien Khoc |    |                                                 |    | +Long Duc       -Dia Khong  |
| +Phong Cao      -Tieu Hao   |    |                                                 |    | +Thien Tho      -ThienThuong|
|                             |    |                                                 |    |                 -Dia Vong   |
|                             |----+------------------------+------------------------+----|                             |
|  26                         |Thin|                    Mao |Dan                     |Suu |  76                         |
+----------[Triet]------------+-----------------------------+-----------------------------+---------[Tuan]--------------+
|<Tu Tuc>                     |<Tai Bach>                   |<Tat ach>                    |<Thien Di>                   |
|      (M)Tu Vi               |        (D)Thien Co          |      (M)Pha Quan            |      (H)Thai Duong          |
|      (M)Thien Phu           |                             |                             |                             |
| +Quoc an        -Truc Phu   | +Hoa Khoa       -Qua Tu     | +Dao Hoa        -Dau Quan   | +Thien Khoi     -Linh Tinh  |
| +Thien Quan                 | +Moc Duc        -Thien Hinh | +Hong Loan      -Dia Kiep   | +Dia Giai       -Bach Ho    |
| +Trang Sinh                 | +Tau Thu        -Dieu Khach | +Phi Liem       -Thien Su   | +Hy Than                    |
| +Tuong Quan                 |                             | +Phuc Duc                   | +Lam Quan                   |
|                             |                             | +Quan Doi                   | +Thien Phuc                 |
|                             |                             | +Thien Duc                  | +Duong Phu                  |
|                             |                             | +Thien Giai                 |                             |
|  36                         |  46                         |  56                         |  66                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Đành rằng Quyền ngộ Phá, Lộc bị Triệt, nhưng phải là THÂN Quan Phù mới dứt khoát từ bỏ bả vinh hoa Quyền Lộc để hãnh diện với Long Phượng Hổ Cái danh thơm muôn thuở. Khoa chỉ là phương tiện để Cụ dễ làm việc.

Phân tách kỹ lưỡng 3 chữ Khoa Quyền Lộc, trưởng đoàn hiển nhiên là Khoa rất xứng đáng và địa vị khiêm nhường nhất phải là Quyền.

Khoa, ngoài tính tình nhân hậu, có một khả năng đánh giá mới chiếm được bảng vàng giữa chốn trường quy. Tài năng này khổ công rèn luyện mới có là điều quý trọng, huống chi còn tiềm tàng sâu rộng "đức" cứu khốn trợ nguy.

Quyền chỉ là sự may đạt được. Nếu vụng tính sẽ sinh kiêu, rồi vì lòng tự ái có thể đem đến kết quả việc làm ác nghiệp thì đâu phải chiếm được địa vị chắc chắn lên trên "Lộc".

Số phải chăng là bản dự thảo một cuộc sống đã được sắp đặt gọi là định mệnh, mà THÂN kia đã dự một phần nào sửa chữa nên mới có "Đức năng thắng số".

CÔ THÂN QUẢ TÚ
KHÔNG BAO GIỜ ĐƯỢC
GÓP MẶT CHUNG VỚI THÁI TUẾ

Xưa kia, những bậc được gọi là Minh quân, Thánh chúa thường tự khiêm nhượng bằng tiếng xưng hô Cô hay Quả nhân dụng ý cho những gì cần đem lại hạnh phúc hoàn hảo cho mọi người. Hai chữ Cô Quả có nghĩa là đơn chiếc (cô), mỏng manh (quả) đứng trong địa bàn Tử vi chỉ ở 8 vị trí Tứ sinh (cô) và tứ mộ (quả) có tính cách nêu rõ ràng tình cảnh của ba hạng Tuế Phá, Thiếu Âm và Thiếu Dương. Còn đối với Thái Tuế không bao giờ Cô Quả có chỗ đứng trong tam hợp, Tại sao vậy?

Biết rằng người Thái Tuế là người sinh ra như có trách vụ làm việc cho xã hội tuỳ hoàn cảnh nhiều hay ít, luôn luôn được lòng chúng nhân ái mộ với chiếu lọng (hoa cái) che danh hiệu Long Phượng nhất là những tuổi tứ Mộ đắc kim mệnh. Trái với ba hạng còn lại ngoại trừ Thiếu Dương tuổi tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) không muốn phiền luỵ ai, thiên phú thông minh hơn người nếu sớm tỉnh giác (Hồng Loan, Thiên Không–sắc sắc không

không) thì Cô Quả cũng thành không, còn được kính mến nữa là khác.

Người Thiếu âm với tuổi tứ Sinh (Dần Thân Tỵ Hợi) vì lòng tự hào quá cao thường lâm vào thế thất nhân tâm, chỉ còn đường rẽ Long đức làm niềm an ủi duy nhất.

Người Tuế Phá với tuổi tứ Chính (Tí Ngọ Mão Dậu) tính tình quá cương trực thường xuyên bị cô thế, nghĩ rằng nghị lực (Thiên mã) có thừa cũng như ai trong thế hăng hái (cùng thế âm dương với Thái Tuế) mỗi hành động thường không mang lại kết quả đắc ý nên tuyệt đối bị khép vào cảnh mất tin tưởng thế nhân.

Thông thường cứ nói Cô Quả và Đẩu quân có những thành tích khắc nghiệt và vị kỷ giống nhau, thật ra nên thận trọng phân cách sự dị biệt của Cô (nam) Quả (nữ) không có gì sánh được Đẩu quân.

Cô Quả luôn ở trong hoàn cảnh bất đắc ý đến có nhiều hành động phải khắc nghiệt bị ghép vào lý vị kỷ. Đẩu quân khác hẳn, lý chánh nghĩa sảng tỏ là hành tính của Thái Tuế (nguyệt nghịch, thời thuận) với danh hiệu chữ "Quân" phải là khẳng khái bất khuất nên có tính cách nghiêm nghị.

Chữ "Đẩu" còn có nghĩa đo lường bao gồm ý cẩn thận đúng mức nên được ghi danh "Nguyệt tướng" vị chỉ huy công việc hàng năm khí phách hào hùng chính diện.

Hai bản số sau đây cho thấy đâu là khác biệt

a) Đinh Mão ngày 11 tháng 5 giờ Sửu.

b) Mậu Ngọ sanh ngày 9 tháng 4 giờ Mùi.

```
+----------------------------+----------------------------+----------------------------+----------------------------+
|<Menh>                      |<Phu Mau>                   |<Phuc Duc>            <Than>|<Dien Trach>                |
|      (H)Cu Mon             |      (V)Thien Tuong        |      (D)Thien Luong        |      (M)That Sat           |
|                            |      (V)Liem Trinh         |                            |                            |
| +Van Khuc       -Kinh Duong| +Huu Bat                   | +Giai Than      -Da La      | +Ta Phu         -Hoa Tinh   |
| +Luc Si         -Co Than   | +Loc Ton                   | +Hoa Cai        -Quan Phu   | +Bat Toa        -Benh       |
| +Thien Ma       -Hoa Ky    | +An Quang                  | +Long Tri       -Quan Phu   | +Nguyet Duc     -Kiep Sat   |
| +Thien Y        -Pha Toai  | +Bac Si                    | +Phuong Cac     -Tu         | +Thien Quy      -Phuc Binh  |
| +Thien Tru      -Tang Mon  | +Mo                        | +Thai Phu                  | +Thien Tai      -Luu Ha     |
|                 -Thien Rieu| +Tam Thai                  |                            |                 -Tu Phu     |
|                 -Tuyet     | +Thien Hi                  |                            |                            |
|                            | +Thieu am                  |                            |                            |
|   6                        | 116                        | 106                        |  96                        |
+----------------------------+----------------------------+----------------------------+----------------------------+
|<Huynh De>                  |Mui |                  Than|Dau                     |Tuat|<Quan Loc>                  |
|      (V)Tham Lang          |----+----------------------+------------------------+----|      (H)Thien Dong         |
|                            |    |                                                |    |                            |
| +Thai           -Thien Khong    |            Ho ten: Phan Boi Chau               |    | +Thien Viet     -Dai Hao    |
| +Thanh Long     -Thien La  |    |            Sanh  : 11 Thang 5                  |    | +Van Xuong      -Thien Hu   |
| +Thieu Duong               |    |            Nam   : Dinh Mao                    |    | +Hoa Quyen      -Tue Pha    |
|                            |    |            Gio   : Suu                         |    | +Luu Nien       -Suy        |
|                            |    |                                                |    |                            |
|                            |    |            Tuoi  : Am Nam                      |    |                            |
|                            |    |            Menh  : Lo Trung Hoa                |    |                            |
|                            |    |            Cuc   : Hoa Luc Cuc                 |    |                            |
|  16                        |Ngo |                                                |Hoi |  86                        |
+----------------------------+----|                    am duong thuan ly           |----+----------------------------+
|<Phu The>                   |Ty  |                    Menh Cuc Binh Hoa           |Ti  |<No Boc>                    |
|      (H)Thai am            |    |      Sao chu menh  : +Van Khuc                 |    |      (M)Vu Khuc            |
|                            |    |      Sao chu than  : Thien Dong                |    |                            |
| +Duong          -Thai Tue  |    |                                                |    | +De Vuong       -Benh Phu   |
| +Hoa Loc        -Thien Khoc|    |                                                |    | +Long Duc       -Dia Khong  |
| +Phong Cao      -Tieu Hao  |    |                                                |    | +Thien Tho      -ThienThuong|
|                            |    |                                                |    |                 -Dia Vong   |
|                            |----+----------------------+------------------------+----|                            |
|  26                        |Thin|                   Mao |Dan                     |Suu |  76                        |
+----------[Triet]-----------+----------------------------+----------------------------+---------[Tuan]-------------+
|<Tu Tuc>                    |<Tai Bach>                  |<Tat ach>                   |<Thien Di>                  |
|      (M)Tu Vi              |      (D)Thien Co           |      (M)Pha Quan           |      (H)Thai Duong         |
|      (M)Thien Phu          |                            |                            |                            |
| +Quoc an        -Truc Phu  | +Hoa Khoa       -Qua Tu    | +Dao Hoa        -Dau Quan   | +Thien Khoi     -Linh Tinh  |
| +Thien Quan                | +Moc Duc        -Thien Hinh| +Hong Loan      -Dia Kiep   | +Dia Giai       -Bach Ho    |
| +Trang Sinh                | +Tau Thu        -Dieu Khach| +Phi Liem       -Thien Su   | +Hy Than                   |
| +Tuong Quan                |                            | +Phuc Duc                  | +Lam Quan                  |
|                            |                            | +Quan Doi                  | +Thien Phuc                |
|                            |                            | +Thien Duc                 | +Duong Phu                 |
|                            |                            | +Thien Giai                |                            |
|  36                        |  46                        |  56                        |  66                        |
+----------------------------+----------------------------+----------------------------+----------------------------+
```

a) Tuổi Đinh Mão có Cô Quả nhập mệnh ở Tỵ vẫn được mọi sự trọng vọng kính phục vì được Phá Toái như đã bào chế sao tẩm trở thành một thứ hung tinh ngộ chế, bồi đắp thêm "THÂN" lại ở tam hợp Thái Tuế mặc dầu đời vẫn trôi nổi như chiếc lá giữa dòng (mệnh ở vị trí Tang môn) nhưng vẫn một lòng son dạ sắt trung kiên với lẽ phải (Thân ở vị trí Quan Phù).

b) Tuổi Mậu Ngọ hoả mệnh vô chính diệu ở vị trí Quan Phù được Đẩu quân độc thủ, một thế nhân đủ tư cách tối thượng bất khuất. Mối hận ngàn năm khó quên vì "THÂN" ở Tuế Phá bị Cô Quả ngăn chặn khiến cuộc đời vẫn như lẻ loi không ai biết đến với bao công phu khó nhọc hàng ngày lo xây đắp trên con đường tinh thần những gì Kỳ khu trở nên quí giá. (Chỗ này bản gốc không rõ)

```
+----------------------------+----------------------------+----------------------------+----------------------------+
|<Tat ach>                   |<Tai Bach>                  |<Tu Tuc>                    |<Phu The>                   |
|       (M)Tu Vi             |                            |                            |                            |
|       (V)That Sat          |                            |                            |                            |
|  +Loc Ton      -Truc Phu   |  +Luc Si       -Kinh Duong |  +Thien Viet   -Thien Khong|  +Luu Nien     -Hoa Tinh   |
|  +Bac Si       -Pha Toai   |  +Thai         -Dia Kiep   |  +Huu Bat                  |  +Thien Ma     -Co Than    |
|                -Tuyet      |  +Thien Tho    -Thai Tue   |  +Ta Phu                   |  +Trang Sinh   -Tang Mon   |
|                -Thien Su   |  +Thien Tru                |  +Duong                    |                -Tieu Hao   |
|                            |                            |  +Hoa Khoa                 |                            |
|                            |                            |  +Thanh Long               |                            |
|                            |                            |  +Thieu Duong              |                            |
|  72                        |  82                        |  92                        |  102                       |
+----------------------------+----------------------------+----------------------------+----------------------------+
|<Thien Di>                  |Mui |                   Than|Dau                    |Tuat|<Huynh De>                  |
|       (M)Thien Co          |----+-----------------------+-----------------------+----|       (H)Liem Trinh        |
|       (M)Thien Luong       |    |                                               |    |       (H)Pha Quan          |
|  +Giai Than     -Da La     |    |            Ho ten: VD b                       |    |  +Hong Loan                |
|  +Mo            -Dia Khong |    |            Sanh  : 9 Thang 4                  |    |  +Moc Duc                  |
|  +Phuong Cac    -Hoa Ky    |    |            Nam   : Mau Ngo                    |    |  +Phong Cao                |
|  +Thien Quy     -Qua Tu    |    |            Gio   : Mui                        |    |  +Thieu am                 |
|  +Thien Y       -Quan Phu  |    |                                               |    |  +Tuong Quan               |
|  +Thien Tai     -Thien Rieu|    |            Tuoi  : Duong Nam                  |    |                            |
|                -Dieu Khach |    |            Menh  : Thien Thuong Hoa           |    |                            |
|                -Thien La   |    |            Cuc   : Thuy Nhi Cuc               |    |                            |
|  62                        |Ngo |                                               |Hoi |  112                       |
+----------------------------+----|                    am duong thuan ly          |----+----------------------------+
|<No Boc>                    |Ty  |                    Cuc Khac Menh              |Ti  |<Menh>                      |
|       (H)Thien Tuong       |    |    Sao chu menh  : Pha Quan                   |    |                            |
|                            |    |    Sao chu than  : -Hoa Tinh                  |    |                            |
|  +Van Xuong     -Linh Tinh |    |                                               |    |  +An Quang      -Dau Quan  |
|  +Dao Hoa       -Phuc Binh |    |                                               |    |  +Dia Giai      -Quan Phu  |
|  +Phuc Duc      -Tu        |    |                                               |    |  +Hoa Cai       -Dia Vong  |
|  +Tam Thai      -ThienThuong    |                                               |    |  +Long Tri                 |
|  +Thien Duc                |    |                                               |    |  +Quan Doi                 |
|  +Thien Hi                 |    |                                               |    |  +Tau Thu                  |
|  +Thien Phuc               |    |                                               |    |  +Duong Phu                |
|  +Thien Quan               |    |                                               |    |                            |
|                            |----+-----------------------+-----------------------+----|                            |
|  52                        |Thin|                   Mao |Dan                    |Suu |    2                       |
+----------------------------+---------------------[Tuan]-[Triet]----------------------+----------------------------+
|<Quan Loc>                  |<Dien Trach>                |<Phuc Duc>            <Than>|<Phu Mau>                   |
|       (V)Thai Duong        |       (M)Tham Lang         |       (V)Thien Dong        |       (D)Thien Phu         |
|       (V)Cu Mon            |       (M)Vu Khuc           |       (V)Thai am           |                            |
|                -Bach Ho    |  +Thien Khoi    -Benh Phu  |  +De Vuong      -Thien Hinh|  +Van Khuc      -Kiep Sat  |
|                -Benh       |  +Hoa Loc       -Suy       |  +Hoa Quyen     -Thien Hu  |  +Bat Toa       -Tu Phu    |
|                -Dai Hao    |  +Long Duc                 |  +Hy Than       -Thien Khoc|  +Lam Quan                 |
|                            |  +Quoc an                  |                -Luu Ha     |  +Nguyet Duc               |
|                            |  +Thai Phu                 |                -Tue Pha    |  +Phi Liem                 |
|                            |                            |                            |  +Thien Giai               |
|  42                        |  32                        |  22                        |  12                        |
+----------------------------+----------------------------+----------------------------+----------------------------+
```

Căn cứ những cơ bản nơi 2 lá số cho thấy giữa Mệnh và Thân chia nhau những phần quan trọng.

Phải chăng Thân là chính sự của việc mà Mệnh đã phác họa dự thảo trình ra.

Trên phương diện tình cảm những trường hợp tuổi thường bị bỏ rơi hay không biết đến như sau:

- Tuổi Tứ Sinh bị Mệnh hay Thân đóng ở vị trí tam hợp Thiếu âm

- Tuổi Tứ Chính bị Mệnh hay Thân đóng ở vị trí tam hợp Tuế Phá.

- Tuổi Tứ Mộ bị Mệnh hay Thân đóng ở vị trí tam hợp Thiếu Dương.

Người tam hợp Thái Tuế cả 12 tuổi hàng chi không bao giờ bị ảnh hưởng. Riêng hai tuổi Can là Nhâm Quí mỗi khi hạn hành gặp Cô Quả thường bị khắc chế khó khăn, trường hợp tuổi nạp âm là thuỷ mệnh cũng vậy.

CĂN BẢN HUYỀN DIỆU CỦA TỬ VI CÓ PHẢI LÀ NHỮNG HÀNH TINH

Đông cũng như Tây khoa chiêm nghiệm nói lên cuộc đời nhân thế đều cho là do sự chuyển dich của các hành tinh trong vũ trụ được ghi bằng những tên màu nhiệm. Riêng tử vi của Đông Á thấy có hai phần chính yếu. Trước hết là bản địa bàn chia làm 12 khoảng đều nhau định hướng Đông Tây Nam Bắc với tên đặt theo ngũ Hành Dần Mão (Mộc) Tỵ Ngọ (Hoả) Thân Dậu (Kim) Hợi Tí (Thuỷ) và Thìn Tuất Sửu Mùi (Thổ) ở trong ghi những hành tinh trên dưới 100 tên.

Những tinh đẩu này phân chia thành những chòm nhóm tuỳ theo 4 yếu tố của dương nhân là năm tháng ngày giờ sanh mà ngự chiếm vị trí để thi thố tính cách của mình, ưu tiên là chính tinh, rồi đến trung tinh, phúc tinh và sát tinh. Theo hệ thống quan trọng, những chính tinh được đặc biệt chú ý coi như chủ nhân chỉ huy nên thường thấy quyết định cung nào không chính tinh, nhất là mệnh xem như vườn hoang vô chủ (mệnh vô chính diệu phi bần tắc yểu) . Một khi thấy những quí tinh có đủ bầy tôi (trung tinh) xếp hàng qui tụ thì cho là cảnh đời tươi thắm.

Sự thật đâu có phải dễ dàng giản dị đến như thế. Đây chỉ là mớ trang sức bề ngoài, biết đâu chỉ là đồ đi vay mượn.

Thân thể của nhà lực sỹ vai u thịt bắp dẫu có mình trần hay khoác áo rách rưới cũng vẫn là người khoẻ mạnh. Trái lại kẻ ốm yếu dẫu có mặc gấm vóc vẫn thấy lúng túng kém vẻ hiên ngang. Vậy đâu là căn bản chính xác ?

Thường thường cứ nghe người này tuổi Tí, ông kia tuổi Ngọ, bà đó tuổi Dậu nên bị thế này thế nọ. Thật là câu nói không có gì

căn cứ. Trong 60 tuổi đời từ Giáp Tí đến Quí Hợi, mỗi chữ hàng chi luôn có 5 chữ như Tí thì có Giáp Tí (kim) Bính Tí (Thuỷ), Mậu Tí (Hoả), Canh Tí (thổ) Nhâm Tí (Mộc). Cần có hàng can ở trên mới thấy rõ ràng bao nhiêu tuổi và tư thế cá nhân sống trong hoàn cảnh. Như năm Giáp Dần, người tuổi Giáp Dần biết là 1 tuổi thì Bính Dần là 49 tuổi, Mậu Dần 37 tuổi, Canh Dần 25, Nhâm Dần 13 nghĩa là chữ Giáp có nghĩa là 1 ở hàng đơn vị, Bính là 9, Mậu 7, Canh 5, Nhâm 3 tuỳ theo con Giáp thêm bớt ở hàng chục. Mỗi năm kế tiếp thêm lên 1 tuổi ở hàng can.

Tuổi Giáp Dần thấy Can và chi đều là Mộc, biết ngay giá trị cá nhân dẫu ở hoàn cảnh nào sang hay hèn, cũng là người có căn bản vững chắc, dẫu không hơn ai cũng không phải kém ai. Tuổi Bính Dần có chi Mộc sinh can Hoả, người thường gặp may. Tuổi Mậu Dần, chi Dần (Mộc) khắc can Mậu (thổ) đường đời đầy nghịch cảnh. Tuổi Canh Dần thì Canh (Kim) khắc Dần (Chi) hoàn cảnh thường hay bị mắc nghẽn bế tắc, còn Nhâm Dần là tuổi được can Nhâm (thuỷ) sinh cho chi Dần (Mộc) là người có căn bản rất phong phú.

Đã thấy hàng Can của tuổi là căn bản gốc thì hàng năm xuống đến hàng tháng hàng ngày và giờ sự chế hoá của Can tuổi với Can năm tháng ngày giờ diễn chuyển quan hệ.

Tháng và giờ sinh dự phần sắp xếp Mệnh Thân ở địa bàn vẽ đường cho biết dương nhân là hạng người nào trong xã hội. Thái tuế hay Tuế phá, Thiếu Dương hay Thiếu âm.

Danh hiệu Thái Tuế là vị trí quá tốt cho tuổi, là chủ nhân trên miếng đất, căn nhà mình là chủ thì chính bạn Thái Tuế hay tam hợp cũng dự phần hãnh diện. Trái lại Tuế phá cũng như ai dự phần nghị lực (Thiên mã) quả cảm không kém sút (đồng thế âm dương với Thái tuế) chỉ vì phá cách nghịch lý tam hợp nên lâm vào cảnh đơn chiếc (Cô Quả) bất đắc ý. Thiếu Dương như Thiên không đã ghi báo, còn Thiếu âm thiệt thòi mọi nỗi, chỉ là con đường thẳng đưa đến trôi nổi như cánh bèo mặt nước (Trực phù). Cả 3 hạng này khác gì cảnh Kiều cư đất khách, không cho phép hưởng danh dự cho thân thế dầu có tận dụng khả năng. Chỉ còn một lộ trình rong ruổi là Tứ Đức để an vui tuổi thọ.

Một ngày năm xưa, một câu hỏi độc nhất với hai lá số:

a) Mậu Tuất ngày 8 tháng 4 giờ ngọ

b) Kỷ Mùi ngày 13 tháng 9 giờ thìn

- Có thể là thầy trò được không?

Tuổi Mậu Tuất đứng ở vị trí Thiên không, còn Kỷ Mùi đóng ở Trực phù, cho biết ngay Mậu Tuất giác ngộ hơn với Hồng Loan, Thiên không và Quan Phúc ở Quan, Tả Hữu ở tài, Kỷ Mùi bị thua thiệt cay đắng mùi đời bằng Song Lộc Hoá Quyền nhập mệnh nên cam phận là đồ đệ nơi cuối giai đoạn ở phối gặp Thất Sát Cô Quả

đắc tam hợp Hồng Loan Thiên không ở Phúc đức, Điền có Thiên Quan (vô chính diệu) gặp Tuyệt, Thân đóng ở tài có Thiên Phúc Vũ Tướng hình ảnh một kiếp thầy tu.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Thien Di>                   |<Tat ach>                    |<Tai Bach>                   |<Tu Tuc>                     |
|       (M)Tu Vi              |                             |                             |                             |
|       (V)That Sat           |                             |                             |                             |
| +Loc Ton       -Dia Kiep    | +Luc Si        -Kinh Duong  | +Thien Viet    -Hoa Tinh    | +Luu Nien      -Thien Khoc  |
| +Bac Si        -Dia Khong   | +Thai          -Bach Ho     | +Huu Bat       -Qua Tu      | +Phong Cao     -Tieu Hao    |
| +Hong Loan     -Tuyet       | +Thien Tru     -Thien Su    | +Ta Phu                     | +Thien Ma      -Dieu Khach  |
| +Long Duc                   |                             | +Duong                      | +Trang Sinh                 |
|                             |                             | +Hoa Khoa                   |                             |
|                             |                             | +Phuc Duc                   |                             |
|                             |                             | +Thanh Long                 |                             |
|                             |                             | +Thien Duc                  |                             |
|  62                         |  72                         |  82                         |  92                         |
+----------[Tuan]-------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<No Boc>                     |Hoi |                     Ti |Suu                     |Dan |<Phu The>                    |
|       (M)Thien Co           |----+------------------------+------------------------+----|       (H)Liem Trinh         |
|       (M)Thien Luong        |    |                                                 |    |       (H)Pha Quan           |
| +Van Xuong     -Da La       |    |            Ho ten: Thay tro                     |    | +Moc Duc       -Linh Tinh   |
| +Mo            -Hoa Ky      |    |            Sanh  : 8 Thang 4                    |    | +Thien Tho     -Truc Phu    |
| +Thien Quy     -Quan Phu    |    |            Nam   : Mau Tuat                     |    | +Tuong Quan                 |
| +Thien Y       -Thien Rieu  |    |            Gio   : Ngo                          |    | +Thien Tai                  |
|                -Thien Hu    |    |                                                 |    |                             |
|                -Tue Pha     |    |            Tuoi  : Duong Nam                    |    |                             |
|                -ThienThuong |    |            Menh  : Binh Dia Moc                 |    |                             |
|                -Thien La    |    |            Cuc   : Thuy Nhi Cuc                 |    |                             |
|  52                         |Tuat|                                                 |Mao |  102                        |
+-----------------------------+----|                    am duong nghich ly           |----+-----------------------------+
|<Quan Loc>                   |Dau |                    Cuc Sinh Menh                |Thin|<Huynh De>                   |
|       (H)Thien Tuong        |    |    Sao chu menh  : +Loc Ton                     |    |                             |
|                             |    |    Sao chu than  : +Van Xuong                   |    |                             |
| +Dao Hoa       -Phuc Binh   |    |                                                 |    | +Van Khuc      -Thai Tue    |
| +Nguyet Duc    -Tu          |    |                                                 |    | +An Quang      -Dia Vong    |
| +Thien Phuc    -Tu Phu      |    |                                                 |    | +Dia Giai                   |
| +Thien Quan                 |    |                                                 |    | +Hoa Cai                    |
|                             |    |                                                 |    | +Quan Doi                   |
|                             |    |                                                 |    | +Tau Thu                    |
|                             |    |                                                 |    | +Duong Phu                  |
|                             |----+------------------------+------------------------+----|                             |
|  42                         |Than|                     Mui |Ngo                     |Ty  |  112                        |
+-----------------------------+------------------------[Triet]----------------------------+-----------------------------+
|<Dien Trach>                 |<Phuc Duc>                   |<Phu Mau>                    |<Menh>                 <Than>|
|       (V)Thai Duong         |       (M)Tham Lang          |       (V)Thien Dong         |       (D)Thien Phu          |
|       (V)Cu Mon             |       (M)Vu Khuc            |       (V)Thai am            |                             |
| +Long Tri      -Benh        | +Thien Khoi    -Benh Phu    | +Bat Toa       -Tang Mon    | +Lam Quan      -Co Than     |
| +Tam Thai      -Dai Hao     | +Hoa Loc       -Dau Quan    | +De Vuong      -Thien Hinh  | +Phi Liem      -Kiep Sat    |
|                -Quan Phu    | +Quoc an       -Pha Toai    | +Giai Than     -Luu Ha      | +Thien Giai    -Thien Khong |
|                             | +Thieu am      -Suy         | +Hoa Quyen                  | +Thien Hi                   |
|                             |                             | +Hy Than                    | +Thieu Duong                |
|                             |                             | +Phuong Cac                 |                             |
|                             |                             | +Thai Phu                   |                             |
|  32                         |  22                         |  12                         |   2                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Huynh De>                   |<Menh>                       |<Phu Mau>                    |<Phuc Duc>                   |
|       (V)Thien Co           |       (M)Tu Vi              |                             |       (H)Pha Quan           |
|                             |                             |                             |                             |
| +An Quang      -Hoa Tinh    | +Van Xuong     -Truc Phu    | +Hoa Cai       -Da La       | +Thien Viet    -Co Than     |
| +Lam Quan      -Kinh Duong  | +Loc Ton       -Luu Ha      | +Moc Duc       -Dia Khong   | +Van Khuc      -Hoa Ky      |
| +Luc Si        -Thien Hinh  | +Bac Si                     |                -Quan Phu    | +Hong Loan     -Kiep Sat    |
| +Thien Ma      -Dieu Khach  | +Phong Cao                  |                -Thai Tue    | +Thieu Duong   -Phuc Binh   |
|                             | +Quan Doi                   |                             | +Trang Sinh    -Thien Khong |
|                             |                             |                             | +Thien Tru                  |
|  15                         |   5                         |  115                        |  105                        |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+---------[Triet]-------------+
|<Phu The>                    |Hoi |                     Ti |Suu                     |Dan |<Dien Trach>                 |
|       (H)That Sat           |----+------------------------+------------------------+----|                             |
|                             |    |                                                 |    |                             |
| +De Vuong      -Qua Tu      |    |            Ho ten: thay tro                     |    | +Duong         -Dai Hao     |
| +Phuc Duc      -Thien La    |    |            Sanh  : 13 Thang 9                   |    | +Luu Nien      -Tang Mon    |
| +Thanh Long                 |    |            Nam   : Ky Mui                       |    | +Thien Quan    -Thien Rieu  |
| +Thien Duc                  |    |            Gio   : Thin                         |    | +Thien Quy                  |
| +Thien Giai                 |    |                                                 |    | +Thien Tho                  |
|                             |    |            Tuoi  : Am Nam                       |    | +Thien Y                    |
|                             |    |            Menh  : Thien Thuong Hoa             |    |                             |
|                             |    |            Cuc   : Tho Ngu Cuc                  |    |                             |
|  25                         |Tuat|                                                 |Mao |  95                         |
+-----------------------------+----|                    am duong nghich ly           |----+-----------------------------+
|<Tu Tuc>                     |Dau |                    Menh Sinh Cuc                |Thin|<Quan Loc>                   |
|       (V)Thai Duong         |    |    Sao chu menh  : Vu Khuc                      |    |       (V)Thien Phu          |
|       (V)Thien Luong        |    |    Sao chu than  : Thien Tuong                  |    |       (M)Liem Trinh         |
| +Dia Giai      -Bach Ho     |    |                                                 |    | +Thai          -Benh Phu    |
| +Giai Than     -Dau Quan    |    |                                                 |    | +Thai Phu      -Dia Vong    |
| +Hoa Khoa      -Dia Kiep    |    |                                                 |    | +Thieu am                   |
| +Phuong Cac    -Tieu Hao    |    |                                                 |    |                             |
|                -Suy         |    |                                                 |    |                             |
|                             |----+------------------------+------------------------+----|                             |
|  35                         |Than|                     Mui |Ngo                     |Ty  |  85                         |
+-----------------------------+------------------------[Tuan]-----------------------------+-----------------------------+
|<Tai Bach>             <Than>|<Tat ach>                    |<Thien Di>                   |<No Boc>                     |
|       (M)Thien Tuong        |       (H)Thien Dong         |       (H)Tham Lang          |       (M)Thai am            |
|       (V)Vu Khuc            |       (H)Cu Mon             |                             |                             |
| +Huu Bat       -Linh Tinh   | +Tau Thu       -Pha Toai    | +Thien Khoi    -Tu Phu      | +Hy Than       -Quan Phu    |
| +Bat Toa       -Benh        | +Thien Tai     -Thien Hu    | +Ta Phu                     | +Long Tri      -Thien Khoc  |
| +Hoa Loc                    |                -Tu          | +Dao Hoa                    | +Duong Phu     -Tuyet       |
| +Long Duc                   |                -Tue Pha     | +Hoa Quyen                  |                -ThienThuong |
| +Quoc an                    |                -Thien Su    | +Mo                         |                             |
| +Thien Hi                   |                             | +Nguyet Duc                 |                             |
| +Thien Phuc                 |                             | +Phi Liem                   |                             |
| +Tuong Quan                 |                             | +Tam Thai                   |                             |
|  45                         |  55                         |  65                         |  75                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Với điều kiện ở 2 lá số trên hành tinh chỉ còn đóng vai trò phụ làm sáng tỏ thêm mà phần chính yếu ở 2 chữ tuổi và vị trí Mệnh Thân đứng trong địa bàn. Tư thế riêng biệt 60 tuổi và 12 vị trí lập thành 720 tư cách khác nhau. Nhận thấy Mậu Tuất và Kỷ Mùi cùng hàng can (Mậu Kỷ - Thổ) và chi (Tuất, Mùi – Thổ) sự khác nhau nơi hành Mộc và hành Hoả. Mậu Tuất Mộc khắc hẳn Thiên Phủ sao thủ mệnh nên người này không nghĩ đến sự phú quí, trái với Kỷ Mùi Hoả mệnh đắc Tử vi ở Ngọ nên còn theo đuổi sự hào nhoáng một giai đoạn (Hoả sinh Thổ) rồi mới tỉnh ngộ ở vị trí Trực phù.

Nếu là trường hợp Kỷ Mùi và Kỷ Sửu cùng 2 chữ Kỷ ở hàng Can và 2 chữ Sửu Mùi cùng là Thổ. Cả 2 chữ Kỷ Sửu và Kỷ Mùi đồng hành Hoả vẫn khác nhau vì Kỷ Mùi thuộc Thái dương trong lưỡng nghi, Kỷ Sửu thuộc Thái âm. Thuộc Thái dương sự sáng tỏ có bề toả rộng mà thuộc Thái âm sự hiểu biết sâu sắc hơn. Như trong y giới, người Kỷ Mùi nên hành nghề lương y tổng quát chữa được nhiều bệnh nhân. Còn người Kỷ Sửu nên học chuyên khoa có phần thích đáng trong trường hợp khó khăn.

Dịch số là một khoa triết học xây dựng trên căn bản phân tích rành rẽ âm dương, luật ngũ hành cần được áp dụng sao cho hợp lý dưới mọi hình thức tinh thần hay vật chất, mọi sự sẽ phơi bày xác đáng.

HIỆU NĂNG CỦA
QUỐC ẤN ĐƯỜNG PHÙ

Là một bộ đôi bàng tinh chạy trong quĩ đạo của Lộc tồn như Thai Toạ của Tả Hữu và Quang Quí của Xương Khúc. Biết rằng Lộc tồn là 1 hành tinh có cả 1 vòng sao chi phối cả 12 cung địa bàn do hàng Can ấn định vị trí chuyển dịch. Can là căn bản chính yếu quyết định. Những sao nào do Can điều khiển phải có 1 cái gì quan trọng định đoạt như Thiên Quan, Thiên phúc, Thiên Ất quí nhân, Tứ Hóa…

Lộc tồn là Thiên Lộc, một cái kho tàng quí giá đước định mệnh phân phối cho mỗi cá nhân hưởng thụ ra sao đã có qui luật rành rẽ ấn định từng vị trí rõ ràng và hợp lý. Độ lượng ra sao ấy là Quốc Ấn Đường Phù.

Quốc Ấn ở đây là chứng chỉ được công nhận minh bạch quyền thế tương xứng được thụ hưởng. Đường Phù cũng là một

tín chỉ do một uy thế ban phát để giữ gìn một bảo vật có hạn định như lá bùa chấn trạch.

Đứng trong quĩ đạo Lộc tồn, đây là 2 đường lối phân phối cho thân chủ. Lộc tồn và Quốc ấn luôn luôn trong tam hợp vì Quốc ấn đứng cung thứ 9 đi xuôi sau Lộc tồn. Trái lại Đường Phù thường trực ở cung nghịch lý âm dương vì Đường Phù đứng cung thứ 8 từ Lộc tồn đi ngược lại.

Vị trí của Lộc tồn ở trong địa bàn được sắp đặt trong 8 cung mà chỉ có 4 vị trí của 4 hàng Can Giáp ất Canh Tân là thuận lý âm dương, còn 6 tuổi Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quí đều ở trong nghịch cảnh (Tuổi dương thì ở âm cung mà tuổi âm thì lại đứng ở dương cung) như có ý giảng nghĩa quyền sở hữu tựa bấp bênh không chắc chắn, nên trong những bản lập thành của số, 6 tuổi này luôn luôn một trong ba nguyện ước là Mệnh (định mệnh) Thái tuế (thiên thời đắc thắng) và Lộc tồn (hạnh phúc) đều bị Thiên không, Không, Kiếp hay Tuần Triệt lũng đoạn tàn phá.

Với 4 tuổi Giáp ất Canh Tân Lộc tồn được Quốc ấn bản chứng cho dương nhân quyền sở hữu vĩnh viễn của Giáp Dần Ngọ Tuất, Canh Thân Tí Thìn, Ất Hợi Mão Mùi, và Tân Tỵ Dậu Sửu. Trái lại Giáp Thân Tí Thìn, Canh Dần Ngọ Tuất, Ất Tỵ Dậu Sửu và Tân Hợi Mão Mùi vẫn thấy Lộc tồn và Quốc ấn đứng cặp trong thế tam hợp.

Nhưng đây là Quốc ấn bị Phá, Hư làm giảm giá trị, sánh sao được Quốc ấn Thái Tuế (thời thịnh) khác gì giấy giao kèo của một người làm mướn ăn công, được ngày nào hay ngay ấy không bảo đảm lâu dài. Còn Đường phù cả 2 trường hợp ở vào vị trí Thiếu Dương hay Thiếu Âm là cảnh đời sút kém cả 2 phương diện sao và vị trí.

Đối với 6 tuổi Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Qúy, Lộc Tồn đứng ở vị trí nghịch lý âm dương. Đường Phù đứng lên lãnh vai trò bảo đảm cho những khả năng Thái Tuế và Tuế Phá vì chí khí hiên ngang được phần nào danh dự thụ hưởng. Còn Quốc ấn hoàn toàn miên man ở Thiếu dương hay Thiếu âm là những vị trí chìm đắm thua thiệt. Nhưng dầu gì cũng là Quốc ấn, một chứng từ vẫn có một giá trị bảo đảm bằng một điều khoản nào.

Sáu cung ở thế Thiếu dương và Âm nếu là những nhược cung của Mệnh như Bào, Tử, Nô, Điền… Quốc ấn chỉ là 1 lá bùa bảo trợ báo hiệu 1 giá trị đã qua hay sắp tới hiệu lực không phải là lâu dài bền chặt vì chữ Thiếu có ý nghĩa là bàn không mỹ mãn đầy đủ.

Vị trí của Quốc ấn Đường Phù của 6 tuổi Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Qúy:

Bính Mậu	Dần Ngọ Tuất	Quốc ấn ở Thiếu Âm Đường phù ở Thái Tuế
	Thân Tí Thìn	Quốc ấn ở Thiếu Dương Đường phù ở Tuế Phá
Nhâm	Dần Ngọ Tuất	Quốc ấn ở Thiếu Dương Đường phù ở Tuế Phá
	Thân Tí Thìn	Quốc ấn ở Thiếu Âm Đường phù ở Thái Tuế
Nhâm Kỷ	Hợi Mão Mùi	Quốc ấn ở Thiếu Âm Đường phù ở Thái Tuế
	Tỵ Dậu Sửu	Quốc ấn ở Thiếu Dương Đường phù ở Tuế Phá
Qúy	Hợi Mão Mùi	Quốc ấn ở Thiếu Dương Đường phù ở Tuế Phá
	Tỵ Dậu Sửu	Quốc ấn ở Thiếu Âm Đường phù ở Thái Tuế

Hai nhân sinh cùng tuổi Canh Tuất, một người Thân Mệnh đồng cung ở Thìn được Vũ khúc đắc thủ khoác áo gấm tam hoá liên châu. Thật là một bức chân dung quá đẹp đầy hạnh phúc với Quốc ấn giáp Hồng Đào là chiếc ấn tín chói lọi vàng son, nhưng nơi đây là vị trí Phá Hư, bồi thêm Hoá Kỵ Kình Dương ở Dậu sinh xuất sang bôi lem hoen ố.

Đường Phù ở cung Tử (Sửu) đắc Tham Vũ nghĩa là cũng tam hoá liên châu như người trên, nhưng vì mệnh ở thế Đường Phù, sự thụ hưởng hạnh phúc phải ở trong giới hạn phù hợp với tam hoá liên châu ở Sửu chỉ là vinh dự tinh thần mà thôi. Quốc ấn nằm ở thìn là cung Điền. Ở đây có thể nói sự sản tinh thần vì Cơ Lương là lý tưởng, tuy Quốc ấn Bị Phá Hư, nhưng nét son giáp Hồng Đào vẫn được công nhận giá trị một vài giai đoạn mà còn nổi danh với Khoa Kỵ ở Tí (tam hợp) được lòng người mến phục.

Có phải Quốc ấn Đường Phù hướng dẫn hạnh phúc nhân sinh khá khác biệt như trên diễn tả.

CHỚ NÊN COI THƯỜNG
QUYỀN UY CỦA ĐẨU QUÂN

Trên trăm tinh đẩu trong tử vi lý học có 4 sao cô đơn mà độc đáo. Không như chính tinh đứng trong tam hợp xếp thành bộ Tử Phủ Vũ Tướng, Sát Phá Tham, Cơ Nguyệt Đồng Lương hay Cự Nhật và cũng không phối hợp với một bạn đời ở thế âm dương nên đôi lứa như Tả Hữu, Xương Khúc, Quang Quí … được gọi là trung tinh, hay gây bất trắc bất ổn như Không Kiếp, Kình Đà, Linh Hoả với huy hiệu là lục sát tinh, hoặc ác nghiệp của lưu Hà, Kiếp Sát.

Họ chỉ đơn thương độc mã tung hoành trên địa bàn rất lợi hại có thể làm lệch đòn cân thăng bằng nếu sự nhận xét thiếu kỹ càng chu đáo :

Thiên không - Thiên mã - Phá toái- Đẩu quân

a) Đã có dư luận là Thiên không không phải là cô đơn lẻ bóng, vẫn có bạn đời là Địa kiếp tức cũng bộ đôi như ai kia trong luật âm dương. Sự việc đương trong vòng điều tra tư pháp lý lịch đã có hôn thú chưa để phân hắc bạch. Theo thuyết sống cô đơn thì Thiên không có một vị trí nhất định liền sau Thái Tuế, giữ trách nhiệm canh phòng không cho ai vượt hưởng đắc ý trên mức tối đa Thái tuế, nếu không lấy ĐỨC làm khuôn vàng thước ngọc thì sẽ chỉ là con số bạch đinh to lớn (Thiên không thường xuyên có tứ đức tam hợp và xung chiếu).

Theo thuyết này gán cho Thiên không là bộ ba vua bếp có lẽ trúng hơn vì luôn có Hồng Loan, Đào Hoa trong bước đường đời rất bình đẳng, phân chia quyền hành rõ rệt. Khi nào Thiên Không đến với Đào Hoa nơi biệt thự Tứ chính (Tí Ngọ Mão Dậu). Đào hoa lắm tham vọng sinh ra lắm mưu nhiều mẹo quỷ quyệt rồi ra cũng nước lã ra sông. Lúc ở với Hồng Loan dưới mái am cỏ Tứ sinh (Dần Thân Tỵ Hợi) là nơi thánh thất đầy ý nghĩa vị tha. Còn ra về ở tư gia tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) lộ rõ chân tướng cay nghiệt, nếu ai yếu bóng vía chỉ còn nước đào hố xuống đất mà ở.

b) Thiên mã là sao hào hiệp, hình bóng một Tống Giang, một đơn Hùng Tín, đem lại nghị lực khả năng giúp đời nơi đua trường tứ Sinh (Dần Thân Tỵ Hợi) chỉ phù suy không tơ hào đến người thịnh. Chỉ có Mệnh ở vị trí Tuế Phá, Tang môn, Điếu khách mới thấy xuất hiện Thiên mã để đương số chiếu đấu sống còn.

Nói tới kết quả thành công tới mức độ nào, còn tuỳ theo phong thổ nơi mã được chăn nuôi với chủ nhân hợp tình đồng cảnh mặc dầu hành chính cống của Mã là Hoả, nhưng một khi đã

nhập tịch ở địa phương nào thì là công dân ở nơi đó phải hoà hợp dân chúng nơi cư ngụ mới đắc cách. Như Mã ở Dần là thanh mã, rộng bề sinh sống, phải gặp chủ nhân Mộc mệnh; ở Tỵ là Xích thố mã phải gặp chủ nhân Hoả mệnh, ở Thân là bạch mã phải gặp chủ nhân Kim mệnh, ở hợi là ô mã đắc cách là gặp chủ nhân thuỷ mệnh. Trên bước đường đời thầy trò sẽ thấy mọi sự dễ dàng tranh tài đoạt giải cùng vận hội thuận lợi hay không! Còn sự thua thiệt do mã mang đến phân độ nào cũng tuỳ trường hợp sinh khắc của chủ với mã, đừng tưởng cứ mã gặp tràng sinh là thanh vân đắc lộ và cũng đừng cho mã ở Hợi là mã cùng đường vô dụng.

c) Một cái tên Phá là đập tan, Toái là vụn nát đủ nghĩa tính cách của tác dụng huỷ hoại không xây dựng. Hành động này nếu gặp bậc hiền lương (Đồng Lương) hay phúc hậu (Tử phủ) hẳn là các chủ nhân này chỉ có lắc đầu chép miệng mà khoanh tay bó gối than dài chịu sự bất lực. Trường hợp gặp phải vai u thịt bắp (Sát Phá Tham) hẳn cũng có giảm mức độ mạnh bạo hung hãn như đụng độ Tham Vũ giảm lòng tham vọng, Tử Sát giảm bớt khí hiên ngang, bằng như Liêm Phá tức là thầy trò tương hợp (Phá quân gặp Phá toái) sự điêu linh tan vỡ không biết lấy gì mà đo lường).

Phá toái là Hoả đới Kim và rất hạn chế chỗ đứng (chỉ có Tỵ Dậu Sửu) nên đủ quyền hành múa gậy vườn hoang nơi vượng địa thi thố khả năng với hầu hết các bộ chính tinh trong hoàn cảnh bị hãm hoặc không đủ sắc thái thật sự chân tướng của mình. Riêng Phá Quân ở 3 nơi này (Vũ Phá ở Tỵ, Liêm Phá ở Dậu, Tử Phá ở Sửu) là tay giang hồ kiêu dũng. Trường hợp trùng phùng Phá Toái, hỏi rằng chúng còn biết trên đầu có ai. Phá Toái chỉ đóng ở Tỵ Dậu Sửu có đầy ý nghĩa thăng bằng của luật xung khắc đối với Hợi Mão Mùi là vị trí bị thua sút, cũng như Thân Tí Thìn dễ dàng đàn áp Dần Ngọ Tuất phải chịu kém thiệt về chánh nghĩa âm dương.

d) Đã khoác cái tiếng "Quân" vào cho một danh hiệu, hẳn là có ý muốn đề cao một tước vị khá quan trọng như Tướng Quân, Sứ Quân hay tôn trọng phẩm giá một cá nhân như Trần Quân, Nguyễn Quân ở trong còn ngầm ngụ ý quân tử bất khuất. Đẩu quân là một mãnh tướng được giao phó cầm cân nẩy mực đo lường (Đẩu ngoài ý nghĩa là sao còn có nghĩa là một cái đấu đong thóc gạo cũng như cái lít bây giờ), hạnh phúc một số phận, giống như vị tướng trông coi quân nhu lương thực cho bộ đội, nói rộng lên là một Thủ trưởng hay Tổng Giám đốc lo toan ngân sách một quốc gia. Quân bình được ngân sách thì nước thịnh dân giàu. Nặng về thâu thì dân nghèo khổ, nặng về chi thì Quốc gia phá sản; vậy quyền hạn của vị Thủ trưởng đó là đặc biệt và rộng rãi làm sao vén khéo được tài chính, ổn định được đời sống nhân dân.

Biết rằng khi an vị cho Đẩu quân trong số phải lấy Thái Tuế làm đích tính nghịch theo tháng, thuận theo giờ, có nghĩa là Đẩu quân phụ thuộc vào Thái tuế, phải có trách vụ gì khá quan trọng như Thái Tuế đã vạch rõ từ tư cách cá nhân đến vận hành thiên thời, một yếu tố ưu tiên trong 3 điều kiện: thiên thời, nhân hoà và địa lợi.

Xưa nay chỉ nói đến Đẩu quân là sao bảo thủ, chắt chiu tằn tiện, đóng cung tử thì hiếm con, ở cung điền tài thì giữ gìn điền sản là tư cách của người nội trợ thu vén cho một gia đình, cũng như trong một Quốc gia vai trò tài chánh ngân sách lo thâu chi quân bình hàng năm. Đẩu quân là cận phụ tá Thái Tuế nên mới có danh hiệu là Nguyệt tướng thi hành tiểu vận. Thái Tuế đúng nghĩa là năm phồn thịnh mà chỉ huy đại vận 10 năm. Đẩu quân là nguyệt tướng tất nhiên cầm đầu 1 năm nào đó trong đại vận.

Tiểu vận nằm trong đại vận 10 năm. Nếu đại vận bị khắc nhập hay sinh xuất chỉ là miếng xương hóc nuốt khó vào mà nhả ra cũng vướng, thêm Quyền Lộc càng thêm lúng túng khổ về quyền lộc. Đẩu quân bị Tuần Triệt khác gì tướng bại là cả một bất hạnh. Nhưng có sa cơ, tiết tháo vẫn không mất, tiếng dội khi da ngựa bọc thây.

Trong 12 cung số, cung nào đắc Đẩu quân phải có một khía cạnh nổi bật. Trường hợp bị lục sát tinh bổ vây, chỉ là mãnh hổ bất lực trước quần hồ, bị Tuần Triệt phải truân chuyên lao đao mà được tiếng.

Số nào Mệnh Thân đồng cung tam hợp Thái Tuế được thêm Đẩu quân dầu ở hoàn cảnh nào, nhất định không phải là thường nhân ti tiện. Ít ra cũng đủ bổn phận có danh gì với núi sông. Hận cho ai nơi vị trí Tuế phá mà đắc Đẩu quân, một phường Từ Hải, Hoàng Sào, nếu Mệnh Thân đồng cung thì nghênh ngang một cõi biên thuỳ, khó ai rung chuyển nổi. Với bất cứ giá nào đạt được ý chí bất khuất. Thật ra trong thâm tâm mang hận xuống tuyền đài khó nguôi.

Trong quẻ dịch, bốc lên rất đẹp mà tính nguyệt tướng bị khắc kể như vô vọng, vậy cái áo đã thêu chữ Quân phải là hiên ngang, chỉ sợ đại vận mạt, tiểu vận được Đẩu quân đắc cách, khác chi nắng hạn được mưa phùn.

Thái Tuế, Đẩu quân hai thầy trò chi phối thân thế sự nghiệp nhân sinh cho đến hạn hành từ Đại vận (Thái tuế – thiên thời) đến Tiểu vận (Đẩu quân – Nguyệt tướng).

THẾ NÀO LÀ
THIÊN LA ĐỊA VÕNG

Thìn Tuất xưa nay được coi là căn cứ địa của Thiên La, Địa võng. Mệnh Thân nào bị đặt ở 2 cung này dẫu là mãnh hổ cũng chỉ là cọp giấy ngồi trong cũi, phượng hoàng tốt mấy cũng chỉ là phượng hoàng rơm nằm trong lưới.

Hai chữ La võng có nghiã là lưới, ở đây lại là lưới của Trời đất dầu là gì đi nữa, đã vướng trong lưới khó lòng vùng vẫy .

Ấy thế mà một số danh nhân kim cổ Mệnh Thân đã tung hoành ngay 2 nơi đất chết này, thì đâu là nguyên lý của La Võng.

Thiên mã tại cung Hợi, truyền thống vẫn cho là ngựa vô dụng, mã cùng đường hết lối chạy. La võng này có thể cũng bị lầm nhận định là nơi đồng khô cỏ cháy vô phương cho nhân thế sinh hoạt. Lại còn có thuyết một khi Mệnh hay Thân ở La Võng thì phải có Hình Kình cắt lưới toang ra mới có phương kế thành công được. Thật là muôn hình vạn trạng cho người tìm học.

Bốn mộ cung Thìn Tuất Sửu Mùi là nơi xuất phát và cũng là nơi tập trung của ngũ hành. Thìn Tuất là dương, Sưu Mùi là âm. Tại sao Thìn Tuất đều là dương lại gọi là Thiên La Địa võng. Thìn là Thiên la là trúng, còn Tuất là Địa võng có vẻ trái lý.

Trên mặt địa bàn từ Dần đến Thân thuộc về phạm vi của Thái dương, từ Thân đến Dần thuộc Thái âm thế lưỡng nghi của Thái cực. Hai cung Thìn Tuất là 2 cung xuất phát, 2 cung Sửu Mùi là 2 cung tập trung. Thuộc về dương là Thiên, thuộc về âm là Địa.

Đà la là cái lưới giăng ra để vây bọc lại. Đà la ở Thìn là Thiên La , ở Tuất là Địa võng, Vậy 2 cung Thìn Tuất được gọi là La võng chi địa chỉ khi nào có Đà la hoành hành. Còn ngoài ra cũng chỉ là những vị trí để cho ai hợp tình hợp cảnh tung mây lướt gió phỉ chí tang bồng.

Trong 14 chính tinh phái dương của thế lưỡng nghi là Tử Phủ, Sát Phá Tham là bộ sao uy nghi thực hành tranh đấu quyết liệt phải né tránh ngại ngùng nơi la võng. Cơ Nguyệt Đồng Lương mềm dẻo ôn nhu không đến nỗi nào bị thao túng.

Việc cần thiết khi lập lá số phải thận trọng 2 chữ Tiền và Hậu lúc an Lộc tồn, luôn luôn tiền Kình hậu Đà ví như tuổi Giáp dương nam Lộc tồn ở Dần, Kình ở Mão, Đà ở Sửu, với người dương nữ Kình phải ở Sửu, Đà đổi lại ở Mão để khỏi lầm trường hợp có bị La võng hay không, cứ căn cứ Mệnh hay Thân ở Thìn Tuất là ở thế bó tay bất động là một điều không biết sao mà nói.

Vương Mãng, một nhân vật chính trị Trung hoa về cuối đời tiền Hán, có đến 2 lá số làm xáo trộn dư âm đâu là chính nghĩa. Mệnh đều nằm ở Thìn, chỗ mà xưa nay vẫn yên chí là cung Thiên la.

1) Giáp Thân ngày 9 tháng 3 giờ Tí

```
+--------------------------+-------------------------+-------------------------+--------------------------+
|<Phu Mau>                 |<Phuc Duc>               |<Dien Trach>             |<Quan Loc>                |
|      (H)Thien Luong      |      (M)That Sat        |                         |      (V)Liem Trinh       |
|                          |                         |                         |                          |
| +An Quang     -Benh      | +Ta Phu      -Dau Quan  | +Thien Viet   -Truc Phu | +Huu Bat      -Thai Tue  |
| +Luu Nien     -Kiep Sat  | +Thai Phu    -Tu        | +Hong Loan    -Qua Tu   | +Hoa Loc      -Tuyet     |
| +Phuc Duc     -Tieu Hao  | +Tuong Quan  -Dieu Khach| +Mo                     | +Phi Liem                |
| +Thien Duc               |                         | +Thien Quan             |                          |
| +Thien Tru               |                         | +Tau Thu                |                          |
|                          |                         | +Duong Phu              |                          |
|  13                      |  23                     |  33                     |  43                      |
+--------------------------+-----------------[Tuan]--------------------------+---------[Triet]----------+
|<Menh>              <Than>|Mao |              Thin|Ty                   |Ngo |<No Boc>                  |
|      (V)Tu Vi            |----+------------------+---------------------+----|                          |
|      (V)Thien Tuong      |    |                                       |    |                          |
| +Van Khuc     -Bach Ho   |    |         Ho ten: Vuong Mang 1          |    | +Dao Hoa      -Pha Toai  |
| +Hoa Cai      -Suy       |    |         Sanh  : 9 Thang 3             |    | +Dia Giai     -Thien Khong|
| +Thanh Long   -Thien La  |    |         Nam   : Giap Than            |    | +Hy Than      -Luu Ha    |
|                          |    |         Gio   : Ti                    |    | +Thai         -ThienThuong|
|                          |    |                                       |    | +Thien Phuc              |
|                          |    |         Tuoi  : Duong Nam             |    | +Thien Quy               |
|                          |    |         Menh  : Tuyen Trung Thuy      |    | +Thieu Duong             |
|                          |    |         Cuc   : Moc Tam Cuc           |    |                          |
|  3                       |Dan |                                       |Mui |  53                      |
+--------------------------+----+         am duong thuan ly             +----+--------------------------+
|<Huynh De>                |Suu |         Menh Sinh Cuc                 |Than|<Thien Di>                |
|      (M)Thien Co         |    |  Sao chu menh  : Liem Trinh           |    |      (D)Pha Quan         |
|      (M)Cu Mon           |    |  Sao chu than  : Thien Luong          |    |                          |
| +De Vuong     -Kinh Duong|    |                                       |    | +Van Xuong    -Linh Tinh |
| +Long Duc     -Thien Rieu|    |                                       |    | +Duong        -Benh Phu  |
| +Luc Si                  |    |                                       |    | +Hoa Quyen    -Tang Mon  |
| +Thien Y                 |    |                                       |    | +Quoc an      -Thien Khoc|
|                          |    |                                       |    | +Thien Giai   -Dia Vong  |
|                          |----+------------------+---------------------+----|                          |
| 113                      |Ti  |               Hoi|Tuat                 |Dau |  63                      |
+--------------------------+-------------------------+-------------------------+--------------------------+
|<Phu The>                 |<Tu Tuc>                 |<Tai Bach>               |<Tat ach>                 |
|      (D)Tham Lang        |      (D)Thai Duong      |      (M)Thien Phu       |      (D)Thien Dong       |
|                          |      (D)Thai am         |      (V)Vu Khuc         |                          |
| +Loc Ton      -Hoa Tinh  | +Thien Khoi  -Da La     | +Bat Toa      -Phuc Binh| +Thieu am     -Co Than   |
| +Bac Si       -Thien Hu  | +Nguyet Duc  -Hoa Ky    | +Hoa Khoa     -Quan Phu | +Trang Sinh   -Dai Hao   |
| +Giai Than    -Tue Pha   | +Quan Doi    -Quan Phu  | +Long Tri               |               -Dia Kiep  |
| +Lam Quan                | +Thien Hi    -Tu Phu    | +Moc Duc                |               -Dia Khong |
| +Phong Cao               |                         | +Thien Tho              |               -Thien Hinh|
| +Phuong Cac              |                         | +Thien Tai              |               -Thien Su  |
| +Tam Thai                |                         |                         |                          |
| +Thien Ma                |                         |                         |                          |
| 103                      |  93                     |  83                     |  73                      |
+--------------------------+-------------------------+-------------------------+--------------------------+
```

2) Giáp Dần ngày 27 tháng 1 giờ Tuất

```
+--------------------------+-------------------------+-------------------------+--------------------------+
|<Phu Mau>                 |<Phuc Duc>               |<Dien Trach>             |<Quan Loc>                |
|      (D)Thien Dong       |      (M)Thien Phu       |      (D)Thai Duong      |      (D)Tham Lang        |
|                          |      (V)Vu Khuc         |      (D)Thai am         |                          |
| +Luu Nien     -Linh Tinh | +Hoa Khoa    -Quan Phu  | +Thien Viet   -Hoa Ky  | +Bat Toa      -Thien Hu  |
| +Thieu am     -Benh      | +Long Tri    -Tu        | +Dia Giai     -Tu Phu  | +Giai Than    -Tue Pha   |
| +Thien Tru    -Co Than   | +Tam Thai               | +Mo                     | +Phi Liem     -Tuyet     |
|               -Tieu Hao  | +Tuong Quan             | +Nguyet Duc             | +Phuong Cac              |
|                          | +Thien Tai              | +Thien Hi               | +Thien Giai              |
|                          |                         | +Thien Quan             | +Thien Ma                |
|                          |                         | +Tau Thu                |                          |
|                          |                         | +Duong Phu              |                          |
|  13                      |  23                     |  33                     |  43                      |
+--------------------------+-------------------------+-------------------------+---------[Triet]----------+
|<Menh>                    |Mao |              Thin|Ty                   |Ngo |<No Boc>                  |
|      (D)Pha Quan         |----+------------------+---------------------+----|      (M)Thien Co         |
|                          |    |                                       |    |      (M)Cu Mon           |
| +Ta Phu       -Tang Mon  |    |         Ho ten: Vuong Mang 2          |    | +Hy Than      -Dia Kiep  |
| +Hoa Quyen    -Thien Khoc|    |         Sanh  : 27 Thang 1            |    | +Long Duc     -Pha Toai  |
| +Thai Phu     -Suy       |    |         Nam   : Giap Dan              |    | +Thai         -Thien Hinh|
| +Thanh Long   -Thien La  |    |         Gio   : Tuat                  |    | +Thien Phuc   -Luu Ha    |
|                          |    |                                       |    |               -ThienThuong|
|                          |    |         Tuoi  : Duong Nam             |    |                          |
|                          |    |         Menh  : Dai Khe Thuy          |    |                          |
|                          |    |         Cuc   : Moc Tam Cuc           |    |                          |
|  3                       |Dan |                                       |Mui |  53                      |
+--------------------------+----+         am duong thuan ly             +----+--------------------------+
|<Huynh De>                |Suu |         Menh Sinh Cuc                 |Than|<Thien Di>                |
|                          |    |  Sao chu menh  : +Loc Ton             |    |      (V)Tu Vi            |
|                          |    |  Sao chu than  : Thien Luong          |    |      (V)Thien Tuong      |
| +Dao Hoa      -Kinh Duong|    |                                       |    | +Huu Bat      -Bach Ho   |
| +De Vuong     -Thien Khong|   |                                       |    | +Duong        -Benh Phu  |
| +Luc Si                  |    |                                       |    | +Hoa Cai      -Dia Vong  |
| +Thieu Duong             |    |                                       |    | +Quoc an                 |
|                          |----+------------------+---------------------+----|                          |
| 113                      |Ti  |               Hoi|Tuat                 |Dau |  63                      |
+--------------------------+-----------------[Tuan]--------------------------+--------------------------+
|<Phu The>                 |<Tu Tuc>                 |<Tai Bach>         <Than>|<Tat ach>                 |
|      (V)Liem Trinh       |                         |      (M)That Sat        |      (H)Thien Luong      |
|                          |                         |                         |                          |
| +Van Khuc     -Thai Tue  | +Thien Khoi  -Da La     | +Van Xuong    -Dau Quan | +Phuc Duc     -Hoa Tinh  |
| +Loc Ton                 | +An Quang    -Truc Phu  | +Moc Duc      -Phuc Binh| +Thien Duc    -Dai Hao   |
| +Bac Si                  | +Hong Loan   -Dia Khong | +Phong Cao    -Dieu Khach| +Trang Sinh  -Kiep Sat  |
| +Hoa Loc                 | +Quan Doi    -Qua Tu    |                         |               -Thien Su  |
| +Lam Quan                | +Thien Quy   -Quan Phu  |                         |                          |
| +Thien Tho               | +Thien Y     -Thien Rieu|                         |                          |
| 103                      |  93                     |  83                     |  73                      |
+--------------------------+-------------------------+-------------------------+--------------------------+
```

Hai số này đã nêu cao phân biệt đâu là chánh nhân siêu việt, đâu là nghịch thần phản tặc. Thìn cung ở đây hoàn toàn không phải là căn cứ Thiên La vì tuổi Giáp Đà la ở xa tại cung Sửu nên Vương Mãng bằng cả 2 lá số hoặc Tử Tướng tuổi Giáp Thân hay Phá Quân tuổi Giáp Dần đều thành công theo ý muốn, mỗi số một cách đặc biệt khác nhau. Căn cứ theo nhân phẩm lịch sử đã ghi, Hán Quang Võ sau khi bình định đất nước, nhà vua đặc phái các nhà bồi bút rất giỏi về lý học nặn ra lá số Giáp Dần, phác hoạ hình bóng một bất lương đủ tư cách làm việc phản nghịch. Sau này người người đều cho chân tướng chính xác của Vương Mãng là số Giáp Thân một nhân vật quả quyết với bất cứ giá nào đem lại bộ mặt mới cho Tổ Quốc, xã hội đã bị lũng đoạn sâu mọt đục khoét lâu ngày. Ông đã thành công, nhưng vì Quan bị triệt nên không được trường tồn.

Sự việc khẳng đinh Thiên la Địa võng không phải nhất quyết là 2 cung Thìn Tuất mà phải là trường hợp có Đà la ở 2 cung đó.

Cách diễn tả Thiên la chỉ có 3 tuổi ất Bính Mậu. Riêng Bính không thành việc vì Triệt phá nát Đà la. Mậu Tuất có Tuần giảm sức Đà la không đủ sức khép chặt. Tất cả tuổi Ất âm nam kể như phải hứng chịu mọi sự gò bó của Thiên La, mặc dầu tuổi Ất Mùi có Tuần, nhưng vì Thìn là dương cung nên sức của Tuần không đủ ngăn cản uy lực của Đà la, có chăng chỉ là 30% không đáng kể.

Địa võng uy hiếp 2 tuổi Tân và Nhâm. Tất cả âm nữ tuổi Tân cũng riêng Tân Mùi được Tuần nới lại 30% sức hãm Đà la, còn ngoài ra đành cam phận định mệnh của kiếp số .Tất cả tuổi Nhâm đều bị Địa võng gói chặt trừ 1 Nhâm Thân được mở rộng tới 70%.

Tai hại nhất là tuổi Nhâm Tuất Mệnh Thân đồng cung kể như sinh bất phùng thời. Người này nên đóng vai trò Trương Lương là thượng cách. Nhưng Nhâm Tuất được thân cư phúc, ngược lại là người thành công phi thường vượt mức khi đến tuổi 45 là thời gian Triệt phá nát Đà la ở mệnh, tháo gỡ Tuần ở Thân, lại là cung đắc thiên thời (Quan phù).

Tóm lại Thiên la địa võng là Đà la, Đà la đắc địa ở tứ sinh mà hãm dịa ở tứ mộ. Hai cung Thìn Tuất là nơi phát xuất tất cả cái gì bạo ác của Đà la, không như 2 cung Sửu Mùi là nơi tập trung gò bó lại, tuy rằng vẫn là đất thao túng múa gậy trong vườn hoang, nhưng không bằng Thìn Tuất.

Mười tuổi hàng Can, 5 tuổi Giáp Đinh Kỷ Canh Quí không tơ hào liên luỵ La Võng, còn lại Ất Bính Mậu phải để ý Thiên La, Tân Nhâm nên thận trọng ở Địa võng.

LƯU NIÊN VĂN TINH LÀ GÌ
MÀ ĐƯỢC THIÊN CAN AN VỊ

Lưu có nghĩa là ngược nhau:

a) Chuyển đi

b) Giữ lại

Lưu niên là ngày tháng qua đi, rồi để lại một cái gì! Văn là lời nói lịch sự, còn 1 ý nghĩa là đồng tiền như người ta thường nói "dắt mắn" (nhất văn–1 đồng).

Lưu niên văn tinh là đẩu tinh có ý nghĩa ngày tháng trôi qua để lại những gì là quý giá. Cùng với Lộc tồn, Lưu niên văn tinh đứng cặp là bù đắp luật bù trừ của thế âm dương.

Biết rằng Thiên can và Địa chi là 2 thế lưỡng nghi của dịch lý. Can là dương, Chi là âm. Can là gốc, Chi là ngọn. Những gì do Chi sắp xếp có ý nghĩa thực chất của cá nhân như Long Phượng, Thiên Mã, Cô Quả, Hồng Đào. Những gì do Can đặt chỗ có vẻ huyền diệu vô vi (Quan Phúc, Thiên Ất, Thiên Trù, Lưu niên văn tinh…) lấy đức mà hoá dục vọng.

Nhìn vào vị trí của 10 Lộc tồn thì chỉ thấy có 4 tuổi Giáp, Ất, Canh, Tân là thuận lý âm dương. Còn 6 tuổi Bính, Đinh, Mậu Kỷ Nhâm Quí ở thế nghịch lý âm dương cho nên 6 tuổi này 3 căn bản là Mệnh, Thái Tuế và Lộc tồn, 1 trong 3 thế thường xuyên bị Thiên không , Không Kiếp, Tuần Triệt phá hỏng. Nhìn vào vị trí Lưu niên văn tinh cũng 10 chỗ đứng thì 6 chỗ của Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quí được hợp thức hoá âm dương trúng cách, còn 4 tuổi Giáp Ất, Canh Tân đều bị cảnh âm dương trái nghịch, tức là Lộc tồn và Lưu niên văn tinh vẫn có những tuổi thua thiệt như Canh Thìn, Tân Tí dẫu trúng cách tam hợp, nhưng Lộc tồn bị Tuần chặn nghẹt. Lưu niên văn tinh cũng vậy, tuổi Kỷ và Nhâm luôn luôn có Triệt cắt xén bớt sự phồn thịnh của thực chất, bù lại không bao giờ Thiên Quan Phúc xa lánh mà không ghé mắt thăm chừng.

Vậy Lưu niên văn tinh hẳn là 1 hạnh phúc cũng như Lộc Tồn cho những tuổi được danh dự thọ đắc đầy lòng thuận đức tự nhiên

So sánh vị trí 10 tuổi Lộc tồn và Lưu niên văn tinh.

Bính Mậu	Đinh Kỷ		Canh
			Tân
Ất	LỘC TỒN		
Giáp		Quý	Nhâm

Giáp	Ất		Bính Mậu
			Đinh Kỷ
Quý	LƯU NIÊN VĂN TINH		
Nhâm		Tân	Canh

THIÊN TRÙ

CŨNG QUAN HỆ LẮM SAO ?

Thưa rằng trù lập con tính xem gia nghiệp đời đời truyền lại, Thiên trù là khuôn thiên hoạch định những gì của một gia tộc chưa tận dụng còn lại đời đời truyền cho một cá nhân con cháu nào như thuận lý hưởng thụ dầu là 1 chén cơm hay manh áo hơn những người khác không có quyền dành giật.

Do hàng Can ghi rõ trên lá số của mỗi người dòng họ:

Tuổi Giáp thì Thiên trù ở Tỵ

-Ất Ngọ

-Bính	Tí
-Đinh	Tỵ
-Mậu	Ngọ
-Kỷ	Thân
-Canh	Dần
-Tân	Ngọ
-Nhâm	Dậu
-Quý	Tuất

Như bảng trên đã phân phối, sự việc làm cho người ta chú ý là có 6 tuổi Giáp ất Kỷ Tân Nâm và Quí, thiên trù đều ở địa cảnh nghịch lý âm dương tức là không thuận lợi gì cho ý chí cương cường. Có thể nói là người có ý chí cương cường không bao giờ trông mong sự hưởng thụ mà không có kỳ công phấn đấu (Thái Tuế và Tuế Phá) của uy tín (Long Phượng) hay quả cảm nghị lực (Thiên Mã) xây đắp để thành công.

Thiên Trù của 6 tuổi này đặt nằm ở những chỗ thường nói là nhược cung (Bào, Tử , Nô). Không dám nói đến Phụ Mẫu vì đấng sinh thành có liên can đến Lộc Tồn tức là có ảnh hưởng nhiều ít đào tạo mới có Thiên Lộc truyền xuống đời đời cho con cháu (thường thường ở Phụ mẫu có Lộc tồn, không thì cũng ở cung tam hợp sinh nhập ra Lộc tồn).

Còn 4 tuổi Bính Đinh Mậu Canh Thiên trù ở ngay dương hay âm cung thuận lý tức là cá nhân đó là Thái Tuế hay Tuế Phá. Trường hợp Mệnh đặt nằm ở nghịch địa tức là Mệnh dương đóng cung âm, hay mệnh âm đóng cung dương thì chỉ 3 tuổi Bính Đinh Mậu lại được hưởng phần nào Lộc tồn trừ một tuổi Canh ở thế Đường phù.

Đối với 4 tuổi này, người khai lập ra số quả là có đầu óc tinh vi không bỏ rơi một kẽ hở, xứng đáng là danh hiệu Thánh nhân đã sắp xếp Bính Đinh Mậu Canh vào một hoạt động tình cảnh. Biết rằng Bính Đinh Mậu thì Lộc tồn luôn luôn ở hoàn cảnh nghịch địa âm dương. Còn tuổi Canh đối với Dần Ngọ Tuất chỉ là Phá Hư: mà với Thân Tí Thìn tuy gọi là chính thức hợp cảnh (Thái Tuế), nhưng Lộc tồn đối với Canh Thìn lại bị Tuần thụt két (Lộc phùng Không). Canh Thân và Canh Tí thì Quan cung là nguồn mãnh lực của cá nhân cũng bị Tuần làm đứt đoạn. Xét cho kỹ dầu là Canh Dần Ngọ Tuất hay Thân Tí Thìn tình cảnh thụ hưởng Lộc tồn không cách biệt nhau bao độ. Vì lẽ đó nên Thiên Trù của tuổi Canh đóng ngay ở Dần ban phát chung cho cả 6 tuổi Dần Ngọ Tuất và Thân Tí Thìn đều ở dương cung là Mệnh Quan Tài một tam hợp hay Phúc Di Phối cũng là một tam hợp cho có ý nghiã của chồng công vợ (trường hợp này trong gia đình vợ thường được quần áo đẹp tốt hơn chồng).

Xin nhắc lại Thiên trù là định mệnh báo hiệu công đức gia nghiệp đời đời truyền ban cho cháu con nào như thuận tiện hoàn cảnh hưởng thụ dầu ít nhiều phải hơn người khác.

OAN TRÁI NGHIỆP QUẢ

HÌNH RIÊU KHÔNG KIẾP

Mọi sự việc ở đời đều có 2 bộ mặt trái ngược nhau như âm dương trong vũ trụ, trắng đen của màu sắc, tốt xấu ở tính cách. Hình Riêu là bộ sao có 2 diện thái đặc biệt, cùng một vị trí đắc địa là Dần Thân Mão Dậu và đứng ở thế tam hợp với nhau phát khởi. Thiên Hình bắt đầu cung dậu kể là tháng giêng, Thiên Riêu kể từ cung Sửu. Như vậy rất khó lòng có 1 bộ Hình Riêu hoàn toàn đắc địa.

Hình là phạt vạ Kim hành nên gọi là thanh kiếm sắc bén để sát phạt. Riêu là "siều viết" (chỗ này tối nghĩa khó hiểu) Thủy hành lai láng huyền diệu hơn đời, đặc biệt đứng cặp với Xương Khúc là người có tài văn học như thần đồng. Quan trọng là Hình Riêu đứng cặp với bộ nào hợp tình hợp cảnh làm cho bộ đó có một ý nghĩa tăng lên, lợi hay hại tuỳ trường hợp.

Người Kim Mệnh đóng ở Thân cung có Thất sát gặp ngay Thiên hình ở đó là một uy dũng khó ai bì, trái lại Mộc mệnh gặp Thất sát ở Thìn Tuất có Hình kể như bản án giảm thọ bất đắc kỳ tử dán ngay trước ngực. Hình ở Thìn Tuất thì Riêu phải ở Dần Thân mới đắc địa, nếu vô phước bị non yểu sẽ thành bà cô ông mãnh. Hình ở Sửu, Riêu đương nhiên ở Tỵ đó là oan trái, trường hợp gặp bộ Long Phượng Tả Hữu Xương Khúc là nghiệp quả chưa hết căn duyên.

Hàng Chi 12 tuổi, 6 tuổi dương (dương nam, dương nữ) Thìn Tuất Tí Ngọ Dần Thân, Đào hoa gặp Riêu ví như sen ở trong ao hồ gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Còn 6 tuổi âm (âm nam, âm nữ) sự sa ngã đồi truỵ như xe tụt dốc (1). Đặc biệt cung Phúc đức vô chính diệu được Nhật Nguyệt sáng sủa đóng chiếu mà có Riêu ở trong là phúc đức vô biên, linh thiêng phù trợ.

Không Kiếp là ác sát không bao giờ tử tế với ai, chỉ trừ có 1 Phá Quân là vị chỉ huy tối cao trực tiếp bản tính hung bạo chỉ chuyên phá hoại. Không Kiếp vốn là hạng dao búa hợp tình hợp cảnh nên chịu phục tùng hùa nhau gây sự chẳng lành. Trường hợp

Phá Quân đắc địa hay Không Kiếp ở Dần Thân Tỵ Hợi chỉ nhất thời đưa nhau lên, sau vẫn tàn tạ như mọi vị trí khác.

Bốn chục năm trước đây bài hát "Tiễn chân anh Khóa" như được hầu hết thôn quê kẻ chợ biết đến. Một tác phẩm bình dân giản dị do nhà văn Á Nam Trần Tuấn Khải hạ bút.

Ông tuổi Ất Mùi ngày 18 tháng 9 giờ Sửu, sống dưới thời bị ngoại trị. Lượng sức mình không thể làm gì khác hơn là lay động lòng dân trước sức mạnh của kẻ xâm lăng (Thân ở Thê Quan Phù) bằng lời văn cho thật réo rắt cảm động mà phải ẩn dưới một hình thức thông thường. Ông đã thành công, cái tên Á-Nam đã được ghi vào lịch sử văn học đồng hành với Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà.

Người tuổi Ất Mùi mệnh nằm ở Dậu, Thân ở Hợi biết ngay người này lo việc đời là thế nào (Mệnh Tang môn, Thân Quan Phù). Người Hợi Mão Mùi là chủ nhân của Thiên lộc thuộc hàng Ất. Nhưng trong 3 tuổi Ất Hợi, Ất Mão, Ất Mùi, người Ất Mùi phải đứng sau chót, thường gặp nhiều trở lực trên đường đời vì Ất khắc Mùi. Rành rành Mệnh Lộc Thân Quyền mà chẳng quyền hành gì. Lộc chỉ là túc dụng. Tam hoá liên châu ở Tuất là có tiếng mà không có miếng. Ất Mùi Kim mệnh cho thấy từ Cự Cơ (Mệnh) đến Thiên Lương (Thân) Thiên Đồng (tam hợp Mệnh) coi như vô chính diệu nên Văn Xương (Kim) được kể như đắc cách phối hiệp cùng Riêu cùng cung Dậu lập thành bộ Riêu Xương làm gì mà không thu hút được lòng thế nhân cảm mến. Thiên Lương (thổ) ở Hợi (tam hợp) là tao nhân mặc khách đắn đo chín chắn hành động của mình, tâm thần giao cảm cùng non xanh gió mát.

```
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<Tai Bach>                 |<Tu Tuc>                   |<Phu The>                  |<Huynh De>                 |
|       (D)Thien Dong       |       (M)Thien Phu        |       (D)Thai Duong       |       (D)Tham Lang        |
|                           |       (V)Vu Khuc          |       (D)Thai am          |                           |
| +Van Khuc    -Phuc Binh   | +Luu Nien    -Truc Phu    | +Hoa Cai     -Benh Phu    | +Thien Viet  -Hoa Tinh    |
| +Lam Quan    -Thien Hinh  | +Quan Doi    -Dai Hao     | +Moc Duc     -Hoa Ky      | +Hong Loan   -Co Than     |
| +Tam Thai    -Dieu Khach  | +Thien Tho                | +Thai Phu    -Thai Tue    | +Hy Than     -Kiep Sat    |
| +Thien Ma                 | +Thien Tru                |                           | +Thien Phuc  -Thien Khong |
|                           |                           |                           | +Thieu Duong              |
|                           |                           |                           | +Trang Sinh               |
|                           |                           |                           | +Duong Phu                |
|  42                       |  32                       |  22                       |  12                       |
+----------[Tuan]-----------+------------------------[Triet]------------------------+---------------------------+
|<Tat ach>                  |Hoi |                   Ti |Suu                   |Dan |<Menh>                     |
|       (D)Pha Quan         |----+----------------------+----------------------+----|       (M)Thien Co         |
|                           |    |                                             |    |       (M)Cu Mon           |
| +De Vuong    -Kinh Duong  |    |          Ho ten: Tran Tuan Khai             |    | +Van Xuong   -Tang Mon    |
| +Phuc Duc    -Qua Tu      |    |          Sanh  : 18 Thang 9                 |    | +Bat Toa     -Thien Rieu  |
| +Thien Duc   -Quan Phu    |    |          Nam   : at Mui                     |    | +Duong                    |
| +Thien Giai  -Thien Su    |    |          Gio   : Suu                        |    | +Hoa Loc                  |
| +Thien Quan  -Thien La    |    |          Cuc   : Thuy Nhi Cuc               |    | +Phi Liem                 |
| +Thien Tai                |    |          Tuoi  : Am Nam                     |    | +Thien Y                  |
|                           |    |          Menh  : Sa Trung Kim               |    |                           |
|  52                       |Tuat|                                             |Mao |   2                       |
+---------------------------+----|                  am duong thuan ly          |----+---------------------------+
|<Thien Di>                 |Dau |                  Menh Sinh Cuc              |Thin|<Phu Mau>                  |
|                           |    |  Sao chu menh  : Vu Khuc                    |    |       (V)Tu Vi            |
|                           |    |  Sao chu than  : Thien Tuong                |    |       (V)Thien Tuong      |
| +Loc Ton     -Bach Ho     |    |                                             |    | +Hoa Khoa    -Dia Khong   |
| +Bac Si      -Suy         |    |                                             |    | +Thai        -Luu Ha      |
| +Dia Giai                 |    |                                             |    | +Thieu am    -Dia Vong    |
| +Giai Than                |    |                                             |    | +Tau Thu                  |
| +Phong Cao                |    |                                             |    |                           |
| +Phuong Cac               |    |                                             |    |                           |
|                           |----+----------------------+----------------------+----|                           |
|  62                       |Than|                  Mui |Ngo                   |Ty  |  112                      |
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<No Boc>                   |<Quan Loc>                 |<Dien Trach>               |<Phuc Duc>           <Than>|
|       (V)Liem Trinh       |                           |       (M)That Sat         |       (H)Thien Luong      |
|                           |                           |                           |                           |
| +Huu Bat     -Da La       | +An Quang    -Pha Toai    | +Thien Khoi  -Dau Quan    | +Hoa Quyen   -Linh Tinh   |
| +Long Duc    -Benh        | +Thanh Long  -Thien Hu    | +Ta Phu      -Dia Kiep    | +Long Tri    -Quan Phu    |
| +Luc Si      -ThienThuong | +Thien Quy   -Tu          | +Dao Hoa     -Tieu Hao    | +Quoc an     -Thien Khoc  |
| +Thien Hi                 |              -Tue Pha     | +Mo          -Tu Phu      | +Tuong Quan  -Tuyet       |
|                           |                           | +Nguyet Duc               |                           |
|  72                       |  82                       |  92                       |  102                      |
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
```

Á Nam cũng như Sào Nam tiên sinh, 2 vị cùng trường hợp Mệnh Tang Môn thân Quan Phù đắc Riêu Xương Khoa Quyền Lộc mà không tơ hào mùi tục luỵ. Nhờ Riêu Xương làm phương tiện lay động lòng người đang mơ mộng, hai ông đều tránh được Không Kiếp, nếu không thành linh thánh của giang sơn, ít ra cũng thần thiêng một cõi (Riêu đắc địa).

Người Thái Tuế một khi oan nghiêp còn theo đuổi, khi sống đã là chánh nhân, lẽ nào lúc qui hồi lại là ma quỉ.

(1) Phải phân tích sự khác biệt tính cách giữa Hồng Loan và Đào Hoa, Không nên vơ đũa cả nắm nói chung là Hồng Đào. Hồng Loan là rực rỡ thắm tươi tốt đẹp đượm ý chính đính, còn Đào Hoa là sắc sỡ loè loẹt có vẻ lẳng lơ.

Hồng Loan gặp Riêu (rất ít có), là sắc đẹp đoan trang đổ quán xiêu thành (nữ) phương phi tuấn tú (nam). Đắc địa hay không Hồng Loan ở tứ sinh Riêu ở Dần Thân Mão Dậu tuỳ theo vị trí quyết dịnh chánh tà. Riêng Hồng Loan vẫn trên bậc Đào Hoa về phần thuỳ mị, dẫu có sa ngã một giai đoạn nào đó rồi cũng hối cải.

HÙNG KHÍ CỦA LỤC SÁT TINH

Thường thường thấy khen số ông này đẹp nào là Tử Phủ Vũ Tướng Hữu Thai Tọa, số vị kia đắc cách Cơ Nguyệt Đồng Lương Khôi Việt Khoa Quyền Lộc, ngài nọ hiển hách Sát Phá Tham Tướng ấn. Có lẽ trên con đường tìm học nói chung, và Tử vi là một môn học nói riêng, ở ta theo truyền thống phái Nho đã ăn sâu có gốc rễ, cái gì không nghiêm chỉnh không phải là điều được khen ngợi hoan nghênh, cái gì thành lập không do con đường chính đáng đại cuộc không được chấp nhận, tức là chỉ công nhận vương đạo và đả phá bá đạo, không cần biết đến sự phải trái công bằng hợp lý chính nghĩa.

Bộ lục sát tinh ở Tử vi vì thế được coi như phường vô học cục cằn thô bạo, đi đến đâu đeo tai hoạ đến đó như Hoàng Sào, Từ Hải không được người thức giả ghé mắt. Nếu có chiếu cố cũng hạ bút miệt thị cho là hung đồ không tư cách của hạng thượng lưu xã hội.

Vậy Lục sát tinh có phải chỉ là bè lũ chuyên tác hại làm những việc tồi tệ như vậy không ?

Thưa, không phải là không trúng. Đã lâu chỉ nghe đến tên Không Kiếp Kình Đà Linh Hoả, người biết số đến người có số như muốn xa lánh coi như hung thần giáng hoạ. Vì đã yên chí đoàn sao đó, chỉ chuyên phá hoại như đám tiến quân tiên phong đi đến đâu là phải thi oai khủng bố để đám hậu tập dễ bình định đem lại trật tự. Có biết đâu cái khó khăn họ phải chịu đựng, mà còn kiến tạo mọi sự dễ dàng cho người đi sau như mở đường, đắp lối, bắc cầu, lấp hố họ phải ra công một cách vô cùng mau lẹ và đắc lực, những cánh quân khác chỉ cứ từ từ tiến bước. Vậy thiết tưởng mọi sự ở đời, cái gì cho là đẹp phải có mặt trái, và cái gì cho là xấu phải có mặt phải.

Lục sát tinh là 6 cái tên của 6 vì sao theo sách số cho là tai hại liên hệ đến người có số hoặc ở Mệnh, hoặc mỗi khi vận hành chuyển đến gặp chúng là Không Kiếp, Kình Đà, Linh Hoả. Địa không Địa Kiếp - (Hoả) đắc địa ở Tỵ Hợi, Dần Thân. Hoả tinh Linh tinh –(Hoả) đắc địa ở Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ. Kình Dương Đà La (Kim) đắc địa của Kình ở Thìn Tuất Sửu Mùi, còn Đà đắc địa ở Dần Thân Tỵ Hợi.

Sáu sao này tính cách, đắc địa hay hãm địa gần như tương tự nhau:

Đắc địa – Mưu trí , can đảm , dũng mãnh

Hãm địa – Hung bạo, liều lĩnh, gian ác

Đặc biệt mỗi bộ:

Không Kiếp - dám nói, dám làm

Kình Đà - Kiêu căng, bất khuất

Linh Hoả- Chí khí hiên ngang

Biết rằng Lục sát tinh chỉ là những bộ sao phụ như Khôi Việt, Long Phượng, Xương Khúc… nhưng chúng có tính cách khảng khái không phải là bậc đàn anh hào khí, không phục tùng. Chúng là đám tứ chiếng có đủ mọi mặt đối xử với đời, nếu không phải là khách hào phóng chí khí không chi phối nổi. Chúng chỉ chịu sự điều khiển của Sát Phá Tham là chòm chính tinh uy vũ. Nhưng phải phân chia quân nào phải có cấp chỉ huy trực tiếp của họ mới nên việc. Như Không Kiếp chịu sự điều động của Phá Quân, Kình Đà chấp nhận sự hướng dẫn của Thất Sát, Linh Hoả tuân theo nghiêm lệnh của Tham Lang.

Một khi họ đã chịu khép mình theo cấp chỉ huy chính cống của họ thì mấy sông cũng lấp, mấy đèo cũng qua, không quản ngại khó khăn như Phá Quân được Không Kiếp ở Dần Thân Tỵ Hợi, Tham Lang được Linh Hoả đắc địa, Thất sát được Đà La ở Dần Thân Tỵ Hợi hay Kình Dương ở tứ mộ, và nhất là người tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi, sự thành đạt khó có gì so sánh. Đây là công nghiệp của hung sát tinh đắc cách đã thành câu nói: ‘Phát dã như lôi”.

Trái lại khi họ ở thế hãm cũng như mặt trái đời, với thầy nào trò nấy sự thành tựu thường làm lệch đòn cân về phần tàn hại, nên người đời sợ mà đặt tên là hạn "TRÚC LA" . tuy vậy trước hay sau đó chúng đã đền bù cho đương số 1 phần nào gọi là an ủi.

Nhận thấy Lục sát tinh chỉ có 2 hành, đa số là Hoả (4) và Kim (2) vậy cho nên chỉ có mệnh vô chính diệu Hoả và Kim. một khi có sát tinh đắc địa hợp hành với Mệnh, họ dám tranh ngang ngửa với Sát Phá Tham, đừng nói gì đến Tử Phủ Vũ Tướng, Cơ Nguyệt Đồng Lương hay Cự Nhật. Họ sẽ thành công phải là rực rỡ.

Mệnh vô chính diệu hành Hoả gặp Không Kiếp (Dần Thân Tỵ Hợi) là vô chính diệu đắc Không. Nếu gặp Hoả Linh (Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ) hay Mệnh Kim có Đà la (Dần Thân Tỵ Hợi), Kình Dương (Thìn Tuất Sửu Mùi) là độc thủ.

Những sao này không cho phép Tuần Triệt hay Thiên Tài đụng đến, nghĩa là chúng còn nguyên vẹn tính chất hào hùng bất khuất của họ mới đắc cách.

Vận hành như vậy, nếu Mệnh Hoả vô chính diệu có Không Kiếp, nếu chuyển đến cơ hội gặp Phá Quân đắc địa, mệnh Linh Hoả gặp Tham Lang, và Kình Đà gặp Thất Sát sự nghiệp không bút nào tả nổi sự hoạnh phát, trường hợp đắc thiên thời, nhân hoà và địa lợi. Còn Sát Phá Tham nếu hãm, mưu sự lúc đầu hơi ngang trái, rốt cuộc họ vẫn thông đạt như thường. Vì họ là đoàn nhân sự chuyên nghiệp gặp trường hợp cấp chỉ huy chưa dám quả quyết, họ là cấp thừa hành có dư năng lực, chỉ gặp khó khăn một giai đoạn nhỏ, rồi họ cũng tạo nổi thành quả khả quan về mình.

Xin thưa Tử Phủ Vũ Tướng đừng hòng lấn át Lục Sát tinh, dẫu là Tử Phủ đắc địa gặp họ cũng đắc địa càng có sự tranh chấp quyết liệt. Nếu hoàn cảnh Tử Phủ hãm, họ qua mặt như vào chỗ không người ngăn cản. Còn nói chi Cơ Nguyệt Đồng Lương gặp họ hầu như hoàn toàn bị chi phối tuỳ theo bộ sao Lục Sát và vị trí đắc hay hãm địa của họ như:

Không Kiếp – Bị lừa gạt

Linh Hoả - đoản thọ

Kình Đà - Hình thương

Những trạng thái vừa trình ở trên chỉ là phân tách tính cách của Lục Sát tinh dầu ở Mệnh hay ở hạn hành, nhưng còn tuỳ thuộc vào một điều quan trọng rất cần thiết là THIÊN THỜI và đạt tới mức độ nào lại là vị trí của Mệnh đã được sắp xếp ở vòng Thái Tuế là 2 yếu tố chính bất cứ tình trạng nào cũng phải đặt làm điều kiện tiên quyết.

HUNG SÁT TINH NGỘ CHẾ
LÀ ĐÁNG QUÍ

Hung tinh là bộ Sát Phá Tham, ác sát tinh trong đó có lục sát Không Kiếp Kình Đà Linh Hoả được liệt kê đứng đầu. Ngoài 6 tên hiệu này thật ra còn 1 số như Thiên Hình, Hoá Kỵ, Kiếp Sát, Lưu Hà có những quyền cước có thể lợi hại lấn lướt lục sát, chứ Phá Toái Khốc Hư chưa xứng đáng mang danh là ác sát tinh.

Phương diện phá hoại 3 cặp Không Kiếp, Kình Đà, Linh Hoả, mỗi cặp một cách hành hạ: Không Kiếp hay kìm hãm, Kình Đà gieo tai hoạ, Linh Hoả giảm thiểu sức khoẻ. Hình với Kình một cặp phi đao một mười một chín. Hình trội hơn về phần nghiêm khắc. Hoá Kỵ là sao giảm thiểu, gây thị phi oán hận, còn tai nạn phần nhiều là nội thương, nhất là bên phái yếu, máu huyết sinh sản khó khăn. Kiếp Sát Lưu Hà bộ này có một sứ mạng phải khắc nghiệt với những ai quyết tâm sấn sổ lướt qua định mệnh. Số đã định sao thế nhân phải chịu hoàn cảnh, trường hợp làm liều Kiếp Sát Lưu Hà sẽ thi hành xoè 2 lưỡi kéo cắt đứt cuộc đời (Phạm Trương Chi). Tóm tắt tất cả công việc hàng ngày của đám ác sát là làm phận sự của tên ngục tốt.

Nhưng mỗi khi họ được chế biến lại là 1 cuộc cải trang thành những trang anh tuấn xuất chúng, tuỳ hoàn cảnh, tuỳ tư cách nổi bật lên xuất sắc. Họ cũng như những vị thuốc có danh là độc dược ai chẳng may dính phải, đời chịu điên cuồng không chết là may. Một khi họ được đưa vào cuộc phân chất rồi bào chế sẽ trở nên những môn thuốc đặc sắc ích lợi. Những sự lột xác đó là cảnh trí của ác sát tinh ngộ chế.

Lá số tuổi Quí Sửu sinh ngày 23 tháng 9 giờ Tuất chứa đựng nhiều tình tiết éo le có khá nhiều hung sát tinh ngộ chế. Hai chữ Quí Sửu thấy ngay tuổi gặp nhiều nghịch cảnh (chi khắc can) tuổi Sửu Mệnh nằm ở Tí, định mệnh ám chỉ bắt đời chịu nhiều thua thiệt trực tiếp ngay cái thế lý tưởng của tuổi. Thân cũng vậy ở Thân cung có nghiã là tháng 7 cũng ừ tháng 4 cũng gật, cố chịu đựng với chữ ĐỨC (Long đức) đến Thất Sát (cung Quan) quá đen tối là cả 1 bộ hung tinh (Sát Phá Tham) hãm địa trình bày cho biết đương số cũng đã một lầm hai lỡ ráng cam chịu thiệt thòi.

Tham ngộ Kỵ những cảnh giam cầm khó tránh, ấy thế mà vẫn thoát như thường. Thân là Phá Quân gặp Mộc dục là hình dạng một kẻ bất lương hoang dâm trác táng vô độ. Chỉ lệch một chút tuổi âm đóng cung dương Tham Kỵ phải nói là được Triệt tẩy

uế chỉ có 30% cùng với Phá Quân đắc Lộc Hỉ khiến người này trở thành một kịch sỹ rất tài tình. Nếu Mệnh ở âm cung hoá ra sai lệch hết vì Triệt đập tan nát đến 70% còn gì là Tham Kỵ. Tham lang vẫn đượm vẻ đào hoa phong nhã. Phá Quân trở nên nhã nhặn vô tâm, Hoá Kỵ biến chế thành khôn khéo mềm dẻo. Những tính cách này chỉ là tính cách vai tuồng phải đóng mà đóng rất khéo lột hết được tinh thần.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<No Boc>                     |<Thien Di>                   |<Tat ach>                    |<Tai Bach>             <Than>|
|       (V)Thien Co           |       (M)Tu Vi              |                             |       (H)Pha Quan           |
|                             |                             |                             |                             |
| +Thien Viet    -Hoa Tinh    | +Duong          -Tu Phu     | +Thai           -Thien Hu   | +Hoa Loc        -Tuyet      |
| +Hy Than       -Quan Phu    | +Dao Hoa                    | +Tau Thu        -Tue Pha    | +Long Duc                   |
| +Long Tri      -Thien Hinh  | +Nguyet Duc                 |                 -Thien Su   | +Quoc an                    |
| +Thien Phuc    -Thien Khoc  | +Phi Liem                   |                             | +Thien Hi                   |
| +Thien Quy     -ThienThuong | +Thien Quan                 |                             | +Tuong Quan                 |
| +Trang Sinh                 |                             |                             |                             |
| +Duong Phu                  |                             |                             |                             |
|  74                         |  64                         |  54                         |  44                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Quan Loc>                   |Hoi |                     Ti |Suu                      |Dan |<Tu Tuc>                     |
|       (H)That Sat           |----+------------------------+-------------------------+----|                             |
|                             |    |                                                  |    |                             |
| +Bat Toa       -Benh Phu    |    |            Ho ten: qui suu                       |    | +An Quang       -Bach Ho    |
| +Moc Duc       -Thien La    |    |            Sanh  : 23 Thang 9                    |    | +Giai Than      -Dia Kiep   |
| +Thai Phu                   |    |            Nam   : Qui Suu                       |    | +Mo             -Thien Rieu |
| +Thien Giai                 |    |            Gio   : Tuat                          |    | +Phuong Cac     -Tieu Hao   |
| +Thieu am                   |    |                                                  |    | +Thien Tho                  |
|                             |    |            Tuoi  : Am Nam                        |    | +Thien Y                    |
|                             |    |            Menh  : Tang Do Moc                   |    |                             |
|                             |    |            Cuc   : Kim Tu Cuc                    |    |                             |
|  84                         |Tuat|                                                  |Mao |  34                         |
+-----------------------------+----|                    am duong nghich ly            |----+-----------------------------+
|<Dien Trach>                 |Dau |                    Cuc Khac Menh                 |Thin|<Phu The>                    |
|       (V)Thai Duong         |    |     Sao chu menh  : Cu Mon                       |    |       (V)Thien Phu          |
|       (V)Thien Luong        |    |     Sao chu than  : Thien Tuong                  |    |       (M)Liem Trinh         |
| +Thien Khoi    -Dai Hao     |    |                                                  |    | +Phuc Duc       -Qua Tu     |
| +Dia Giai      -Dau Quan    |    |                                                  |    | +Tam Thai       -Tu         |
| +Luu Nien      -Tang Mon    |    |                                                  |    | +Thanh Long     -Dia Vong   |
| +Quan Doi                   |    |                                                  |    | +Thien Duc                  |
|                             |----+------------------------+-------------------------+----|                             |
|  94                         |Than|                    Mui |Ngo                      |Ty  |  24                         |
+----------[Tuan]-------------+-----------------------[Triet]-----------------------------+-----------------------------+
|<Phuc Duc>                   |<Phu Mau>                    |<Menh>                       |<Huynh De>                   |
|       (M)Thien Tuong        |       (H)Thien Dong         |       (H)Tham Lang          |       (M)Thai am            |
|       (V)Vu Khuc            |       (H)Cu Mon             |                             |                             |
| +Van Khuc      -Co Than     | +De Vuong       -Linh Tinh  | +Van Xuong      -Truc Phu   | +Hoa Khoa       -Kinh Duong |
| +Huu Bat       -Kiep Sat    | +Hoa Cai        -Da La      | +Ta Phu         -Hoa Ky     | +Luc Si         -Benh       |
| +Hong Loan     -Phuc Binh   | +Hoa Quyen      -Dia Khong  | +Loc Ton        -Suy        | +Thien Ma       -Dieu Khach |
| +Lam Quan      -Thien Khong | +Thien Tai      -Pha Toai   | +Bac Si                     | +Thien Tru                  |
| +Thieu Duong   -Luu Ha      |                 -Quan Phu   | +Phong Cao                  |                             |
|                             |                 -Thai Tue   |                             |                             |
| 104                         | 114                         |   4                         |  14                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Sự thật Tham Lang đã được sao tẩm chế thành thẳng thắn lương thiện, truỵ lạc hư thân biến mất hết chỉ là bóng dáng cũ xưa mà thôi. Thất Sát ở Quan, người bạn nâng đỡ mình, trước hung hăng bao nhiêu nay gặp cảnh khốn cùng (Sát phùng Suy) cũng không nên cơm cháo gì, ở vị trí Thiếu âm ý nghĩa không ngoài sự vụng tính. Mệnh ở Trực Phù tuy thua thiệt so với bên ngoài vẫn không đáng ngại (Tí khắc Ngọ Thiên di) dầu là võng giá nghênh ngang (Tử vi ở Ngọ), sự thật rõ ràng con số (0) không bạch định, lẽ phải trái vẫn ở ngõ ngoài.

Hung sát tinh ngộ chế là cả một công trình ma luyện như các bậc thượng tiên luyện tinh đơn cải lão hoàn đồng trường sinh bất tử.

Đành thế, nhưng trường hợp nào biết được là hung sát tinh thụ chế ?

Trong bộ máy tinh vi của lý học luôn luôn có những động cơ lồng vào để phá thải và kìm hãm những tình trạng cần phải sửa đổi cho thật lỗi lạc hay đập nát sa thải. Đó là Triệt Tuần Thiên Tài Hoá Khoa.

Tuần Triệt ở giữa 2 cung không phải 2 cung đều chịu ảnh hưởng như nhau. Theo luật âm dương phải cân nhắc theo tuổi số như người dương (dương nam hay dương nữ) ảnh hưởng bên cung dương nặng hơn có nghĩa là đến 70%, bên cung âm chỉ còn 30%. Trái lại người âm (âm nam, âm nữ) cung âm nặng đòn cân hơn cung dương cùng mức độ sai biệt 70 so với 30. Triệt có ý nghĩa nặng nề phá nát, Tuần chỉ là ngăn cản, Hoá Khoa có ý thấm nhuần gột rửa tự tu cải sửa, còn Thiên Tài cẩn thận hơn, trước khi giảm bớt phải đo lường, tức là chậm chạp biến đổi.

Tất cả hung sát tinh không khác gì cây phụ tử có những rễ cái gọi là củ phụ tử chứa chất độc ghê gớm, nhờ các nhà danh y khéo sao tẩm trở thành những vị thuốc bổ giá trị sánh đồng hành cùng sâm nhung và quế.

Sau đây là một lá số có đến 3 ác sát tinh thụ chế ở ngay Mệnh. Nổi tiếng là học giỏi như thần đồng, thi đậu tú tài hải ngoại đầu tiên ở Việt Nam. Tuổi Canh Tí sanh ngày 9 tháng 8 giờ Tỵ, chỉ vì là người dương không hợp với Thái âm thủ Mệnh và Thân ở vị trí Tang môn nên sự nghiệp không có gì đáng kể, so sánh tài năng với những người quyền cao chức trọng đương số vẫn lấn lướt rõ ràng. ấy thế mà vẫn ở địa vị khiêm nhường, xem ra vẫn còn may.

```
+--------------------------+--------------------------+--------------------------+--------------------------+
|<Phu Mau>                 |<Phuc Duc>                |<Dien Trach>              |<Quan Loc>                |
|       (H)Liem Trinh      |       (V)Cu Mon          |       (D)Thien Tuong     |       (M)Thien Dong      |
|       (H)Tham Lang       |                          |                          |       (V)Thien Luong     |
| +Van Xuong    -Linh Tinh | +Thien Khoi   -Dia Khong | +Bat Toa      -Hoa Tinh  | +Loc Ton      -Bach Ho   |
| +Nguyet Duc   -Dai Hao   | +Moc Duc      -Phuc Binh | +Long Duc     -Da La     | +Bac Si       -Hoa Ky    |
| +Trang Sinh   -Kiep Sat  | +Thien Phuc   -Thien Hu  | +Phong Cao    -Quan Phu  | +Lam Quan     -Thien Rieu|
|               -Pha Toai  |               -Thien Khoc| +Quan Doi                | +Thien Y                 |
|               -Tu Phu    |               -Tue Pha   | +Tam Thai                |                          |
|  14                      |  24                      |  34                      |  44                      |
+----------[Tuan]----------+-----------------------[Triet]-----------------------+--------------------------+
|<Menh>                    |Mui |                 Than|Dau                  |Tuat|<No Boc>                  |
|       (H)Thai am         |----+---------------------+---------------------+----|       (H)That Sat        |
|                          |    |                                          |    |       (D)Vu Khuc         |
| +Duong        -Benh Phu  |    |            Ho ten: Hoc gioi              |    | +Van Khuc     -Kinh Duong|
| +Hoa Cai      -Dia Kiep  |    |            Sanh  : 9 Thang 8             |    | +Dao Hoa      -ThienThuong|
| +Hoa Khoa     -Quan Phu  |    |            Nam   : Canh Ti               |    | +De Vuong                |
| +Long Tri     -Thien Hinh|    |            Gio   : Ty                    |    | +Hoa Quyen               |
| +Quoc an      -Thien La  |    |                                          |    | +Luc Si                  |
| +Thien Tai               |    |            Tuoi  : Duong Nam             |    | +Phuc Duc                |
|                          |    |            Menh  : Bich Thuong Tho       |    | +Thien Duc               |
|                          |    |            Cuc   : Kim Tu Cuc            |    | +Thien Hi                |
|   4                      |Ngo |                                          |Hoi |  54                      |
+--------------------------+----|                    am duong thuan ly     |----+--------------------------+
|<Huynh De>                |Ty  |                    Menh Sinh Cuc         |Ti  |<Thien Di>                |
|       (B)Thien Phu       |    |    Sao chu menh  : Tham Lang             |    |       (H)Thai Duong      |
|                          |    |    Sao chu than  : -Linh Tinh            |    |                          |
| +Huu Bat      -Luu Ha    |    |                                          |    | +Giai Than    -Dau Quan  |
| +Hong Loan               |    |                                          |    | +Hoa Loc      -Qua Tu    |
| +Hy Than                 |    |                                          |    | +Phuong Cac   -Dieu Khach|
| +Thai                    |    |                                          |    | +Thanh Long   -Suy       |
| +Thien Giai              |    |                                          |    |               -Dia Vong  |
| +Thieu am                |    |                                          |    |                          |
|                          |----+---------------------+---------------------+----|                          |
|  114                     |Thin|                  Mao|Dan                  |Suu |  64                      |
+--------------------------+--------------------------+--------------------------+--------------------------+
|<Phu The>           <Than>|<Tu Tuc>                  |<Tai Bach>                |<Tat ach>                 |
|                          |       (D)Tu Vi           |       (D)Thien Co        |                          |
|                          |       (V)Pha Quan        |                          |                          |
| +Thien Viet   -Co Than   | +Mo           -Thien Khong| +An Quang     -Thai Tue  | +Ta Phu       -Benh      |
| +Dia Giai     -Tang Mon  | +Thieu Duong             | +Tuong Quan   -Tu        | +Luu Nien     -Truc Phu  |
| +Phi Liem     -Tuyet     | +Tau Thu                 |                          | +Thai Phu     -Tieu Hao  |
| +Thien Ma                | +Duong Phu               |                          | +Thien Quan   -Thien Su  |
| +Thien Quy               |                          |                          |                          |
| +Thien Tho               |                          |                          |                          |
| +Thien Tru               |                          |                          |                          |
| 104                      |  94                      |  84                      |  74                      |
+--------------------------+--------------------------+--------------------------+--------------------------+
```

Hai chữ Canh Tí cũng biết là người có năng lực dư dả thế nào, tài cao học rộng hay dẫu oan trái vẫn đeo theo không rời nửa

bước (Mệnh ở Thìn, tuổi Tí, Thái âm hãm, Thiên Hình, Hoá Kỵ Địa Kiếp đắc Tuần).

PHẨM CHẤT RIÊNG BIỆT GIỮA VĂN XƯƠNG VÀ VĂN KHÚC

Hai cung Thìn Tuất là 2 vị trí xuất phát cho 3 bộ trung tinh chính yếu là Long Phượng (biểu tượng cho năm) Tả Hữu (tháng) Xương Khúc (giờ) theo luật dương thuận âm nghịch mà đi. Trên danh nghĩa dương là quân, âm là thần nhưng sự khắc chế của ngũ hành thì Tây (Kim) khắc Đông (Mộc) nên Phượng Các, Hữu bật và Văn Xương cùng phát xuất từ Tây qua Đông đều có tính cách trội hơn Long Trì, Tả Phù và Văn Khúc.

Bộ Long Phượng là bộ mặt của Tam Hợp Thái Tuế, nhưng với người tuổi âm mới đủ 4 sao Long Phượng Hổ Cái là quý cách của người được định mệnh giao phó trách nhiệm để làm việc cao cả. Người tuổi dương chỉ có 3, nhường Phượng các cho đối phương (Tuế Phá) theo tinh thần mã thượng gọi là khen ngợi tư cách và bảo đảm cho bản thân những khi dám ra mặt chống chọi (Giải thần luôn luôn sát nách với Phượng Các).

Hữu bật đi từ chỗ tối ra chỗ sáng có ý chí quật cường võ dũng tranh đấu thực lực khác hẳn bạch diện thư sinh Tả Phù chỉ là hiền thần trợ tá trung thành. Hai sao thoát thai của Tả Hữu cũng cùng tính cách. Tam thai chỉ là danh vị cao đẹp trên chánh nghĩa ban thưởng cho người có công lớn như Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo. Bát toạ sao của quỹ đạo Hữu bật là 8 ngôi chánh yếu như Thượng Thơ Tổng Trưởng có thực lực điều khiển một nội các.

Còn Xương Khúc thường được bao gồm là bộ văn học, người nào mà Mệnh hay Thân có 1 sao đó đều được dự phần hãnh diện giòng dõi nho gia. Nhưng giữa 2 chữ vẫn có một ý nghĩa cách biệt cần phải phân tách đâu là giá trị trung thực. Văn Xương là tên một vị học giả được đề tặng là Đế quân về văn học, đủ mọi vẻ thông thái thịnh đẹp như ý nghĩa của chữ "Xương" Hán tự. Còn Khúc là 1 đoạn, Văn Khúc là một bản đàn, bài thơ, một vở kịch chứa đựng nhiều tình tiết nghệ thuật: tức là cả Văn Xương bao gồm cả Văn Khúc như thầy với trò.

Trong mỗi lá số nếu là giờ âm thì Văn khúc đứng chùm theo Văn Xương trong thế tam hợp, thầy trò biểu dương lực lượng. Trái lại giờ dương thì Văn khúc đứng ở thế nghịch địa không bao giờ

quên để hai sao phụ thuộc là Thai toạ Phong cáo thay mặt đề cao Văn Xương lỗi lạc là bậc tam công xứng đáng được phong tặng ấn tín một vị nguyên huân (Thai Phụ Phong cáo xuất phát từ Văn Khúc đến nhập vào tam hợp của Văn Xương).

Đến ngay hai sao thuộc quỹ đạo của Xương Khúc cũng thấy sự khác biệt tính cách: Ân Quang là một phần thưởng vinh dự sáng ngời, Thiên Quí là một bảo vật giá trị mà thôi. Tóm lại Văn Xương là bao gồm cả một nền văn học, Văn khúc là một khoa mỹ thuật.

Cụ Sào Nam là một văn khoa chính phái sanh năm Đinh Mão ngày 11 tháng 5 giờ Sửu. Thân cụ nêu cao danh nghĩa với Thiên Lương Long Phượng Hổ Cái.Bộ âm dương tuy ở trong tình trạng đen tối thiết tưởng bộ Tuần Triệt quí giá này vô cùng hữu ích cho Thái âm xứng danh phẩm cách. Văn Xương Hoá Quyền ở Quan, Hoá Khoa ở Tài làm gì mà không mão cao áo gấm ở chốn triều đình (Thai Phụ Phong Cáo ở Thân). Chỉ có một vị trí Tang môn (Mệnh) và Thiên Đồng ở Quan cụ xoay hẳn chí hướng để lại ngày nay một số tác phẩm quí giá sánh với Thai Phụ Phong Cáo của một Thiên Lương Xương Khúc đã được nhà đại văn hào Lương Khải Siêu hết lời khen ngợi.

```
+----------------------------+----------------------------+----------------------------+----------------------------+
|<Menh>                      |<Phu Mau>                   |<Phuc Duc>            <Than>|<Dien Trach>                |
|       (H)Cu Mon            |       (V)Thien Tuong       |       (D)Thien Luong       |       (M)That Sat          |
|                            |       (V)Liem Trinh        |                            |                            |
| +Van Khuc      -Kinh Duong | +Huu Bat                   | +Giai Than     -Da La      | +Ta Phu        -Hoa Tinh   |
| +Luc Si        -Co Than    | +Loc Ton                   | +Hoa Cai       -Quan Phu   | +Bat Toa       -Benh       |
| +Thien Ma      -Hoa Ky     | +An Quang                  | +Long Tri      -Quan Phu   | +Nguyet Duc    -Kiep Sat   |
| +Thien Y       -Pha Toai   | +Bac Si                    | +Phuong Cac    -Tu         | +Thien Quy     -Phuc Binh  |
| +Thien Tru     -Tang Mon   | +Mo                        | +Thai Phu                  | +Thien Tai     -Luu Ha     |
|                -Thien Rieu | +Tam Thai                  |                            |                -Tu Phu     |
|                -Tuyet      | +Thien Hi                  |                            |                            |
|                            | +Thieu am                  |                            |                            |
|   6                        | 116                        | 106                        |  96                        |
+----------------------------+----------------------------+----------------------------+----------------------------+
|<Huynh De>                  |Mui |                   Than|Dau                    |Tuat|<Quan Loc>                  |
|       (V)Tham Lang         |----+-----------------------+-----------------------+----|       (H)Thien Dong        |
|                            |    |                                               |    |                            |
| +Thai          -Thien Khong|    |         Ho ten: Phan Boi Chau                 |    | +Thien Viet    -Dai Hao    |
| +Thanh Long    -Thien La   |    |         Sanh  : 11 Thang 5                    |    | +Van Xuong     -Thien Hu   |
| +Thieu Duong               |    |         Nam   : Dinh Mao                      |    | +Hoa Quyen     -Tue Pha    |
|                            |    |         Gio   : Suu                           |    | +Luu Nien      -Suy        |
|                            |    |                                               |    |                            |
|                            |    |         Tuoi  : Am Nam                        |    |                            |
|                            |    |         Menh  : Lo Trung Hoa                  |    |                            |
|                            |    |         Cuc   : Hoa Luc Cuc                   |    |                            |
|  16                        |Ngo |                                               |Hoi |  86                        |
+----------------------------+----|                 am duong thuan ly             |----+----------------------------+
|<Phu The>                   |Ty  |                 Menh Cuc Binh Hoa             |Ti  |<No Boc>                    |
|       (H)Thai am           |    |   Sao chu menh  : +Van Khuc                   |    |       (M)Vu Khuc           |
|                            |    |   Sao chu than  : Thien Dong                  |    |                            |
| +Duong         -Thai Tue   |    |                                               |    | +De Vuong      -Benh Phu   |
| +Hoa Loc       -Thien Khoc |    |                                               |    | +Long Duc      -Dia Khong  |
| +Phong Cao     -Tieu Hao   |    |                                               |    | +Thien Tho     -ThienThuong|
|                            |    |                                               |    |                -Dia Vong   |
|                            |----+-----------------------+-----------------------+----|                            |
|  26                        |Thin|                    Mao|Dan                    |Suu |  76                        |
+----------[Triet]-----------+----------------------------+----------------------------+----------[Tuan]------------+
|<Tu Tuc>                    |<Tai Bach>                  |<Tat ach>                   |<Thien Di>                  |
|       (M)Tu Vi             |       (D)Thien Co          |       (M)Pha Quan          |       (H)Thai Duong        |
|       (M)Thien Phu         |                            |                            |                            |
| +Quoc an       -Truc Phu   | +Hoa Khoa      -Qua Tu     | +Dao Hoa       -Dau Quan   | +Thien Khoi    -Linh Tinh  |
| +Thien Quan                | +Moc Duc       -Thien Hinh | +Hong Loan     -Dia Kiep   | +Dia Giai      -Bach Ho    |
| +Trang Sinh                | +Tau Thu       -Dieu Khach | +Phi Liem      -Thien Su   | +Hy Than                   |
| +Tuong Quan                |                            | +Phuc Duc                  | +Lam Quan                  |
|                            |                            | +Quan Doi                  | +Thien Phuc                |
|                            |                            | +Thien Duc                 | +Duong Phu                 |
|                            |                            | +Thien Giai                |                            |
|  36                        |  46                        |  56                        |  66                        |
+----------------------------+----------------------------+----------------------------+----------------------------+
```

NHỮNG MÀN CẢNH PHÁT SINH

LIÊM THAM TỴ HỢI

VÀ LIÊM SÁT SỬU MÙI

Liêm Tham Tỵ Hợi là hình ngục, Liêm Sát Sửu Mùi là chết đường. Vậy nguyên nhân nào mà có những trường hợp đó ?

Nhìn vào địa bàn tử vi phân chia 12 cung âm dương với 14 chính tinh chiếm đóng vị trí. Riêng bộ Nhật Nguyệt trình bày dễ thấy đầy đủ ý nghĩa tư cách chu đáo hơn hết. Thái Dương phải ở dương cung và Thái âm phải ở âm cung, dù rằng lạc hãm vẫn xứng đáng phẩm hạnh một ngày sẽ sáng tỏ. Nếu chỉ chú ý vào vị trí sáng ngời mà không kết hợp lý âm dương chỉ là a tòng nhất thời không chánh đáng.

Đứng bên Nhật Nguyệt có Đồng Lương Cơ Cự toàn bộ trình bày lý thuyết đạo học. Đối diện bên phía thực hành phải kể Sát Phá Liêm Tham có Tử Phủ Vũ Tướng cùng phái lưỡng nghi. Vậy không bao giờ có sự pha trộn lẫn lộn như Vũ Khúc đứng với Thiên đồng hay Phá Quân ngồi cạnh Cự môn.

Nói đến Liêm Tham hay Liêm Sát là nói chung đến 8 sao bên phía thực hành có kết quả rất mau cụ thể dẫn đến cũng có thể nói là luật nhân quả bù trừ.

Sát Phá Liêm Tham với Tử Phủ Vũ Tướng cùng với một phái thì Liêm Tham và Liêm Sát đều có nguyên cơ do Tử Phủ Vũ Tướng khiến nên. Bộ Tử Phủ được đặt lên cao như những gì thái thường chính đáng. Bộ Sát Phá Liêm Tham chỉ phụ thuộc với công việc thực thi xây dắp.

Sự xắp xếp trên 12 cung địa bàn thấy những bộ sao đóng ở dương cung có đủ bề thế tốt đẹp có ảnh hưởng tươi thắm, trái lại ở âm cung thấy nhiều sự hung hãn mất thể thống trật tự. Vì thế Liêm Tham hay Liêm Sát cho đến Liêm Phá, Vũ Phá hay Vũ Sát tức là toàn bộ Sát Phá Liêm Tham ở âm cung hầu đóng vai trò khuấy nước chọc trời coi như công việc hàng ngày phải làm.

Liêm Tham Tỵ Hợi vì đâu mà phát sinh ra ?

Có phải vì Tử Phá (bất trung bất hiếu) nguồn gốc do Vũ Sát là ương nghạnh hung bạo tham lam vị kỷ, có nghĩa là tư cách vị kỷ hung bạo dẫn đến hành động phản bội sẽ hái kết quả nhà tù (tam hợp Vũ Sát Tử Phá và Liêm Tham).

Liêm Sát Sửu Mùi (chết đường) là kết quả của Tử Tham (hiếp đáp ép bức người lành) bởi tư cách Vũ Phá (gian ác liều lĩnh ức hiếp người lành sẽ phải chạy trốn chết đường).

Hai thế đứng này đầu giây giật mối do Vũ Khúc hãm Tham lang vị kỷ đứng với Thất sát nông nổi, Phá quân liều lĩnh làm gì mà không tù đầy chết đường.

Trên đây tất cả diễn cảnh của âm cung. Đối với người dương mệnh hẳn ở vị trí Thiếu Dương hay Thiếu âm, người quá tự hào, kẻ bị nhiều thua thiệt, tức nước thành bể bờ khiến xui tình trạng. Con người âm mệnh vì một mối ưu tư gì riêng biệt Tuế Phá lộng hành trái với lẽ phải đành chịu chung số phận. Riêng người Thái tuế ý thức được cuộc sống tuỳ theo hoàn cảnh hành động tuy có nặng tay, nhưng không ngoài ý nghĩa lợi ích chung mà phải gánh vác, dầu rằng cũng có phần vị kỷ.

Tào Mạnh Đức (Tào Tháo) sanh năm ất Mùi ngay 6 tháng 12 giờ Tuất ở cuối đời Hán.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Phuc Duc>                   |<Dien Trach>                 |<Quan Loc>                   |<No Boc>                     |
|                             |       (D)Thien Co           |       (D)Tu Vi              |                             |
|                             |                             |       (V)Pha Quan           |                             |
| +Lam Quan      -Phuc Binh   | +Bat Toa       -Truc Phu    | +Hoa Cai       -Benh Phu    | +Thien Viet    -Co Than     |
| +Thien Ma      -Dieu Khach  | +Dia Giai      -Dai Hao     | +Hoa Khoa      -Thai Tue    | +Hong Loan     -Kiep Sat    |
|                             | +Hoa Loc       -Dau Quan    | +Moc Duc                    | +Hy Than       -Thien Hinh  |
|                             | +Luu Nien                   | +Thien Giai                 | +Tam Thai      -Thien Khong |
|                             | +Quan Doi                   |                             | +Thien Phuc    -ThienThuong |
|                             | +Thien Tho                  |                             | +Thieu Duong                |
|                             | +Thien Tru                  |                             | +Trang Sinh                 |
|                             |                             |                             | +Duong Phu                  |
| 105                         |  95                         |  85                         |  75                         |
+-----------[Tuan]------------+----------------------------[Triet]--------------------------+-----------------------------+
|<Phu Mau>                    |Hoi |                      Ti |Suu                    |Dan |<Thien Di>                   |
|       (V)Thai Duong         |----+-------------------------+-----------------------+----|       (B)Thien Phu          |
|                             |    |                                                |    |                             |
| +An Quang      -Da La       |    |            Ho ten: Tao Thao                    |    | +Duong         -Dia Kiep    |
| +De Vuong      -Qua Tu      |    |            Sanh  : 6 Thang 12                  |    | +Phi Liem      -Tang Mon    |
| +Phuc Duc      -Quan Phu    |    |            Nam   : at Mui                      |    |                             |
| +Thai Phu      -Thien La    |    |            Gio   : Tuat                        |    |                             |
| +Thien Duc                  |    |                                                |    |                             |
| +Thien Quan                 |    |            Tuoi  : Am Nam                      |    |                             |
|                             |    |            Menh  : Sa Trung Kim                |    |                             |
|                             |    |            Cuc   : Tho Ngu Cuc                 |    |                             |
| 115                         |Tuat|                                                |Mao |  65                         |
+-----------------------------+----|                    am duong thuan ly           |----+-----------------------------+
|<Menh>                       |Dau |                    Cuc Sinh Menh               |Thin|<Tat ach>                    |
|       (H)That Sat           |    |        Sao chu menh  : Vu Khuc                 |    |       (M)Thai am            |
|       (D)Vu Khuc            |    |        Sao chu than  : Thien Tuong             |    |                             |
| +Ta Phu        -Bach Ho     |    |                                                |    | +Thai          -Hoa Ky      |
| +Loc Ton       -Suy         |    |                                                |    | +Thien Quy     -Luu Ha      |
| +Bac Si                     |    |                                                |    | +Thieu am      -Thien Su    |
| +Giai Than                  |    |                                                |    | +Tau Thu       -Dia Vong    |
| +Phuong Cac                 |    |                                                |    | +Thien Tai                  |
|                             |----+-------------------------+-----------------------+----|                             |
|   5                         |Than|                     Mui |Ngo                    |Ty  |  55                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Huynh De>                   |<Phu The>                    |<Tu Tuc>                     |<Tai Bach>             <Than>|
|       (M)Thien Dong         |       (D)Thien Tuong        |       (V)Cu Mon             |       (H)Liem Trinh         |
|       (V)Thien Luong        |                             |                             |       (H)Tham Lang          |
| +Van Khuc      -King Duong  | +Thanh Long    -Linh Tinh   | +Thien Khoi    -Thien Rieu  | +Huu Bat       -Hoa Tinh    |
| +Hoa Quyen     -Benh        |                -Dia Khong   | +Van Xuong     -Tieu Hao    | +Long Tri      -Quan Phu    |
| +Long Duc                   |                -Pha Toai    | +Dao Hoa       -Tu Phu      | +Quoc an       -Thien Khoc  |
| +Luc Si                     |                -Thien Hu    | +Mo                         | +Tuong Quan    -Tuyet       |
| +Thien Hi                   |                -Tu          | +Nguyet Duc                 |                             |
|                             |                -Tue Pha     | +Phong Cao                  |                             |
|                             |                             | +Thien Y                    |                             |
|  15                         |  25                         |  35                         |  45                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Người Bạch Hổ Vũ Sát là tất cả cái gì cứng rắn (Kim mệnh, Vũ Khúc Thất sát, Bạch Hổ đều là Kim). Hỏi rằng có thể nào ngăn cản được người này trước cuộc rối rắm mất trật tự của xã hội. Ông không hạ bệ Hiến Đế, cứ địa vị Thừa Tướng thừa hành làm việc. Đâu có phải là bất trung hiếu (cung quan Tử Phá bị triệt). Thật rõ ràng hai chữ Trung Kiên. Vì thế Liêm Tham ở Hợi đâu có tơ hào đến ông. Liêm Trinh ở đây bị giảm sút bởi Kim Mệnh phụ giúp cho

Tham Lang (Thuỷ) ở Hợi (Thuỷ). Nếu Liêm Tham ở Tỵ cần phải thêm Hoá kỵ (Thuỷ) giữ thế thăng bằng cán cân không nghiêng lệch sẽ thành vô sự.

Tại sao không nói đến Liêm Tham ở Dần Thân ?

Liêm Tham nơi đây dương cung đắc địa. Liêm Tham không còn đắc địa với nhau. Liêm Trinh đứng trong hàng ngũ của Tử Phủ Vũ Tướng mà Tham Lang nhập phe phái với Thất Sát Phá quân. Hai bên đứng đối diện nhau.

Đây là trường hợp được đề cao là Đế xuất binh chinh phạt Phá Quân, vì thế Phá Quân bị đeo tiếng bất nhân phản trắc.

Sự thật còn nhiều uẩn khúc. Nếu là tuổi Dần Ngọ Tuất mà Mệnh Phá Quân ở Tuất. Nơi đây Phá quân dành được chính nghĩa (Thái Tuế) thì Tử Tướng kia chắc chắn đã phạm lỗi gì (Tuế Phá) nên Phá Quân mới ra mặt chống đối. Tiếng bất nhân chỉ bị gán đặt, sự thật khác hẳn xa vời.

Còn trường hợp Liêm Tham Tỵ Hợi, Liêm Sát Sửu Mùi đóng ở nhược cung (Phụ, Tử, Nô, Điền) … dương nhân hẳn là Cơ Nguyệt Đồng Lương đóng ở dương cung, đâu có gì là ác hại. Nhưng nếu có Hình Riêu Không Kiếp nằm trong đại hạn Liêm Tham, cũng dễ bị tù tội cuốn theo. Đó là nghiệp quả chung đương số phải gánh chịu.

Tất cả những màn cảnh hỉ nộ ái ố tốt đẹp hay xấu xa đều do định mệnh dự phác xếp đặt. Thực hiện được hay không còn nhờ một yếu tố quan trọng là THÂN hành động. Tài Thọ có thể quyết định xoay hẳn ngược chiều sóng gió.

Táo Thừa Tướng đem được chữ Thọ (nhân hậu) đến cung Điền (sự nghiệp) mặc dầu đã nạp sẵn Triệt (30%). Vì thế chữ Tài mới đủ khả năng giảm thiểu ách với Thái âm ngộ Kỵ và Liêm Tham (Thân) ở Hợi.

Có phải đức năng thắng số là ở đây ?

BỞI ĐÂU BẠCH HỔ ĐƯỜNG PHÙ TRỞ NÊN ÁC HẠI ?

Biết rằng Bạch Hổ là 1 vị trí trong tam hợp Thái tuế có tính cách cương quyết với bất cứ giá nào làm việc để đạt tới mục đích, dầu rằng có ý nghĩa vị tha, nhưng cũng không ngoài thoả mãn dục vọng.

Đường Phù là ngôi nhà nổi lênh đênh trên mặt nước không nơi căn cứ, một ngày tan rã chìm đắm lúc nào không biết. Một đường lối chứng minh kín đáo sự thọ hưởng Lộc tồn: chính đáng có Quốc ấn mà phiếm hư là Đường Phù.

Quốc ấn luôn luôn trong tam hợp Lộc tồn thuận theo chiếu xuôi, trái lại Đường Phù đi theo chiều nghịch và ngồi ở vị trí nghịch lý âm dương nơi xuất phát.

Bạch hổ, Đường Phù liên lạc với nhau chỉ có ở 6 tuổi Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quí tức là cảnh trí Lộc tồn nghịch lý âm dương không thuận cách thọ hưởng mỹ mãn. Bốn tuổi Giáp Ất Canh Tân không bao giờ diễn tả Bạch Hổ Đường Phù dầu là người Tuế Phá Tang môn Điếu khách.

Vậy Bạch Hổ Đường Phù có ý nghĩa với người Thái Tuế chẳng may ở 6 tuổi có hàng can Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quí, không nên quá tự hào coi thọ hưởng Lộc tồn như thù lao xứng đáng với công khó nhọc mình đã tần tuỵ xây đắp cho xã hội. Thời gian gặp Lộc hay Mệnh có Lộc tồn phải có thời gian gặp Bạch Hổ Đường Phù sẽ diễn biến cảnh nhà tan nghiệp đổ gần đất xa trời.

Đường xuôi thuận lý phải là Bạch Hổ, Quốc ấn với Tướng Quân là bộ ba đanh thép như giấy tờ chứng minh hợp pháp cho người đủ tư cách làm chủ đứng đắn lâu dài bền chặt. Trái lại Đường Phù luôn ở trong tam hợp với Song Hao và Kình Đà là thế mỏng manh bế tắc nuốt khó trôi mà nhả ra vướng nghẹn.

Người Thái Tuế, trường hợp Bạch Hổ Đường Phù trong tam hợp đáo hạn Thái Tuế dễ trút hơi thở cuối cùng với uy danh tiếng lớn được ghi mai hậu như 2 tuổi:

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Menh>                       |<Phu Mau>                    |<Phuc Duc>             <Than>|<Dien Trach>                 |
|       (H)Cu Mon             |       (V)Thien Tuong        |       (D)Thien Luong        |       (M)That Sat           |
|                             |       (V)Liem Trinh         |                             |                             |
| +Van Khuc      -King Duong  | +Huu Bat                    | +Giai Than     -Da La       | +Ta Phu        -Hoa Tinh    |
| +Luc Si        -Co Than     | +Loc Ton                    | +Hoa Cai       -Quan Phu    | +Bat Toa       -Benh        |
| +Thien Ma      -Hoa Ky      | +An Quang                   | +Long Tri      -Quan Phu    | +Nguyet Duc    -Kiep Sat    |
| +Thien Y       -Pha Toai    | +Bac Si                     | +Phuong Cac    -Tu          | +Thien Quy     -Phuc Binh   |
| +Thien Tru     -Tang Mon    | +Mo                         | +Thai Phu                   | +Thien Tai     -Luu Ha      |
|                -Thien Rieu  | +Tam Thai                   |                             |                -Tu Phu      |
|                -Tuyet       | +Thien Hi                   |                             |                             |
|                             | +Thieu am                   |                             |                             |
|   6                         | 116                         | 106                         |  96                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Huynh De>                   |Mui |                    Than|Dau                      |Tuat|<Quan Loc>                   |
|       (V)Tham Lang          |----+------------------------+-------------------------+----|       (H)Thien Dong         |
|                             |    |                                                  |    |                             |
| +Thai          -Thien Khong |    |            Ho ten: dinh mao                      |    | +Thien Viet    -Dai Hao     |
| +Thanh Long    -Thien La    |    |            Sanh  : 11 Thang 5                    |    | +Van Xuong     -Thien Hu    |
| +Thieu Duong                |    |            Nam   : Dinh Mao                      |    | +Hoa Quyen     -Tue Pha     |
|                             |    |            Gio   : Suu                           |    | +Luu Nien      -Suy         |
|                             |    |            Tuoi  : Am Nam                        |    |                             |
|                             |    |            Menh  : Lo Trung Hoa                  |    |                             |
|  16                         |Ngo |            Cuc   : Hoa Luc Cuc                   |Hoi |  86                         |
+-----------------------------+----|                    am duong thuan ly             |----+-----------------------------+
|<Phu The>                    |Ty  |                    Menh Cuc Binh Hoa             |Ti  |<No Boc>                     |
|       (H)Thai am            |    |        Sao chu menh  : +Van Khuc                 |    |       (M)Vu Khuc            |
|                             |    |        Sao chu than  : Thien Dong                |    |                             |
| +Duong         -Thai Tue    |    |                                                  |    | +De Vuong      -Benh Phu    |
| +Hoa Loc       -Thien Khoc  |    |                                                  |    | +Long Duc      -Dia Khong   |
| +Phong Cao     -Tieu Hao    |    |                                                  |    | +Thien Tho     -ThienThuong |
|                             |    |                                                  |    |                -Dia Vong    |
|                             |----+------------------------+-------------------------+----|                             |
|  26                         |Thin|                     Mao|Dan                      |Suu |  76                         |
+----------[Triet]------------+-----------------------------+-----------------------------+----------[Tuan]-------------+
|<Tu Tuc>                     |<Tai Bach>                   |<Tat ach>                    |<Thien Di>                   |
|       (M)Tu Vi              |       (D)Thien Co           |       (M)Pha Quan           |       (H)Thai Duong         |
|       (M)Thien Phu          |                             |                             |                             |
| +Quoc an       -Truc Phu    | +Hoa Khoa      -Qua Tu      | +Dao Hoa       -Dau Quan    | +Thien Khoi    -Linh Tinh   |
| +Thien Quan                 | +Moc Duc       -Thien Hinh  | +Hong Loan     -Dia Kiep    | +Dia Giai      -Bach Ho     |
| +Trang Sinh                 | +Tau Thu       -Dieu Khach  | +Phi Liem      -Thien Su    | +Hy Than                    |
| +Tuong Quan                 |                             | +Phuc Duc                   | +Lam Quan                   |
|                             |                             | +Quan Doi                   | +Thien Phuc                 |
|                             |                             | +Thien Duc                  | +Duong Phu                  |
|                             |                             | +Thien Giai                 |                             |
|  36                         |  46                         |  56                         |  66                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<No Boc>                     |<Thien Di>            <Than>|<Tat ach>                    |<Tai Bach>                   |
|       (H)Cu Mon             |       (V)Thien Tuong        |       (D)Thien Luong        |       (M)That Sat           |
|                             |       (V)Liem Trinh         |                             |                             |
| +Thien Viet    -Benh        | +Hy Than       -Tu          | +Hong Loan     -Benh Phu    | +Thien Y       -Dai Hao     |
| +Phi Liem      -Kiep Sat    | +Thien Phuc    -Dieu Khach  | +Hoa Loc       -Truc Phu    | +Thien Tai     -Dia Kiep    |
| +Phuc Duc      -ThienThuong |                             | +Mo            -Qua Tu      |                -Thai Tue    |
| +Thien Duc                  |                             | +Quoc an       -Thien Su    |                -Thien Rieu  |
|                             |                             |                             |                -Tuyet       |
|  53                         |  63                         |  73                         |  83                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Quan Loc>                   |Mao |                   Thin|Ty                      |Ngo |<Tu Tuc>                     |
|       (V)Tham Lang          |----+-----------------------+------------------------+----|       (H)Thien Dong         |
|                             |    |                                                |    |                             |
| +Hoa Cai       -Bach Ho     |    |            Ho ten: Nham Than                   |    | +Dao Hoa       -Pha Toai    |
| +Tau Thu       -Thien Hinh  |    |            Sanh  : 3 Thang 8                   |    | +Luu Nien      -Phuc Binh   |
| +Duong Phu     -Suy         |    |            Nam   : Nham Than                   |    | +Thai          -Thien Khong |
|                -Thien La    |    |            Gio   : Dau                         |    | +Thieu Duong                |
|                             |    |                                                |    | +Thien Tru                  |
|                             |    |            Tuoi  : Duong Nam                   |    |                             |
|                             |    |            Menh  : Kiem Phong Kim              |    |                             |
|                             |    |            Cuc   : Moc Tam Cuc                 |    |                             |
|  43                         |Dan |                                                |Mui |  93                         |
+-----------------------------+----|                    am duong thuan ly           |----+-----------------------------+
|<Dien Trach>                 |Suu |                    Menh Khac Cuc               |Than|<Phu The>                    |
|       (H)Thai am            |    |      Sao chu menh  : Liem Trinh                |    |       (M)Vu Khuc            |
|                             |    |      Sao chu than  : Thien Luong               |    |                             |
| +Thien Khoi                 |    |                                                |    | +Duong         -Da La       |
| +Huu Bat                    |    |                                                |    | +Thien Quan    -Dau Quan    |
| +De Vuong                   |    |                                                |    |                -Hoa Ky      |
| +Long Duc                   |    |                                                |    |                -Quan Phu    |
| +Thai Phu                   |    |                                                |    |                -Tang Mon    |
| +Thien Giai                 |    |                                                |    |                -Thien Khoc  |
| +Tuong Quan                 |    |                                                |    |                -Dia Vong    |
|                             |----+-----------------------+------------------------+----|                             |
|  33                         |Ti  |                    Hoi |Tuat                   |Dau |  103                        |
+----------[Triet]------------+-----------------------------+-----------------------------+---------[Tuan]--------------+
|<Phuc Duc>                   |<Phu Mau>                    |<Menh>                       |<Huynh De>                   |
|       (M)Tu Vi              |       (D)Thien Co           |       (M)Pha Quan           |       (H)Thai Duong         |
|       (M)Thien Phu          |                             |                             |                             |
| +An Quang      -Dia Khong   | +Van Xuong     -Linh Tinh   | +Long Tri      -Kinh Duong  | +Ta Phu        -Hoa Tinh    |
| +Dia Giai      -Thien Hu    | +Van Khuc      -Tu Phu      | +Luc Si        -Quan Phu    | +Loc Ton       -Co Than     |
| +Giai Than     -Tieu Hao    | +Bat Toa                    | +Moc Duc                    | +Bac Si        -Luu Ha      |
| +Hoa Quyen     -Tue Pha     | +Nguyet Duc                 | +Thien Quy                  | +Hoa Khoa                   |
| +Lam Quan                   | +Quan Doi                   |                             | +Phong Cao                  |
| +Phuong Cac                 | +Tam Thai                   |                             | +Thieu am                   |
| +Thien Ma                   | +Thanh Long                 |                             | +Trang Sinh                 |
| +Thien Tho                  | +Thien Hi                   |                             |                             |
|  23                         |  13                         |   3                         |  113                        |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

a) Đinh Mão ngày 11 tháng 5 giờ Sửu (thọ ngoài 70)

b) Nhâm Thân sanh ngày 3 tháng 8 giờ Dậu (thọ ngoài 50)

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Huynh De>                   |<Menh>  (V)Thien Tuong       |<Phu Mau>                    |<Phuc Duc>                   |
|       (H)Cu Mon             |        (V)Liem Trinh        |       (D)Thien Luong        |       (M)That Sat           |
|                             |                             |                             |                             |
| +Thien Viet    -Kiep Sat    | +Van Xuong     -Hoa Tinh    | +Duong         -Benh Phu    | +Van Khuc      -Bach Ho     |
| +Nguyet Duc    -Pha Toai    | +An Quang      -Linh Tinh   | +Hoa Loc       -Dia Khong   | +Thien Quy     -Dai Hao     |
| +Phi Liem      -Thien Hinh  | +Hy Than       -Thien Hu    | +Long Duc                   | +Trang Sinh    -Dau Quan    |
|                -Tu Phu      | +Phong Cao     -Thien Khoc  | +Quoc an                    |                             |
|                -Tuyet       | +Thai          -Tue Pha     |                             |                             |
|                             | +Thien Phuc                 |                             |                             |
|                             | +Thien Tai                  |                             |                             |
|  112                        |   2                         |  12                         |  22                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Phu The>                    |Mui |                   Than|Dau                     |Tuat|<Dien Trach>                 |
|       (V)Tham Lang          |----+-----------------------+------------------------+----|       (H)Thien Dong         |
|                             |    |                                                |    |                             |
| +Hoa Cai       -Quan Phu    |    |            Ho ten: nham ti                     |    | +Dao Hoa       -Phuc Binh   |
| +Long Tri      -Thien La    |    |            Sanh  : 2 Thang 9                   |    | +Luu Nien      -Thien Rieu  |
| +Mo                         |    |            Nam   : Nham Ti                     |    | +Moc Duc                    |
| +Thien Giai                 |    |            Gio   : Thin                        |    | +Phuc Duc                   |
| +Tau Thu                    |    |                                                |    | +Thien Duc                  |
| +Duong Phu                  |    |            Tuoi  : Duong Nam                   |    | +Thien Hi                   |
|                             |    |            Menh  : Tang Do Moc                 |    | +Thien Y                    |
|                             |    |            Cuc   : Thuy Nhi Cuc                |    | +Thien Tru                  |
|  102                        |Ngo |                                                |Hoi |  32                         |
+-----------------------------+----|                    am duong thuan ly           |----+-----------------------------+
|<Tu Tuc>                     |Ty  |                    Cuc Sinh Menh               |Ti  |<Quan Loc>                   |
|       (H)Thai am            |    |      Sao chu menh  : Tham Lang                 |    |       (M)Vu Khuc            |
|                             |    |      Sao chu than  : -Linh Tinh                |    |                             |
| +Thien Khoi    -Dia Kiep    |    |                                                |    | +Giai Than     -Da La       |
| +Hong Loan     -Tu          |    |                                                |    | +Phuong Cac    -Hoa Ky      |
| +Dia Giai                   |    |                                                |    | +Quan Doi      -Qua Tu      |
| +Thieu am                   |    |                                                |    | +Thai Phu      -Quan Phu    |
| +Tuong Quan                 |    |                                                |    | +Thien Quan    -Dieu Khach  |
|                             |    |                                                |    |                -Dia Vong    |
|                             |----+-----------------------+------------------------+----|                             |
|  92                         |Thin|                    Mao |Dan                    |Suu |  42                         |
+-------[Tuan]-[Triet]--------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Tai Bach>            <Than>|<Tat ach>                    |<Thien Di>                   |<No Boc>                     |
|       (M)Tu Vi              |       (D)Thien Co           |       (M)Pha Quan           |       (H)Thai Duong         |
|       (M)Thien Phu          |                             |                             |                             |
| +Huu Bat       -Benh        | +Bat Toa       -Thien Khong | +Ta Phu        -Kinh Duong  | +Loc Ton       -Truc Phu    |
| +Hoa Quyen     -Co Than     | +Tam Thai      -Thien Su    | +De Vuong      -Thai Tue    | +Bac Si        -Luu Ha      |
| +Thien Ma      -Tang Mon    | +Thanh Long    -Suy         | +Hoa Khoa                   | +Lam Quan      -ThienThuong |
| +Thien Tho     -Tieu Hao    | +Thieu Duong                | +Luc Si                     |                             |
|  82                         |  72                         |  62                         |  52                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Hai tuổi này tuy Mệnh Thân khác nhau, nhưng cùng một hoàn cảnh : người hỏng Mệnh được Thân (Đinh Mão) người được Mệnh lại hỏng Thân (Nhâm Thân). Cả 2 đều ý thức được cuộc sống đời mình (vị trí Quan Phù) nên phải hành động thế nào cho

khỏi thiếu bổn phận, đều trở về cõi đất trong cuối hạn đắc thiên thời có Bạch Hổ Đường Phù để ghi tên muôn thuở.

Tuổi thứ 3 sinh năm Nhâm Tí ngày 2 tháng 9 giờ Thìn với Liêm Tướng thủ mệnh ở Ngọ và Tử Phủ (Thân) ở Dần bị cả Tuần lẫn Triệt. Hai chữ Tài Thọ tự tạo nên một Ngô Thời Nhiệm, nơi qui tụ tất cả cái gì liêm chí khẳng khái mà không mấy ai hiểu rõ lòng, vị trí Tuế Phá (Mệnh) và Tang môn (Thân) vì Cô Quả Quan Phúc dẫn dắt cuộc đời trải qua bao sóng gió (3 đại vận 32-41, 42-51, 52-61) vượt qua 2 chữ THỌ (50 và 60) đành khoanh tay trước một thiên thời đắc cách (Thái Tuế) với Phá Quân Kình Dương ở Tí liên hiệp Bạch Hổ Đường Phù tam hợp, được Cô Thần mời rước năm Thìn làm linh thần thọ đắc xa xăm tiếng dội.

NHỮNG TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ

CỦA LỤC BẠI TINH

Trong Tử vi có 6 sao bị liệt danh là bại tinh phá hỏng mọi sinh hoạt: Song Hao, Tang Bạch, Khốc Hư.

Hai chữ Song Hao (Đại Tiểu Hao) cũng đủ nghĩa lắm rồi. Tử Phủ ngộ Hao thì danh dự tiền tài phải sút kém. Trường hợp với Sát Phá Tham thấy nhiều dị biệt:

a) Thất sát gặp Hao là tang thương chực sẵn ngay bên.

b) Phá Quân gặp Hao thì tài sản sẵn sàng khánh kiệt.

c) Tham Lang gặp Hao lại là cảnh sung túc của người kín đáo.

Riêng đối với bộ Cự Cơ ở tứ chính (Tí Ngọ Mão Dậu) Song Hao thành một bộ phận rất quan trọng:

a) Cơ gặp Hao, mưu tính mọi sự được thông đạt dễ dàng.

b/ Cự rất cần Hao để có gì mài dũa trở thành quí giá (ám tinh Thạch trung ẩn ngọc).

Tang Bạch hai chữ đứng với nhau, tưởng có phần nào lạm ý. Tang môn là tư thế lo âu bất đắc ý. Còn Bạch hổ là một thành phần trong tam hợp Thái Tuế có thành ý xây dựng bằng tất cả khả năng hầu mong thành công. Chỉ trừ trường hợp Bạch Hổ gặp Đường Phù, mãn nguyện cho ai trở nên thần linh ghi danh hậu thế, nhưng nội tâm vẫn chưa cho phép mãn nguyện.

Khốc Hư đọc lên như 2 tiếng thét kêu thảm thiết, nhưng mỗi sao có một đường hướng riêng nên tuy bắt đầu cùng một gốc ở Ngọ mà đi, mỗi sao có một cá tính riêng.

Khốc thuộc âm đi nghịch. Hư thuộc dương đi xuôi.

Nhận thấy riêng Hư không bao giờ gặp Thái Tuế mà thường trực có Tuế Phá, thành chữ Phá Hư trùng điệu hoà nhịp. Tưởng không còn lý do gì đắc ý, luôn luôn trong cảnh bất mãn.

Khốc theo đường nghịch hướng, trên khắp cung dương đều có đôi bạn Thiên Mã Điếu khách được ghi là ngựa có nhạc khua tức là hãnh diện với đời. Sự thật có phải thế không ?

Thưa rằng còn nhiều chi tiết phải phân tích cho hợp lý tốt xấu. Nếu chỉ có Mã Khốc Khách tức là luôn luôn trong thế bất mãn (Tuế Phá, Tang môn, Điếu khách) lại cho là hãnh diện, thật không hợp lý. Chắc chắn phải thiếu một thành phần quan trọng mà bỏ sót. Đây là Lộc Tồn, Lộc Mã Khốc Khách, ngựa được no béo mới chạy có nhịp khá vang dội.

Trường hợp ngoại lệ này chỉ có 2 tuổi Giáp và Canh mới có, mà phải là Giáp Thân Tí Thìn và Canh Dần Ngọ Tuất. Ngoài ra không một tuổi nào đắc Lộc Mã Khốc Khách. Trái hẳn với người Thái Tuế tuổi Giáp phải là Dần Ngọ Tuất mà Canh thì phải Thân Tí Thìn, vì Mã chỉ đứng trong hàng ngũ đối lập. Phần ngoại lệ này ban phát cho người đầy nghị lực, nhiều hay ít tuỳ theo mức độ như sau:

1) Canh Tuất
2) Giáp Thìn
3) Giáp Tí
4) Giáp Thân và Canh Ngọ
5) Canh Dần (nhiều nhất là Canh Tuất, tối thiểu là Canh Dần).

Trên các âm cung Thiên Khốc thường trực trong tam hợp Thái Tuế, vì thế 4 chính cung Tí Ngọ Mão Dậu được liệt vào chỗ đắc địa (2 dương cung Khốc Hư đứng chụm thành nhiều tiếng dội, 2 âm cung Khốc sát nách Thái Tuế).

Quân sư Khổng Minh sanh năm Tân Dậu ngày 10 tháng 4 giờ Tuất, Tả Hữu Điếu khách nhập Mệnh được Thái Âm Hợi chiếu lên. Đây là tư cách một thầy đời hữu công vô lao, phù hợp với Thái Dương ở Mão thủ THÂN bị lôi cuốn vào một thế hệ không sao giữ nổi chánh nghĩa mặc dầu cố hết công trình xây dựng (Mộc mệnh sinh xuất cho Thái Dương, nghịch lý âm dương) Mệnh Thân Quyền Phá Hư đối diện Thiên Di Thái Tuế Thiên Khốc, rõ ràng mình ở thế xuống dốc mà kẻ đối nghịch được chính nghĩa dội vang hoà hợp ở thế Kim khắc Mộc, rốt cuộc họ thắng.

```
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<Phu The>                  |<Huynh De>                 |<Menh>                     |<Phu Mau>                  |
|      (V)Thien Co          |      (M)Tu Vi             |                           |      (H)Pha Quan          |
|                           |                           |                           |                           |
| +Luu Nien     -Hoa Tinh   | +Thien Khoi   -Tieu Hao   | +Huu Bat      -Qua Tu     | +An Quang     -Da La      |
| +Quoc an      -Bach Ho    | +Duong                    | +Ta Phu       -Dieu Khach | +Luc Si       -Truc Phu   |
| +Thien Phuc   -Pha Toai   | +Dao Hoa                  | +Thai                     |               -Tuyet      |
| +Trang Sinh               | +Hong Loan                | +Thanh Long               |                           |
| +Tuong Quan               | +Phuc Duc                 |                           |                           |
|                           | +Thien Duc                |                           |                           |
|                           | +Thien Quy                |                           |                           |
|                           | +Thien Tru                |                           |                           |
|  24                       |  14                       |   4                       |  114                      |
+---------[Triet]-----------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<Tu Tuc>                   |Mui |                  Than|Dau                   |Tuat|<Phuc Duc>                 |
|      (H)That Sat          |----+----------------------+----------------------+----|                           |
|                           |    |                                             |    |                           |
| +Long Duc     -Dau Quan   |    |          Ho ten: Khong Minh                 |    | +Loc Ton      -Dia Kiep   |
| +Moc Duc      -Thien Rieu |    |          Sanh  : 10 Thang 4                 |    | +Bac Si       -Thai Tue   |
| +Tam Thai     -Luu Ha     |    |          Nam   : Tan Dau                    |    | +Mo           -Thien Khoc |
| +Thai Phu     -Thien La   |    |          Gio   : Tuat                       |    | +Thien Quan               |
| +Thien Y                  |    |                                             |    |                           |
| +Tau Thu                  |    |          Tuoi  : Am Nam                     |    |                           |
| +Thien Tai                |    |          Menh  : Thach Luu Moc              |    |                           |
|                           |    |          Cuc   : Kim Tu Cuc                 |    |                           |
|  34                       |Ngo |                                             |Hoi |  104                      |
+---------------------------+----|                  am duong thuan ly          |----+---------------------------+
|<Tai Bach>           <Than>|Ty  |                  Cuc Khac Menh              |Ti  |<Dien Trach>               |
|      (V)Thai Duong        |    |  Sao chu menh  : +Van Khuc                  |    |      (V)Thien Phu         |
|      (V)Thien Luong       |    |  Sao chu than  : Thien Dong                 |    |      (M)Liem Trinh        |
| +Hoa Quyen    -Thien Hu   |    |                                             |    | +Bat Toa      -Kinh Duong |
| +Phi Liem     -Tue Pha    |    |                                             |    | +Dia Giai     -Quan Phu   |
| +Quan Doi                 |    |                                             |    | +Thieu Duong  -Thien Khong|
|                           |    |                                             |    |               -Tu         |
|                           |    |                                             |    |               -Dia Vong   |
|                           |----+----------------------+----------------------+----|                           |
|  44                       |Thin|                  Mao |Dan                   |Suu |  94                       |
+---------------------------+------------------------[Tuan]-------------------------+---------------------------+
|<Tat ach>                  |<Thien Di>                 |<No Boc>                   |<Quan Loc>                 |
|      (M)Thien Tuong       |      (H)Thien Dong        |      (H)Tham Lang         |      (M)Thai am           |
|      (V)Vu Khuc           |      (H)Cu Mon            |                           |                           |
| +Thien Viet   -Kiep Sat   | +De Vuong     -Linh Tinh  | +Van Xuong    -Dai Hao    | +Thien Giai   -Benh       |
| +Van Khuc     -Tu Phu     | +Giai Than    -Benh Phu   | +Phong Cao    -Hoa Ky     | +Thien Ma     -Co Than    |
| +Hoa Khoa     -Thien Su   | +Hoa Cai      -Dia Khong  | +Thien Hi     -Thien Hinh |               -Phuc Binh  |
| +Hy Than                  | +Hoa Loc      -Quan Phu   | +Thien Tho    -ThienThuong|               -Tang Mon   |
| +Lam Quan                 | +Long Tri                 | +Thieu am     -Suy        |                           |
| +Nguyet Duc               | +Phuong Cac               |                           |                           |
| +Duong Phu                |                           |                           |                           |
|  54                       |  64                       |  74                       |  84                       |
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
```

```
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<Tai Bach>                 |<Tu Tuc>                   |<Phu The>                  |<Huynh De>                 |
|      (D)Thien Tuong       |      (M)Thien Luong       |      (D)That Sat          |                           |
|                           |                           |      (D)Liem Trinh        |                           |
| +Dia Giai     -Da La      | +Loc Ton                  | +Van Xuong    -Linh Tinh  | +Thanh Long   -Truc Phu   |
| +Phong Cao    -Bach Ho    | +Bac Si       -Hoa Tinh   | +Van Khuc     -Kinh Duong | +Trang Sinh   -Dia Khong  |
| +Thien Tru    -Pha Toai   | +Dao Hoa                  | +Duong        -Qua Tu     |               -Luu Ha     |
|               -Quan Phu   | +Hong Loan                | +Luc Si       -Thien Hinh |                           |
|               -Tuyet      | +Phuc Duc                 |               -Dieu Khach |                           |
|                           | +Thai                     |                           |                           |
|                           | +Thien Duc                |                           |                           |
|                           | +Thien Giai               |                           |                           |
|                           | +Thien Tai                |                           |                           |
|  85                       |  95                       |  105                      |  115                      |
+---------[Tuan]------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<Tat ach>                  |Hoi |                  Tuat|Dau                   |Than|<Menh>                     |
|      (H)Cu Mon            |----+----------------------+----------------------+----|                           |
|                           |    |                                             |    |                           |
| +Long Duc     -Hoa Ky     |    |          Ho ten: Tuong Pho phu              |    | +Thien Viet   -Thai Tue   |
| +Mo           -Phuc Binh  |    |          Sanh  : 22 Thang 11                |    | +Luu Nien     -Thien Khoc |
|               -Thien Su   |    |          Nam   : Dinh Dau                   |    | +Moc Duc      -Tieu Hao   |
|               -Thien La   |    |          Gio   : Mao                        |    | +Thai Phu                 |
|                           |    |                                             |    |                           |
|                           |    |          Tuoi  : Am Nu                      |    |                           |
|                           |    |          Menh  : Son Ha Hoa                 |    |                           |
|                           |    |          Cuc   : Tho Ngu Cuc                |    |                           |
|  75                       |Ti  |                                             |Mui |   5                       |
+---------------------------+----|                  am duong thuan ly          |----+---------------------------+
|<Thien Di>           <Than>|Suu |                  Menh Sinh Cuc              |Ngo |<Phu Mau>                  |
|      (B)Tu Vi             |    |  Sao chu menh  : +Van Khuc                  |    |      (H)Thien Dong        |
|      (H)Tham Lang         |    |  Sao chu than  : Thien Dong                 |    |                           |
| +An Quang     -Dai Hao    |    |                                             |    | +Hoa Quyen    -Thien Khong|
| +Bat Toa      -Thien Hu   |    |                                             |    | +Quan Doi     -Dia Vong   |
|               -Tu         |    |                                             |    | +Thieu Duong              |
|               -Tue Pha    |    |                                             |    | +Tuong Quan               |
|                           |----+----------------------+----------------------+----|                           |
|  65                       |Dan |                  Mao |Thin                  |Ty  |  15                       |
+---------[Triet]-----------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<No Boc>                   |<Quan Loc>                 |<Dien Trach>               |<Phuc Duc>                 |
|      (H)Thien Co          |      (B)Thien Phu         |      (H)Thai Duong        |      (H)Pha Quan          |
|      (H)Thai am           |                           |                           |      (H)Vu Khuc           |
| +Ta Phu       -Benh       | +Giai Than    -Quan Phu   | +Huu Bat                  | +Thien Khoi               |
| +Hoa Khoa     -Benh Phu   | +Hoa Cai      -Suy        | +De Vuong                 | +Lam Quan     -Co Than    |
| +Hoa Loc      -Dau Quan   | +Hy Than                  | +Phi Liem                 | +Tam Thai     -Tang Mon   |
| +Nguyet Duc   -Dia Kiep   | +Long Tri                 | +Thien Hi                 | +Thien Ma     -Thien Rieu |
| +Quoc an      -Kiep Sat   | +Phuong Cac               | +Thien Tho                | +Thien Phuc               |
| +Thien Quan   -Tu Phu     |                           | +Thieu am                 | +Thien Quy                |
|               -ThienThuong|                           |                           | +Thien Y                  |
|                           |                           |                           | +Tau Thu                  |
|                           |                           |                           | +Duong Phu                |
|  55                       |  45                       |  35                       |  25                       |
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
```

Tương Phố phu nhân sinh năm Đinh Dậu ngày 22 tháng 11 giờ Mão. Mệnh vô chính diệu đắc Thái Tuế Thiên Khốc, Thân Tử Tham Phá Hư Xương Khúc Khôi Việt Song Hao. Những tiếng khóc chồng lâm ly của bà (giọt lệ thu) kém gì lời gào thét uất hận

"Thiên Hồ! Đế Hồ" (Trời Đất Thánh Thần ơi) của Sào Nam Tiên sinh đứng trước quốc nạn.

Thiên Khốc Thái Tuế đưa thân thế bà lên hàng danh dự cao đẳng phụ nữ, Song Hao lưu truyền mãi mãi.

Lục bại tinh không khác gì những đường tơ nối chỉ trên mặt lụa, người thợ cố công vê xe cho tròn dệt nên những bông hoa tươi đẹp. Nhưng nhìn kỹ vẫn thấy những mối chắp nối không được trơn nhẵn.

LUẬT ÂM DƯƠNG CỦA ĐỊA BÀN THAY ĐỔI HẲN TÌNH TRẠNG CÁC CHÍNH TINH

Mặt địa bàn chia làm thành 12 cung theo luật âm dương xen kẽ hoạch định thành 3 đường lối:

a) Tứ sinh gồm có 2 cung dương (Dần Thân) và 2 cung âm (Tỵ Hợi).

b) Tứ chính có 2 cung dương (Tí Ngọ) và 2 cung âm (Mão Dậu).

c) Tứ Mộ có 2 cung dương (Thìn Tuất) và 2 cung âm (Sửu Mùi).

Mười bốn chính tinh cũng theo phép âm dương chia thành 2 nhóm:

1. Tử vi, Thiên Cơ, Thái Dương, Vũ khúc, Thiên Đồng, Liêm Trinh thuộc dương xuất phát nghịch hướng.

2. Thiên Phủ, Thái âm, Tham Lang, Cự môn, Thiên Tướng, Thiên Lương, Thất Sát, Phá Quân đi theo chiều thuận thuộc âm.

Khi đã an vị rồi, 14 chính tinh này thấy tập hợp thành từng khối: Sát Phá Liêm Tham, Tử Phủ Vũ Tướng đứng chung một phái. Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật lập thành một phái. Hai phái này không bao giờ có thành phần đứng lẫn lộn với nhau. Tuy đứng thành 2 phái, ở trong còn phân chia ra thành từng bộ như bên a có bộ Sát Phá Liêm Tham và bộ Tử Phủ Vũ Tướng, bên b có bộ Cơ Nguyệt Đồng Lương và Cự Nhật.

Bốn bộ sao này phải tập hợp dưới thế đứng chân vạc làm tam hợp mới đủ cách. Những sao của một bộ cứ việc tìm kiếm tam hợp của mình mà đóng, trường hợp không đủ sao thì bỏ trống

(vô chính diệu). Không thể lấy sao bên nọ lấp chỗ cho bên kia, vì thế mới thấy có chỗ 1 sao đứng chơ vơ một mình, có nơi 2 sao thành cặp bộ đôi, có chỗ hưu quạnh như xa mạc.

Nhiều trường hợp chiếu trong tam hợp, nhiều bộ sao không đủ cách như Thiên Phủ ở Hợi với Thiên Tướng ở Mão, còn ở Mùi vô chính diệu như vậy chỉ còn Phủ Tướng mà thôi. Cũng như Thái Dương Thiên Lương ở Mão gặp 1 Thái âm ở Hợi, còn Mùi cũng vô chính diệu tức chỉ là Nhật Nguyệt không phải là Cơ Nguyệt Đồng Lương hay Cự Nhật.

Riêng bộ Sát Phá Liêm Tham luôn luôn 3 sao Sát Phá Tham đầy đủ không bao giờ thiếu, vì thế ảnh hưởng rất mạnh với tư cách thực hành là bản ngã của hạng vai u thịt bắp dám làm không ngại. Vì thế mỗi khi đáo hạn Sát Phá Tham là có những cuộc thăng trầm khá quan trọng phối hiệp cùng thế thiên thời thuận hay nghịch cảnh.

Đã biết mỗi đường lối dầu là Sinh, Chính hay Mộ đều có từng cặp cung dương và cung âm. Theo cách an sao thì khi thấy 2 sao tụ họp ở bên cung dương thì khi đóng ở âm cung phải chia lìa đối xứng như:

Tử Phủ ở Dần Thân (dương) khi đóng ở âm cung thì Tử vi nếu ở Tỵ Thiên Phủ đương nhiên phải ở Hợi, trái lại Tử vi ở Hợi, Thiên Phủ đóng ngay ở Tỵ.

Cơ Lương ở Thìn hay Tuất (Dương) khi đóng ở âm cung nếu Cơ ở Sửu thì Lương ở Mùi trái lại Cơ ở Mùi thì Lương ở Sửu.

Đây là đạo luật hợp xung:

Hợp là nhập bọn, xung là chống cự. Hai bên đều có vây cánh tìm cách lấn nhau, chỉ có thắng là lấn được người, còn như bại mọi sự đều thua thiệt. Đó là lý lẽ của xung. Vì thế ý nghĩa của Hợp và Xung phải khác nhau.

Liêm Tham ở Tỵ (ÂM) thấy tam hợp từ Vũ Sát đến Vũ Phá là bối cảnh đưa đến tối đen. Nhưng Liêm ở Thân (Dương) Tham ở Dần (D) lại khác hẳn cùng đường lối tứ sinh.

Liêm nhập đoàn với Tử Tướng ở Thìn và Vũ Phủ ở tí thành bộ Tử Phủ Vũ Tướng chinh phạt Phá Quân. Bên kia Tham Lang ở Dần đứng vào hàng ngũ Phá Quân ở Tuất và Thất Sát ở Ngọ thành môt quân đoàn dám đương đầu chống cự Tử Phủ.

Sự thất bại, chánh đáng hay không còn nhờ ở một vài yếu tố khác là bên nào có Thái Tuế, thế xung bên nào khắc xuất bên nào để đi đến chung cuộc.

THẬT KHÉO HAI CHỮ TÀI THỌ

Sau khi đọc truyện Kiều, ai học lý số cũng phải công nhận tiên hiền Nguyễn Du là một nhà đại danh lý số. Cụ đã khéo diễn tả những nhân vật trong sách như một bản lập thành tử vi kiệt tác:

Làn thu thuỷ nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

Là hình bóng của Đồng Âm cư Tí đắc Hồng Đào, oan nghiệt bị bồi thêm Hoá Kỵ. Sắc đẹp cô Kiều đến hoa phải thua thắm, liễu cũng phải nhường xanh tươi khác gì Thái âm ở Tí được Hồng Loan Đào hoa tô màu thắm, rồi bị nghiệp báo Hoá kỵ hờn oán tức là dây tơ hồng bị vấy bùn đen. Cô Vân lại khác:

"Vân xem sang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang"

Đúng là tượng ảnh Thiên Phủ của tuổi Ất Hợi đóng ngay Thái Tuế. Ý nói Thúy Vân đứng đắn phương phi phúc hậu được hưởng phúc (Lộc Tồn tuổi Ất)

Với Từ Hải:

Râu hùm hàm én mày ngài
Vai năm tấc rộng thân mười thước cao
....
Chọc trời khuấy nước mặc dầu
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai.
Chính xác là Phá Quân Tí Ngọ Tuổi Giáp đắc Hoá Quyền
Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo

Phá Quân không những là một kiếm khách giang hồ nhà võ, còn là một nghệ sỹ, một tài tử thấu đáo đàn ngọt hát hay .

Tả Hồ Tôn Hiến:

Nghĩ mình phương diện Quốc gia
Quan trên ngắm xuống người ta trông vào
...
Phải tuồng trăng gió hay sao
Sự này biết tính thế nào được đây?

Rõ ràng là một Nhạc Bất Quần nguỵ quân tử (Tử Phủ Dần Thân Không Kiếp)

Để kết luận truyện Kiều cụ Tố Như tóm tắt bằng 4 câu:

Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa
Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Là tất cả nguyên ý 2 chữ Tài Thọ ở đây.

Tài ngoài ý nghĩa tài năng, còn một ý nghĩa là đo lường cắt giảm, chữ Thọ là nhân hậu.

Nguyên lý Tài do mệnh, Thọ do Thân là luật thừa trừ do định mệnh cắt giảm, còn nhân hậu do bản thân tự đào tạo. Tài Thọ là một đạo lý trá hình bằng 2 sao bắt đầu di chuyển từ Mệnh và Thân đến ở cung nào, mách bảo cho biết phần liên hệ giữa Thân Thế với cung đó đã có sự hoán cải do luật thừa trừ mình đã gây nên như tuổi Đinh Hợi âm nữ sinh ngày 22 tháng 5 Giờ Mùi.

```
+-------------------------------+-------------------------------+-------------------------------+-------------------------------+
|<Thien Di>                     |<Tat ach>                      |<Tai Bach>                     |<Tu Tuc>                       |
|       (H)Pha Quan             |       (M)Thai Duong           |       (D)Thien Phu            |       (V)Thien Co             |
|       (H)Vu Khuc              |                               |                               |       (V)Thai am              |
| +Tam Thai       -Da La        | +Huu Bat        -Dia Kiep     | +Hoa Cai        -Kinh Duong   | +Ta Phu         -Kiep Sat     |
| +Thien Ma       -Quan Phu     | +Loc Ton        -Thien Su     | +Luc Si         -Bach Ho      | +Hoa Khoa       -Luu Ha       |
| +Thien Y        -Thien Rieu   | +Bac Si                       | +Quan Doi       -Thien Khoc   | +Hoa Loc                      |
| +Trang Sinh     -Thien Hu     | +Long Duc                     |                               | +Lam Quan                     |
| +Thien Tru      -Tue Pha      | +Moc Duc                      |                               | +Phuc Duc                     |
|                               |                               |                               | +Thanh Long                   |
|                               |                               |                               | +Thien Duc                    |
|  64                           |  74                           |  84                           |  94                           |
+-------------------------------+----------------------------[Tuan]-----------------------------+-------------------------------+
|<No Boc>                       |Mui |                      Ngo |Ty                        |Thin|<Phu The>                      |
|       (H)Thien Dong           |----+--------------------------+--------------------------+----|       (B)Tu Vi                |
|                               |    |                                                     |    |       (H)Tham Lang            |
| +Duong          -Hoa Tinh     |    |             Ho ten: am nu                           |    | +Thien Viet     -Pha Toai     |
| +Hong Loan      -Dia Khong    |    |             Sanh  : 22 Thang 5                      |    | +Bat Toa        -Tieu Hao     |
| +Hoa Quyen      -Phuc Binh    |    |             Nam   : Dinh Hoi                        |    | +De Vuong       -Dieu Khach   |
| +Nguyet Duc     -Tu Phu       |    |             Gio   : Mui                             |    | +Luu Nien                     |
|                 -ThienThuong  |    |                                                     |    | +Phong Cao                    |
|                 -Thien La     |    |             Tuoi  : Am Nu                           |    |                               |
|                               |    |             Menh  : oc Thuong Tho                   |    |                               |
|                               |    |             Cuc   : Kim Tu Cuc                      |    |                               |
|  54                           |Than|                                                     |Mao |  104                          |
+-------------------------------+----|                     am duong thuan ly               |----+-------------------------------+
|<Quan Loc>                     |Dau |                     Menh Sinh Cuc                   |Dan |<Huynh De>                     |
|                               |    |     Sao chu menh  : Cu Mon                          |    |       (H)Cu Mon               |
|                               |    |     Sao chu than  : Thien Co                        |    |                               |
| +Van Xuong      -Linh Tinh    |    |                                                     |    | +Thien Hi       -Truc Phu     |
| +Long Tri       -Dai Hao      |    |                                                     |    | +Tuong Quan     -Hoa Ky       |
| +Thai           -Quan Phu     |    |                                                     |    | +Thien Tai      -Qua Tu       |
| +Thien Quy                    |    |                                                     |    |                 -Suy          |
|                               |    |                                                     |    |                 -Dia Vong     |
|                               |----+--------------------------+--------------------------+----|                               |
|  44                           |Tuat|                      Hoi |Ti                        |Suu |  114                          |
+----------[Triet]--------------+-------------------------------+-------------------------------+-------------------------------+
|<Dien Trach>                   |<Phuc Duc>               <Than>|<Phu Mau>                      |<Menh>                         |
|                               |       (D)That Sat             |       (V)Thien Luong          |       (D)Thien Tuong          |
|                               |       (D)Liem Trinh           |                               |                               |
| +Quoc an        -Benh Phu     | +Hy Than        -Tang Mon     | +Dao Hoa        -Thien Khong  | +Thien Khoi                   |
| +Thien Quan     -Co Than      | +Mo             -Thien Hinh   | +Phi Liem       -Tu           | +Van Khuc       -Benh         |
| +Thieu am       -Dau Quan     | +Thai Phu                     | +Thien Giai                   | +An Quang       -Thai Tue     |
|                 -Tuyet        |                               | +Thien Tho                    | +Dia Giai                     |
|                               |                               | +Thieu Duong                  | +Giai Than                    |
|                               |                               |                               | +Phuong Cac                   |
|                               |                               |                               | +Thien Phuc                   |
|                               |                               |                               | +Tau Thu                      |
|                               |                               |                               | +Duong Phu                    |
|  34                           |  24                           |  14                           |   4                           |
+-------------------------------+-------------------------------+-------------------------------+-------------------------------+
```

Mệnh (Thái Tuế) Thiên Tướng Thiên Phúc hành nghề cứu nhân độ thế. Thiên tài ở Bào có Cự Môn Hoá Kỵ. Thiên Thọ ở Phụ Mẫu hoà hợp với Thiên Lương. Có phải người này chịu hy sinh thân thế (Thân cư Phúc đức ở vị trí Tang Môn có Liêm Sát Thiên Hình) vì Phúc có phần khiếm khuyết để cho cha mẹ được tiếng hiền lương nhân hậu và anh em cũng được đầy đủ êm đẹp. Nơi đây thấy sự thừa trừ rất nhiều do định mệnh, thân thế băn khoăn nặng lo cho giòng họ gia đình. Cả Mệnh lẫn Thân từ Thiên Tướng đến Liêm trinh Thất sát không phải là nòng cốt. Thiên Phủ ở cung Tài mới là chính diệu hiện nguyên hình người này, thấy ngay đâu là tư cách căn bản của người điều động được Thiên Thọ.

Nếu người tuổi Tí Thân Mệnh đồng cung có nghĩa là định mệnh với mình là một. Nơi đây định mệnh thừa lệnh của Thân. Nếu được Thân Mệnh ở Thái Tuế là người nhân hậu ngay trong huyết quản, chữ Tài cắt dọn tất cả những gì trở ngại cho Mệnh. Là

Tử Vi, hay Thiên Lương, Thiên Tướng, Tài sẽ làm cho đời ngộ nhận nhân phẩm, nhưng rồi ra Thái Tuế sánh đôi với Thiên Thọ sẽ đâu lại hoàn đó. Trường hợp có Tả Hữu là tư cách vạn năng, bằng như đụng nhầm Không Kiếp là sinh bất phùng thời không được hưởng tư tưởng cao đẹp. Người tuổi Ngọ sinh giờ Mão hay Dậu nếu là Mệnh Thái Tuế, Thân phải là Tuế Phá, là người hành động bầy tỏ lòng trinh bạch của mình (Thân đặt ngay Thọ ở Mệnh) thì định mệnh cũng cải chính ngay thân thế (Mệnh đặt Tài ở Thân). Tuy ở trong hoàn cảnh thất ý nhưng lòng son sắt không thiếu nhân hậu.

Biết rằng Thân chỉ có 12 cung số. Thân Mệnh đồng cung, Thân Phúc đức, Thân Quan Lộc, Thân Thiên di, Thân Tài bạch, Thân ở Phối, không bao giờ có ở Phụ, Bào hay Tử là những cung có giây liên lạc hệ trọng với Mệnh vì cá nhân mỗi người có một hành động riêng, ai làm nấy hưởng.

Thân ở 6 cung thường được coi là cường cung thấy rõ ràng luật giang hồ ân oán. Mình thừa hưởng phúc tích luỹ, mình chịu ảnh hưởng công việc hàng ngày, mình gánh chịu kết quả tiếp xúc với ngoài, mình hưởng sự nghiệp ở hoàn cảnh nào, trên đường đời mình đã làm gì trong việc kết tóc se tơ. Từ 6 cung này Tài Thọ kiểm điểm tư cách rồi quyết định đến ở một cung nào trong 12 cung của đương số thêm bớt sao cho hợp lý đi đôi với tính cách cá nhân định mệnh an bài và thân thế cư xử.

THƯƠNG SỨ LÀ 2 ĐỒN CANH CHO 3 ĐOẠN ĐƯỜNG LƯỢN DỐC

Câu nói thường ngày đã thành tục ngữ "49 chưa qua, 53 đã đến". Có ý lo sợ cho ai trong thời gian ngắn ngủi 4 năm mà đến 2 lần xui xẻo có thể về với tổ tiên.

Chữ Thọ là rất quí vì có thọ mới từng trải cuộc đời hướng dẫn cháu con, đâu là đường quang lẽ phải. Thọ có 3 đợt: Sơ Thọ, trung thọ và thượng thọ. Sơ thọ là tuổi 50, người nào mà về cõi năm 49 kể như yểu tử đã phạm một lỗi lầm gì nên không được phép bước tới thêm một bước được liệt vào hàng phước thọ. Cho nên năm 49 được coi như là tối quan trọng. Thường thường trong mỗi thời gian 10 năm có 4 năm cuộc đời thấy mọi lẽ hên xui khác biệt hẳn là 4 con số: 3 và 7 là xui, 5 và 9 là hên, Tại sao vậy?

Tuổi người ta có 2 phần: hàng Can là gốc, hàng Chi là ngọn, như tuổi Giáp Tí thì Giáp là Can thuộc dương mộc, Tí là chi thuộc dương thuỷ thì cứ mỗi năm nào gặp 1 con số 3 hay 7 là những năm bị sinh xuất hay khắc nhập tức là cây bị lay gốc hay bị cắt rễ như 1 tuổi là Giáp Tí. Năm lên 3 tuổi là Bính Dần tức là Giáp sinh Bính là hao mòn cho nên đặt ở ngay cung tật ách (Thiên Sứ). Năm tuổi là năm Mậu Thìn ở Phúc đức chữ Giáp khắc xuất chữ Mậu là Mệnh chiến thắng được năm. Năm 7 tuổi ở Nô (Thiên Thương) là năm Canh Ngọ, chữ Canh khắc chữ Giáp. Đến năm 9 tuổi là Nhâm Thân, Chữ Nhâm sinh cho chữ Giáp ở tử tức có nghĩa là nẩy nở. Vậy có thể xắp xếp:

3,13,23,33,43,53,63 là những năm sinh xuất (chịu đựng)

5,15,25,35,45,55,65 là những năm khắc xuất (phấn đấu)

7,17,27,37,47,57,67 là những năm bị khắc nhập (thua thiệt)

9,19,29,39,49,59,69 là những năm được sinh nhập (hưng vượng) trừ năm 49 hàng Can tuy được sinh nhập như các năm có số 9 khác, nhưng lại là năm Chi đến năm tuổi, nghĩa là năm 49 là năm tuổi của mình. Tại sao năm tuổi lại xấu?

Trong bản lập thành tử vi, vị trí năm tuổi luôn luôn đóng ở thế tam hợp không đắc ý (Tuế Phá Tang Môn Điếu khách). Thiết tưởng từ chỗ thành công (Can sinh nhập) đưa đến chỗ bất mãn, còn gì là tốt đẹp khác gì cây bị úng nước, rễ phải sình, ngọn sẽ tàn héo nên tiền nhân sợ năm tuổi không dám khuyếch trương hành động ở những năm đó.

Thường ngày chỉ nói đến 49 và 53 là 2 đoạn đường đổ dốc trước khi lên khi lên ngôi sơ thọ (50) và trung thọ (60). Còn một đoạn đường nặng nề gay cấn để đưa đến thượng thọ (70) là năm 67. Bất cứ một lão nhân nào đều lâu mau nằm dưỡng bệnh. Năm thiên khắc địa xung rất khó mấy ai vượt nổi mới có câu 70 cổ lai hy hữu. Tại sao lại gọi là thiên khắc địa xung?

Năm 67 tuổi bất cứ người tuổi gì, hàng Can đều bị khắc nhập nên gọi là thiên khắc. Còn hàng Chi đều bị đối nghịch tức là thế xung như tuổi Tí gặp năm Ngọ, tuổi Mùi gặp năm Sửu… Gốc bị cắt xén, ngọn bị dập bể làm sao mà sanh tồn. Mỗi giai đoạn bước tới từ sơ thọ đến thượng thọ đều có 1 đoạn đường đổ dốc để lượn lên, người lái xe phải lành nghề (Thái Tuế) vững tay lái, xe không ham chở nặng (nới tay Quyền Lộc) mới mong an toàn.

Thương Sứ là 2 đồn canh ở giữa 3 đoạn đường này. Thương là tổn hại, Sứ là thừa lệnh. Sứ ở Tật Ách là chấp chưởng thi hành tai ách là một việc làm trúng chỗ. Còn Thương sao lại ở cung Nô, không lẽ người dưới tay người nào cũng mất nhân nghĩa chỉ báo hại mệnh hình thương !

Nô và Ách là 2 mốc độ đoạn đường thời gian bằng nhau dầu đương số là dương nam âm nữ đi xuôi thì thời giam ngoài 50 phải

gặp Thương. Nếu là âm nam dương nữ đi nghịch thì cũng thời gian ngoài 50 phải đụng đối đầu Sứ.

Kiếp nhân sinh khi đã vượt được mức yểu tử 49 thì hạn 53, 67 không chừa ai là không bị Thương Sứ kiểm soát, dầu mình ở vào hạng nào (Thái Tuế hay Tuế Phá, Thiếu Dương hay Thiếu Âm) nam hay nữ, đi xuôi hay đi nghịch.

Người Thái Tuế thi hành sứ mạng đến thế nào hay có gì lầm lỡ. Người Tuế Phá liều lĩnh quá đà hay nương tay hiểu phận. Người Thiếu Dương thị tài lạm dụng nếu biết tu tỉnh. Người Thiếu Âm không biết tự an ủi mà cố lội ngược dòng. Thương Sứ kiểm tra đâu là uẩn khúc oan ứng lập thành quả. Thường tình người đi xuôi là thuận đường nên gặp Thiên Thương trước có phần nhẹ hơn người đi ngược phải đụng độ Thiên Sứ ngay bước đầu. Thiên sứ kể như vị chánh sứ thi hành mệnh lệnh, còn Thiên thương chỉ là phần phụ tá nên có phần nhẹ tay quyết định. Nhưng cũng tuỳ trường hợp. Nếu Thiên Thương có Kình Dương đứng hộ vệ ở Tí Ngọ Mão Dậu thì cảnh quan tha ma bắt thường diễn tả.

Cung Nô của những tuổi Giáp Mậu Canh Nhâm ở tứ Chính thường diễn những cảnh tang thương đau xót mỗi lần đụng độ (tiểu hạn không có gì đại vận gặp Thương Kình là tuổi ngoài 50).

Phải kể tuổi thọ là đáng quí trọng, nhưng mỗi khi ăn mừng tuổi lão thượng thọ (70) sau đó một vài năm nếu là thuỷ nhị cục, các cụ có được giấy mời của vị Đại sứ, kể cũng là phải lúc tham quan non bồng nước nhược (đó là giai đoạn nhập cuộc Thương Sứ, trong vị trí thường có Thiên Không, Không Kiếp, Tang Môn, mấy ai được Long đức hay nói gì Phúc đức trọn vẹn.

Bảng đồng hạn của Tiểu nhi:

1 tuổi ở Mệnh	Khắc nhập
2 tuổi ở Tài	
3 tuổi ở Ách	(Thiên sứ) sinh xuất
4 tuổi ở Phối	
5 tuổi ở Phúc	Khắc xuất
6 tuổi ở Quan	
7 tuổi ở Nô	(Thiên Thương) Khắc nhập
8 tuổi ở Di	
9 tuổi ở Tử	Sinh nhập
10 tuổi ở Bào	
11 tuổi ở Phụ Mẫu	
12 tuổi ở Điền	

NHỮNG ĐẤNG ĐỨC HẠNH CAO DẦY
KHÔNG CÓ GÌ NGĂN CẢN NHIỆM VỤ

Thường thường ở những ngã tư ngõ rẽ các đô thị thấy có người đồng phục đứng giữ trật tự lưu thông quần chúng. Mỗi khi có sự gì khả nghi cần kiểm soát, họ ngăn chặn bộ hành dầu là ngựa xe lộng lẫy cũng phải có một thời gian chờ đợi. Nhưng nếu gặp những vị áo dài đen lụng thụng hay nâu sòng đầu cạo trọc là họ nhường bước để đi thong thả. Những người đồng phục này có phận sự điều chỉnh lộ trình đang bế tắc được lưu thông hay đang lưu thông thành bế tắc, tóm lại công việc của họ làm để giải quyết những gì cần hoán cải. Họ đã đóng vai trò TUẦN TRIỆT của lý số. Tuần Triệt là một bộ phận trong máy huyền vi cần sửa chữa bộ phận nào khác đi một ít (Tuần) hay thay đổi hẳn một cách đặc biệt (Triệt) không như cũ những gì có liên hệ giữa hai cung mà Tuần Triệt đứng giữa ranh giới và ảnh hưởng phải theo luật âm dương trở nên nặng nhẹ.

Ảnh hưởng chiếu của Tuần Triệt thấy cả một luận lý khó khăn. Đã đặt đứng giữa 2 cung có nghĩa là chỉ có liên quan tới 2 cung. Không như Thiên Không Thiên Tài nằm ở trong một cung ngoài công việc chi phối cung đó còn có liên lạc dính líu đến tam hợp, nhị hợp, xung phá là thế chung kết tập hợp nên mới có giá trị tới các cung xung chiếu.

Kiểm điểm đức hạnh của 14 chính tinh, bên dương có Tử Phủ cũng như bên Âm có Đồng Lương là những bậc danh nhân hoan hòa đức độ sáng giá như Tử Vi là trên ngôi cao cả, Thiên Phủ là trung hậu bao dung giải quyết những khó khăn bằng phương tiện tiên quyết là ôn hòa. Thiên Đồng thì từ thiện nhưng không quả quyết tính tình hay thay đổi. Khác hẳn là Thiên Lương nhân đức phóng khoáng không chịu gò bó trong một khuôn khổ, tùy hoàn cảnh giao cảm. Bốn vị này chỉ là những phóng ảnh mẫu mực những nếp sống nhân sinh trong thế cuộc. Còn trung tinh là tư cách để tô điểm cho tượng hình thêm khởi sắc (Long Phượng Thai Tọa Quang Quí).

Nói đến những đấng cao dầy đức hạnh phải là những thành phần kiếp sống nặng đòn cân hy sinh về phần tinh thần bác ái, xót xa trước cảnh trầm luân cõi tục.

Trên thế gian có những bậc này thay mặt cho đạo lý, xông pha trần lụy kiếm cách nâng đỡ an ủi tinh thần người đời tỉnh mộng, không ngần ngại sự khó khăn nguy hiểm. Có phải là những

bậc chân chánh tu hành của một đạo giáo (Giám Mục, Hòa Thượng).

Thành phần vô hình là những văn tử Thiên Quan Quí Nhân, Thiên Phúc Quí Nhân, Thiên Ất Quí Nhân, (tam tài) xuống đến Thiên Đức, Nguyệt Đức, Phúc Đức, Long Đức là những linh mục đại đức đứng một địa phương. Thiết tưởng những quí nhân này nơi đâu mà không có vết chân từ thiện từ bi của oai nghiêm nhà trời xuống đến ngục tối a–tỳ, làm gì có sự ngăn cản. Những việc rửa tội, những vụ cầu siêu là những hành động giây phút cảm động làm gì mà chẳng cho thi hành. Kết quả tốt xấu còn tùy ở dương nhân có tiến tới tuân theo cải thiện hay bỏ qua nước chảy đầu vịt.

Thiên Quan, Thiên Phúc đứng trong địa bàn như đã có sự đồng ý với Thiên Ất (Khôi Việt) chia nhau làm việc nghĩa, cũng có chỗ hoàn toàn nghịch lý âm dương để cứu vớt sự lỡ bước của người đời. Còn phần nửa đều phân công đứng cả 2 mặt.

Tuổi Giáp (D)	Thiên Quan ở Mùi (A)	Thiên Phúc ở Dậu (A)	×
Tuổi Ất (A)	Thiên Quan ở Thìn (D)	Thiên Phúc ở Thân (D)	×
Tuổi Bính (D)	Thiên Quan ở Tỵ (A)	Thiên Phúc ở Tý (D)	
Tuổi Đinh (A)	Thiên Quan ở Dần (D)	Thiên Phúc ở Hợi (A)	
Tuổi Mậu (D)	Thiên Quan ở Mão (A)	Thiên Phúc ở Mão (A)	×
Tuổi Kỷ (A)	Thiên Quan ở Dậu (A)	Thiên Phúc ở Dần (D)	
Tuổi Canh (D)	Thiên Quan ở Hợi (A)	Thiên Phúc ở Ngọ (D)	
Tuổi Tân (A)	Thiên Quan ở Dậu (A)	Thiên Phúc ở Tị (A)	×
Tuổi Nhâm (D)	Thiên Quan ở Tuất (D)	Thiên Phúc ở Ngọ (D)	×
Tuổi Quý (A)	Thiên Quan ở Ngọ (D)	Thiên Phúc ở Tị (A)	

Ngắm nhìn những vị trí của Quan Phúc thấy 5 tuổi được Quan Phúc lưu tâm e ngại đồng ý chung lưng ra công cứu vớt là Giáp Ất Mậu Tân Nhâm và có thể có cả Thiên Ất thuận theo.

a)Tuổi Giáp (D) muốn thành công mỹ mãn phải là bộ Sát Phá Tham khi đáo hạn Thiên Không khác gì người trèo cao phải ngã đau. Nếu là mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương gặp hạn Thiên Không là Sát Phá Tham lại còn nguy nan gấp bội cho nên Quan Phúc và cả Thiên Ất đổ dồn đóng ở cung âm đỡ đòn Kình Dương ở Mão.

b)Tuổi Ất (A) Cơ Lương mới có Quyền Lộc mà cung Thìn đối với tuổi âm nam có Đà La tức là Thiên La, nên Quan Phúc và Thiên Ất chia nhau đứng tam hợp Thân Tý Thìn.

c)Tuổi Mậu (D) e ngại nhất Kình Dương, 3 tuổi Dần, Ngọ, Tuất là hạng người Thái Tuế có Kình nhập mệnh ở Ngọ kể như uổng cong sinh thành nên Quan Phúc phải hợp sức đóng ở Mão để chặn Thiên Không và phá bớt Kình (nhập cuộc gặp gỡ nhau). Mặt

khác, Thiên Ất cũng đóng ở Mùi và sử giúp Quan Phúc một tay, còn một phần rửa tội cho 3 tuổi Thân Tí Thìn gặp hạn Thiên Không mặc dù Phá Toái tung hoành ngang dọc.

d)Tuổi Tân (A) đem phước lành (Lộc Tồn) ban phát cho 3 chi Tỵ Dậu Sửu, 3 cung này thường xuyên có Phá Toái lũng đoạn và Tân lại bị Triệt chặt đứt ở Tỵ, như tuổi Tân Tỵ ngoài Triệt ở Tỵ Lộc Tồn còn bị Tuần ngăn đón ở Dậu nên Quan Phúc phải ngồi ngay ở Dậu và Tỵ an ủi cho được phần nào.

Tuổi Nhâm (D) mở rộng địa võng cho 3 tuổi Dần Ngọ Tuất (Đà la đặt lưới ở Tuất) Quan Phúc phải đóng ở Tuất và Ngọ. Còn Thiên Ất đứng ở 2 cung âm (Mão và Tỵ) giúp ích cho Thân Tí Thìn.

Những vị trí sắp xếp trên địa bàn dành cho Thien Quan Thiên Phúc Thiên Ất Lộc Tồn xuống đến Tam Hóa và Lưu Hà do hàng Can ấn định như có sự trù liệu tinh vi vô hình mọi lẽ thừa trừ. Kiếp sống nhân sinh chỉ là kết quả của Thân (vòng Tràng Sinh) nhúng tay gặt hái.

Số Mậu Ngọ sanh ngày 24 tháng 10 giờ Tỵ khiến người học số phải suy tư rất nhiều đâu là bộ mặt chính xác. Mệnh Thái Tuế Vô chính diệu, Thân Điếu khách Cơ Lương. Nơi đây có một dư âm lạm dụng cần phải nhận xét sao cho trúng mức.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Huynh De>                   |<Menh>                       |<Phu Mau>                    |<Phuc Duc>                   |
|       (M)Tu Vi              |                             |                             |                             |
|       (V)That Sat           |                             |                             |                             |
| +Van Xuong     -Linh Tinh   | +De Vuong      -Hoa Tinh    | +Thien Viet    -Thien Khong | +Luu Nien      -Benh        |
| +Loc Ton       -Truc Phu    | +Luc Si        -Kinh Duong  | +Phong Cao     -Suy         | +Thien Ma      -Co Than     |
| +Bac Si        -Pha Toai    | +Thien Tru     -Dia Khong   | +Thanh Long                 |                -Tang Mon    |
| +Lam Quan                   |                -Thai Tue    | +Thieu Duong                |                -Tieu Hao    |
| +Thien Giai                 |                -Thien Hinh  |                             |                             |
| 116                         |   6                         |  16                         |  26                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Phu The>             <Than>|Mui |                     Than|Dau                     |Tuat|<Dien Trach>                 |
|       (M)Thien Co           |----+------------------------+------------------------+----|       (H)Liem Trinh         |
|       (M)Thien Luong        |    |                                                 |    |       (H)Pha Quan           |
| +Dia Giai      -Da La       |    |            Ho ten: mau ngo                      |    | +Van Khuc      -Tu          |
| +Giai Than     -Dia Kiep    |    |            Sanh  : 24 Thang 10                  |    | +Hong Loan                  |
| +Phuong Cac    -Hoa Ky      |    |            Nam   : Mau Ngo                      |    | +Thieu am                   |
| +Quan Doi      -Qua Tu      |    |            Gio   : Ty                           |    | +Tuong Quan                 |
|                -Quan Phu    |    |                                                 |    |                             |
|                -Dieu Khach  |    |            Tuoi  : Duong Nam                    |    |                             |
|                -Thien La    |    |            Menh  : Thien Thuong Hoa             |    |                             |
|                             |    |            Cuc   : Hoa Luc Cuc                  |    |                             |
| 106                         |Ngo |                                                 |Hoi |  36                         |
+-----------------------------+----|                    am duong thuan ly            |----+-----------------------------+
|<Tu Tuc>                     |Ty  |                    Menh Cuc Binh Hoa            |Ti  |<Quan Loc>                   |
|       (H)Thien Tuong        |    |    Sao chu menh  : Pha Quan                     |    |                             |
|                             |    |    Sao chu than  : -Hoa Tinh                    |    |                             |
| +An Quang      -Phuc Binh   |    |                                                 |    | +Hoa Cai       -Quan Phu    |
| +Dao Hoa                    |    |                                                 |    | +Long Tri      -Thien Rieu  |
| +Moc Duc                    |    |                                                 |    | +Mo            -Dia Vong    |
| +Phuc Duc                   |    |                                                 |    | +Thien Tho                  |
| +Thien Duc                  |    |                                                 |    | +Thien Y                    |
| +Thien Hi                   |    |                                                 |    | +Tau Thu                    |
| +Thien Phuc                 |    |                                                 |    | +Duong Phu                  |
| +Thien Quan                 |    |                                                 |    |                             |
|                             |----+------------------------+------------------------+----|                             |
|  96                         |Thin|                     Mao |Dan                     |Suu |  46                         |
+-----------------------------+--------------------[Tuan]-[Triet]--------------------------+-----------------------------+
|<Tai Bach>                   |<Tat ach>                    |<Thien Di>                   |<No Boc>                     |
|       (V)Thai Duong         |       (M)Tham Lang          |       (V)Thien Dong         |       (D)Thien Phu          |
|       (V)Cu Mon             |       (M)Vu Khuc            |       (V)Thai am            |                             |
| +Bat Toa       -Bach Ho     | +Thien Khoi    -Benh Phu    | +Hoa Quyen     -Thien Hu    | +Nguyet Duc    -Kiep Sat    |
| +Trang Sinh    -Dai Hao     | +Huu Bat       -Thien Su    | +Hy Than       -Thien Khoc  | +Phi Liem      -Tu Phu      |
|                -Dau Quan    | +Ta Phu                     | +Tam Thai      -Luu Ha      | +Thai Phu      -Tuyet       |
|                             | +Duong                      | +Thai          -Tue Pha     | +Thien Quy     -ThienThuong|
|                             | +Hoa Khoa                   | +Thien Tai                  |                             |
|                             | +Hoa Loc                    |                             |                             |
|                             | +Long Duc                   |                             |                             |
|                             | +Quoc an                    |                             |                             |
|  86                         |  76                         |  66                         |  56                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Người Mậu Ngọ, Hỏa mệnh không chính tinh, có Địa Không ở Mệnh, Thiên Không ở Phụ Mẫu nhị hợp sinh nhập cho Mệnh và Tuần ở Thiên Di hay nói Mệnh Vô chính Diệu đắc Tam không phú quí khả kỳ (tốt). Sự thật không phải cứ Mệnh nào không chính

tinh mà có 3 không cũng phú quí khả kỳ cả: vì không thuộc hành Hỏa, phải Mệnh Hỏa mới được dự trúng cách. Đây là đợt đầu tuyển lựa các thí sinh dự chung kết mà thôi. Trường hợp trên đây chưa phải là người trúng giải khôi nguyên đắc tam Không và Địa Không ở nơi Ngọ hãm. Thiên Không ở Mùi tối độc ác, chỉ là Ngộ Tam Không, một đời mang hận phù hợp với Thân mắc La Võng (Đà la ở Thìn) với Địa Kiếp Hóa kỵ ở vị trí Điếu khách (bất mãn). Hóa Kỵ Thìn Tuất Sửu Mùi là nước lọc, cái Thân trong sạch Cơ Lương vẫn bị hiểu lầm, dầu có biện bạch cách nào cũng uổng công cho người Mệnh Không Thân Kiếp.

Quan vô chính diệu không có một giá trị gì trong công quyền. Một Hoa Cái nghênh ngang (Kim) không đủ tư cách độc thủ cho người mệnh Hỏa, còn bị thêm Linh Tinh (hãm) tiêu hao, tưởng không nên lăn lộn. Giai đoạn 44-45 là thời gian nhập Quan Phù (Thiên Thời) là để mà xuống (Không Kiếp) thêm Kình HÌNH xâu xé tấm thân nơi La Võng. Dầu sao cũng vẫn là người đáng kính trọng (Thái Tuế) chí khí hiên ngang bất khuất. Hỏa tinh ở Ngọ cốt thủ cho người Hỏa Mệnh. Vai trò Quan Phúc ở Mão chung lưng cố công góp sức vớt người này 3 giai đoạn (16 -25 ở Mùi, 46-55 nhị hợp sinh nhập cho Tuất, 56-65 ở Hợi).

```
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<Tat ach>                  |<Tai Bach>                 |<Tu Tuc>                   |<Phu The>                  |
|       (M)Tu Vi            |                           |                           |                           |
|       (V)That Sat         |                           |                           |                           |
| +Luc Si       -Kinh Duong | +Loc Ton      -Luu Ha     | +Giai Than    -Da La      | +Thien Viet   -Benh       |
| +Thien Ma     -Co Than    | +Bac Si                   | +Hoa Cai      -Dau Quan   | +Nguyet Duc   -Kiep Sat   |
|               -Pha Toai   | +Mo                       | +Long Tri     -Quan Phu   | +Thien Tru    -Phuc Binh  |
|               -Tang Mon   | +Thai Phu                 | +Phuong Cac   -Quan Phu   |               -Tu Phu     |
|               -Thien Hinh | +Thien Hi                 |               -Tu         |                           |
|               -Tuyet      | +Thieu am                 |                           |                           |
|               -Thien Su   |                           |                           |                           |
|  56                       |  46                       |  36                       |  26                       |
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+------[Tuan]-[Triet]-------+
|<Thien Di>                 |Mui |                  Than|Dau                   |Tuat|<Huynh De>                 |
|       (M)Thien Co         |----+----------------------+----------------------+----|       (H)Liem Trinh       |
|       (M)Thien Luong      |    |                                             |    |       (H)Pha Quan         |
| +Van Khuc     -Hoa Ky     |    |          Ho ten: Ky Mao                     |    | +Luu Nien     -Hoa Tinh   |
| +Hoa Khoa     -Thien Khong|    |          Sanh  : 29 Thang 9                 |    | +Thien Quan   -Dai Hao    |
| +Tam Thai     -Thien La   |    |          Nam   : Ky Mao                     |    | +Thien Y      -Thien Rieu |
| +Thai                     |    |          Gio   : Ti                         |    |               -Thien Hu   |
| +Thanh Long               |    |                                             |    |               -Tue Pha    |
| +Thien Giai               |    |          Tuoi  : Am Nam                     |    |               -Suy        |
| +Thieu Duong              |    |          Menh  : Thanh Dau Tho              |    |                           |
|                           |    |          Cuc   : Hoa Luc Cuc                |    |                           |
|  66                       |Ngo |                                             |Hoi |  16                       |
+---------------------------+----|                  am duong nghich ly         |----+---------------------------+
|<No Boc>                   |Ty  |                  Cuc Sinh Menh              |Ti  |<Menh>               <Than>|
|       (H)Thien Tuong      |    |  Sao chu menh  : +Van Khuc                  |    |                           |
|                           |    |  Sao chu than  : Thien Dong                 |    |                           |
| +Duong        -Thai Tue   |    |                                             |    | +Van Xuong    -Linh Tinh  |
| +Dia Giai     -Thien Khoc |    |                                             |    | +Bat Toa      -Benh Phu   |
|               -Tieu Hao   |    |                                             |    | +De Vuong     -Dia Vong   |
|               -ThienThuong|    |                                             |    | +Long Duc                 |
|                           |----+----------------------+----------------------+----|                           |
|  76                       |Thin|                   Mao|Dan                   |Suu |   6                       |
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<Quan Loc>                 |<Dien Trach>               |<Phuc Duc>                 |<Phu Mau>                  |
|       (V)Thai Duong       |       (M)Tham Lang        |       (V)Thien Dong       |       (D)Thien Phu        |
|       (V)Cu Mon           |       (M)Vu Khuc          |       (V)Thai am          |                           |
| +Huu Bat      -Truc Phu   | +An Quang     -Qua Tu     | +Thien Khoi               | +Hy Than      -Bach Ho    |
| +Phong Cao                | +Hoa Loc      -Dieu Khach | +Ta Phu                   | +Lam Quan     -Dia Kiep   |
| +Quoc an                  | +Hoa Quyen                | +Dao Hoa                  | +Duong Phu    -Dia Khong  |
| +Thien Phuc               | +Moc Duc                  | +Hong Loan                |                           |
| +Trang Sinh               | +Thien Quy                | +Phi Liem                 |                           |
| +Tuong Quan               | +Thien Tho                | +Phuc Duc                 |                           |
|                           | +Tau Thu                  | +Quan Doi                 |                           |
|                           | +Thien Tai                | +Thien Duc                |                           |
|  86                       |  96                       |  106                      |  116                      |
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
```

Số Kỷ Mão sanh ngày 29 tháng 9 giờ Tí, Mệnh Thân vô chính diệu ở Tuất được được Văn Xương (Kim đới Thổ làm điểm tựa, nhưng vì Linh Tinh nung nấu nên thân hình èo ọt ốm đau. Hợp với cách Cự Nhật Hữu Bật Thiên Phúc ở Dần (Quan) là người có khả năng luận lý xét đoán soi sáng giúp đời. Đứng ở vị trí Long Đức

(thiệt thòi) là chỗ ngồi tự thiện vô vị lợi, tự an ủi không phải là công lao nhỏ bé (Long Đức-đức tựa Long Ngai). Kỷ Mão với ý nghĩa đời gặp nhiều trở lực (Chi khắc Can) nên khiến vận hành nhiều lúc ngang trái lật ngược. Đại vận 26-35 hạn Thiên Không nên Cơ Lương Xương Khúc Hỏa Kỵ phải lận đận trên chốn đấu trường, rồi sau Hóa Khoa phụ giúp điều chỉnh có nghĩa là hạn Thiên Không không thể tránh khỏi buồn lòng thất bại, nhưng Thiên Không gặp Hóa Khoa lần hồi điều chỉnh tới chỗ thành công. 36-45 vận hành Thái Tuế phải đắc ý, nhưng Thái Tuế gặp Không Kiếp đắc ý để đi đến thất bại. Đây là một nguyên tắc cần xác định.

1/ - Hạn Thái Tuế là phải đắc ý.

2/ - Thái Tuế gặp Không Kiếp lên dễ mà xuống.

3/ - Thiên Không là phá sản.

4/ - Thiên Không Hóa Khoa xuống mà dễ lên.

Quan Phúc ở tuổi này đứng chia nhau ở cả 2 mặt âm dương với chủ ý dắt dẫn dương nhân trên đường phước thiện (Thiên Phúc ở Quan), Thiên Quan ở Dậu nhằm dẫn mặt Thiên Không (nhị hợp sinh nhập cung Thìn) với Hóa Khoa Thiên Ất (Khôi Việt) vậy.

Hàng Can trong lý học là phần gốc quan trọng nên những gì do Can xếp đặt là một sự huyền diệu với mục đích kỳ bí, thừa trừ ngay thẳng.

Lộc Tồn là thiên lộc tức là Hạnh phúc phú quí cho người đời do hàng Can quyết định đặt chỗ ngồi ở vị trí: Dần Mão Tỵ Ngọ Thân Dậu Hợi Tí.

Tại sao Lộc tồn có 8 vị trí ?

Mỗi tam hợp có 3 chi, 12 chi có 4 tam hợp (Kim Mộc Thủy Hỏa). Mỗi hành đều có âm dương nên chỉ có 8 chỗ (phải lấy Tỵ Ngọ là nơi sinh ra Mậu Kỷ làm nơi trú ngụ cho Mậu Kỷ).

Trong 8 chỗ ngồi thì chỉ có 4 chỗ ngồi là hợp lý cho 12 tuổi:

Giáp (D) cho 3 tuổi Dần Ngọ Tuất

Ất (A) cho 3 tuổi Hợi Mão Mùi

Canh (D) cho 3 tuổi Thân Tí Thìn

Tân (A) cho 3 tuổi Tỵ Dậu Sửu

Như vậy còn lại 4 chỗ khác dư thừa sao? Tỵ Ngọ Hợi Tí cho thấy một dàn cành mất hợp lý thông thường tức là trái nghịch lý âm, dương. Bính Mậu Nhâm là dương lại đóng ở Tỵ Hợi là âm, Đinh Kỷ là âm lại ở Ngọ Tí là dương.

Nghịch lý âm dương là có sự trục trặc không phải là tốt đẹp gì. Đây là cả một bài học cho nhân thế "tham thì thâm, biết thì sống". 6 Lộc tồn còn lại là mồi phú quí nhử làng xa mã.

Trong mỗi lá số của cá nhân có 3 điểm quan hệ nhất:

a – Mệnh là định mệnh của mình.

b – Thái Tuế là Thiên thời đắc thắng.

c – Lộc Tồn là hạnh phúc phú quí.

Người nào được cả 3 điểm trơn tru trúng cách đời phải lên hương. Còn một trong 3 điểm này bị trục trặc nên tự an ủi đi rẽ sang đường Quan Phúc tứ đức là hơn cả (từ thiện).

Những người trong 6 tuổi Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Quí hãy tìm kiếm nhận cho kỹ 3 yếu điểm ở nơi số mình, không bao giờ thoát khỏi Thiên Không hay Không Kiếp. Không ở Mệnh thì ở Thái Tuế, không ở Thái Tuế thì bắt buộc phải ở Lộc Tồn.

Thiết tưởng phù vân bồi đắp cho từ thiện là việc trúng cách của Thiên Ất Quan Phúc

Thiên Quan = (dương Hỏa) giải trừ uẩn khúc.

Thiên Phúc = (âm Thổ) thực hiện từ thiện.

KHÔI VIỆT THIÊN ẤT QUÍ NHÂN

Trong các bộ trung tinh của Tử Vi, chỉ có 3 đôi có tính cách đặc biệt là Xương Khúc, Long Phượng, Tả Hữu, được người đời tiếp đón chủ về văn học sáng giá, riêng bộ Xương Khúc phối hiệp với Khôi Việt là khoa bảng quyền uy. Xương Khúc đứng cặp với Âm Dương, dầu là vị trí lạc hãm cũng được cải tạo quang minh là những bậc uyên bác học gia. Khôi Việt có tính cách nổi bật cao siêu. Đứng cặp với Xương Khúc thì nêu cao văn tài để rồi chiếm địa vị đàn anh trên khoa trường.

Khôi Việt đứng với Tả Hữu là khả năng lãnh tụ.

Khôi Việt đứng với Long Phượng là ngôi vị cao cả của danh nhân chính phái.

Xương Khúc Tả Hữu Long Phượng là 3 bộ trung tinh quí cách cho phẩm giá cá nhân không như tam hoá Khoa Quyền Lộc chỉ là những tấm huy chương phản ánh về quyền lộc.

Tiếc rằng Khôi Việt ít khi đứng cặp với 3 bộ Xương Khúc Long Phượng Tả Hữu nhất là Khôi. Vị trí đặc biệt của bộ này đứng trong địa bàn không cho phép tiếp tay, nên hãn hữu mà có thì cũng nghịch hẳn lý âm dương: Tuổi Giáp Mậu là dương đặt Khôi Việt ở Sửu Mùi mà có thì cũng bị Tuần Triệt bẻ gẫy.

Khôi Việt đứng theo thiên can sắp xếp, hoàn toàn gần như nghịch hẳn lý âm dương:

Tuổi Giáp Mậu là dương đặt Khôi Việt ở Sửu Mùi (âm cung).

Tuổi ất Kỷ là âm đặt Khôi Việt ở Tí Thân (dương cung).

Tuổi Bính (D) Đinh (Â) đặt Khôi Việt ở Hợi Dậu (âm cung).

Tuổi Nhâm (D) Quý (Â) đặt Khôi Việt ở Mão Tỵ (âm cung).

Tuổi Canh (D) Tân (Â) đặt Khôi Việt ở Ngọ Dần (dương cung).

Theo chỗ đứng như bảng ở trên Thiên Khôi luôn luôn ở chỗ bị chôn bởi cung và Triệt làm cho thất thế. Là tư cách đoàn trưởng mà chính lại là người ở bậc thứ trung, làm nổi bật hẳn ý nghĩa của 4 chữ Thiên ất Quí Nhân.

Thiên Ất là gì ?

Xưa nay thường nghe 2 chữ Độn Giáp hay Thái Ất thần số là một môn toán dịch lý thuyết đoán cát hung của mỗi sự việc. Vậy tại sao lại gọi là Độn Giáp hay Thái ất ?

Độn Giáp là đôn chữ Ất lên thay thế cho chữ Giáp là địa vị đoàn trưởng của 10 Thiên Can, để chữ Giáp luân lưu ẩn chỗ của 6 chữ Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quí ở 6 con Giáp Tý, Tuất, Thân, Ngọ, Thìn , Dần.

Thái ất cũng cùng một ý nghĩa là chữ Ất ngôi vị thứ nhì lên lãnh vai thủ trưởng của Giáp.

Thiên ất là ngôi vị thứ nhì kế cận ngôi cao quí thiêng liêng, là vị tối cao phụ tá ban phước lành (quý nhân) che chở cho những ai xét ra hợp lý mà tình đáng thương.

Những ai được Thiên Ất thủ mạng là những người đương nhiên không bao giờ là người Thái Tuế cũng như Tuế Phá. Người Thái Tuế là người sinh ra như để gánh vác một công việc gì cao cả tốt đẹp, phải gặp nhiều điều may mắn để tiếp đón nhận lãnh trách nhiệm, đứng trong nghịch lý âm dương của Thiên mã làm hậu thuẫn. Hai phái này luôn luôn đứng trong nghịch lý âm dương của Thiên Ất, tức là Khôi Việt đóng ở dương cung thì Thái Tuế, Tuế Phá phải ở âm cung, trái lại Thiên Ất ở âm cung thì Thái Tuế, Tuế Phá đứng ở dương cung. Chỉ còn 2 phái Thiếu Dương là người có linh tính nhạy cảm hơn người và Thiếu Âm là người thành thật mà bị thua thiệt, là ở cùng Khôi còn Việt chỉ có 2 tuổi Đinh Tỵ, Quý Sửu đứng chung Thái Tuế. Đau đớn cho tuổi Canh Dần Ngọ Tuất và Quí Dậu hoàn toàn thất bại vì Triệt thủ tiêu mất Khôi hoặc Long Phượng.

Vậy tình cảm người được Thiên ất quý nhân thủ mạng là tình cảm hoàn toàn không đắc ý. Ở địa vị thứ nhân mà đương nhiên thủ vai trò đoàn trưởng lo toan mọi việc có tính cách phước thiện. Cái gì trái với đạo lý nghịch luân thường là khẳng định bất khuất.

Người Thái Tuế là người định mệnh nặn ra để lãnh những nhiệm vụ sáng giá. Người Thiên Ất là người sinh ra phụ giúp cho đời bằng hành động tích cực nhân nghĩa.

Trong Tử vi có rất nhiều hảo thủ đức độ và từ thiện đứng đầu là Thiên Quan, Thiên Phúc quí nhân, Thiên Đức, Nguyệt Đức,

Long đức, Phúc đức, Giải Thần, là một đoàn linh mục thượng toạ đầy đủ nhân hậu. Nhưng không sức mạnh quyền uy như Thiên Ất là ngôi vị ở ngay chính toà trực tiếp với vị tối cao ra lệnh cứu nhân độ thế. Việc cứu giải tai hoạ mọi sự đắc lực thành công dễ dàng hơn.

Tóm tắt Khôi Việt là Thiên Ất quí nhân có tính cách lãnh tụ của vai trò mà thứ nhân quản nhiệm rất thành công trong việc cứu giải tai nạn cho dương nhân, được chuẩn nhận xứng đáng mà đương thời không mấy đắc ý.

Nữ văn thi hào Tương Phố là điển hình của Thiên Ất quý nhân, tuổi Đinh Dậu ngày 22 tháng 11 giờ Mão. Nhờ tuổi Đinh mà mệnh đứng ngay vị trí Thái Tuế (Dậu cung) chung cùng Thiên Việt một cặp minh tinh hành Hoả đắc cách cho Hoả mệnh vô chính diệu. Thân phá cách (Tuế Phá) bổ khuyết cho mệnh đắc Khôi Xương Khúc là đặc tài văn chương xuất chúng, vẫn phải chịu hẩm hiu lẻ bóng goá chồng ngay từ tuổi 23.

```
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<Tai Bach>                 |<Tu Tuc>                   |<Phu The>                  |<Huynh De>                 |
|       (D)Thien Tuong      |       (M)Thien Luong      |       (D)That Sat         |                           |
|                           |                           |       (D)Liem Trinh       |                           |
|  +Dia Giai     -Da La     |  +Loc Ton                 |  +Van Xuong   -Linh Tinh  |  +Thanh Long  -Truc Phu   |
|  +Phong Cao    -Bach Ho   |  +Bac Si       -Hoa Tinh  |  +Van Khuc    -Kinh Duong |  +Trang Sinh  -Dia Khong  |
|  +Thien Tru    -Pha Toai  |  +Dao Hoa                 |  +Duong       -Qua Tu     |               -Luu Ha     |
|                -Quan Phu  |  +Hong Loan               |  +Luc Si      -Thien Hinh |                           |
|                -Tuyet     |  +Phuc Duc                |               -Dieu Khach |                           |
|                           |  +Thai                    |                           |                           |
|                           |  +Thien Duc               |                           |                           |
|                           |  +Thien Giai              |                           |                           |
|                           |  +Thien Tai               |                           |                           |
|   85                      |   95                      |  105                      |  115                      |
+----------[Tuan]-----------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<Tat ach>                  |Hoi |                  Tuat|Dau                    |Than|<Menh>                     |
|       (H)Cu Mon           |----+----------------------+-----------------------+----|                           |
|                           |    |                                                  |                           |
|  +Long Duc     -Hoa Ky    |    |        Ho ten: Tuong Pho phu                     |  +Thien Viet  -Thai Tue   |
|  +Mo           -Phuc Binh |    |        Sanh  : 22 Thang 11                       |  +Luu Nien    -Thien Khoc |
|                -Thien Su  |    |        Nam   : Dinh Dau                          |  +Moc Duc     -Tieu Hao   |
|                -Thien La  |    |        Gio   : Mao                               |  +Thai Phu                |
|                           |    |                                                  |                           |
|                           |    |        Tuoi  : Am Nu                             |                           |
|                           |    |        Menh  : Son Ha Hoa                        |                           |
|                           |    |        Cuc   : Tho Ngu Cuc                       |                           |
|   75                      |Ti  |                                              Mui |    5                      |
+---------------------------+----|                am duong thuan ly            |----+---------------------------+
|<Thien Di>           <Than>|Suu |                Menh Sinh Cuc                |Ngo |<Phu Mau>                  |
|       (B)Tu Vi            |    |  Sao chu menh  : +Van Khuc                  |    |       (H)Thien Dong       |
|       (H)Tham Lang        |    |  Sao chu than  : Thien Dong                 |    |                           |
|  +An Quang     -Dai Hao   |    |                                             |    |  +Hoa Quyen   -Thien Khong|
|  +Bat Toa      -Thien Hu  |    |                                             |    |  +Quan Doi    -Dia Vong   |
|                -Tu        |    |                                             |    |  +Thieu Duong             |
|                -Tue Pha   |    |                                             |    |  +Tuong Quan              |
|                           |----+----------------------+----------------------+----|                           |
|   65                      |Dan |                  Mao |Thin                  |Ty  |   15                      |
+----------[Triet]----------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<No Boc>                   |<Quan Loc>                 |<Dien Trach>               |<Phuc Duc>                 |
|       (H)Thien Co         |       (B)Thien Phu        |       (H)Thai Duong       |       (H)Pha Quan         |
|       (H)Thai am          |                           |                           |       (H)Vu Khuc          |
|  +Ta Phu       -Benh      |  +Giai Than    -Quan Phu  |  +Huu Bat                 |  +Thien Khoi              |
|  +Hoa Khoa     -Benh Phu  |  +Hoa Cai      -Suy       |  +De Vuong                |  +Lam Quan    -Co Than    |
|  +Hoa Loc      -Dau Quan  |  +Hy Than                 |  +Phi Liem                |  +Tam Thai    -Tang Mon   |
|  +Nguyet Duc   -Dia Kiep  |  +Long Tri                |  +Thien Hi                |  +Thien Ma    -Thien Rieu |
|  +Quoc an      -Kiep Sat  |  +Phuong Cac              |  +Thien Tho               |  +Thien Phuc              |
|  +Thien Quan   -Tu Phu    |                           |  +Thieu am                |  +Thien Quy               |
|                -ThienThuong                           |                           |  +Thien Y                 |
|                           |                           |                           |  +Tau Thu                 |
|                           |                           |                           |  +Duong Phu               |
|   55                      |   45                      |   35                      |  25                       |
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
```

Lời văn bà là cả giọt mưa ngâu buồn bã thánh thót gợi mối thương tâm do Bà (Thân) đủ tư cách khêu gợi.

Phải chăng người lỗi lạc của Thiên Ất quý nhân nếu được trường hợp nào đắc cách hơn ai thì không thể không có giông tố phũ phàng vùi dập, bởi do vị trí nghịch lý âm dương mà Khôi Việt bị xếp đặt trong khuôn khổ. Nói chung, người được Thiên Ất quí nhân chiếu cố là người đã có sự đồng ý của định mệnh làm cho nghiêng ngửa để rồi Khôi Việt ra tay tế độ mới rõ rệt chân lý.